CẨM NANG du lịch Nghệ An

Nhà xuất bản Lao động - Xã hội
Năm 2005

Cẩm nang

DU LỊCH NGHỆ AN

HÀ NỘI - 2005

Lời giới thiệu

Từ Hà Nội - Thủ đô ngàn năm văn hiến, sau khoảng 5 giờ xe chạy trên con đường thiên lý về hướng Nam, tuyến đường quốc lộ 1A, du khách sẽ đặt chân đến mảnh đất Nghệ An, nơi được người xưa ví là cảnh "non xanh nước biếc", "sơn thủy hữu tình", là một trong những địa chỉ văn hóa đặc biệt của cả nước với hệ thống di tích - danh thắng đa dạng phong phú, nhiều chủng loại, có niên đại trải dài từ thời kỳ sơ khai của con người cho đến ngày nay.

Nghệ An có diện tích toàn tỉnh là 16.487km², trong đó có hơn 12.000km² rừng núi tạo ra những thảm thực vật với nhiều khu rừng nguyên sinh, đáp ứng nhu cầu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, leo núi và nhiều loại hình du lịch khác. Đặc biệt có Vườn quốc gia Pù Mát, khu bảo tồn rừng nguyên sinh Pù Hoạt là những kho tàng bảo tồn đa dạng về sinh học, rất hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế.

Đến với Nghệ An là du khách đến với vùng đất lịch sử văn hóa, một mảnh đất giàu truyền thống và đấu tranh được đúc kết bằng những phong tục, tín ngưỡng nên có sức sống và lan tỏa lâu bền mãnh liệt. Hiện nay, Nghệ An có trên 1000 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 131 di tích lịch sử văn hóa được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử quốc gia, đặc biệt là khu di tích Kim Liên, quê hương của Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất của thế giới, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam - Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là khu di tích đặc biệt của quốc gia có giá trị lịch sử văn hóa muôn đời.

Nghệ An là địa phương rất giàu bản sắc nhân văn, có truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, chiến thắng thiên tai, có nền văn hóa dân gian phong phú và đậm đà bản sắc dân tộc như hát dân ca, hát ví dặm, hát phường vải, hò, vè... có tiềm năng phát triển du lịch đa dạng phong phú. Với 82km bờ biển, Nghệ An có nhiều bãi tắm đẹp, đặc biệt là bãi tắm Cửa Lò sóng hiền, nền phẳng, cát mịn, nước trong, cảnh quan và môi trường hấp dẫn.

Các dân tộc anh em cùng chung sống trên đất Nghệ An như: Kinh, Thái,

Cẩm nang Du lịch Nghệ An

Khơ Mú, Thổ, H'Mông, Ơ Đu, Đan Lai đã để lại nhiều sản phẩm văn hóa dân tộc đặc sắc tại vùng Tây, Tây Bắc Nghệ An, là những sản phẩm du lịch văn hóa có sức cuốn hút khách du lịch quốc tế và trong nước.

Nằm giữa các trung tâm du lịch của cả nước (Hạ Long - Hà Nội - Huế - TP. Hồ Chí Minh) Nghệ An là trung tâm vùng Bắc Trung bộ, có tuyến quốc lộ 1A chạy qua, đường sắt xuyên Việt, có cảng biển quốc tế Cửa Lò, sân bay Vinh và nằm trên tuyến giao thông quốc tế xuyên Việt qua Thái Lan, Lào theo đường 7 và đường 8 là tuyến hành lang đông tây rất quan trọng cho phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng của 3 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan.

Tỉnh Nghệ An sớm hình thành được chiến lược phát triển du lịch. Trong đó chiến lược phát triển du lịch thời kỳ 1996 - 2010 đã xác định rõ Nghệ An có 5 trung tâm du lịch lớn: Trung tâm du lịch biển Cửa Lò; Trung tâm du lịch thành phố Vinh; Trung tâm du lịch Nam Đàn; Khu du lịch vườn Quốc gia Pù Mát; Khu du lịch Văn hóa - lịch sử sinh thái Quỳ Châu - Quế Phong. Phương hướng phát triển du lịch Nghệ An là khai thác các tiềm năng du lịch, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm cho du lịch phát triển có hiệu quả, bền vững.

Hưởng tới năm 2005 - Năm Du lịch Nghệ An, Tạp chí Công nghiệp phối hợp với Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Nghệ An, Thành ủy Vinh, Huyện ủy Nam Đàn, Thị ủy Cửa Lò và 2 đơn vị là: Sở Du lịch, Sở Văn hóa Thông tin biên soạn cuốn sách "Cẩm nang du lịch Nghệ An" nhằm cung cấp cho du khách những thông tin và hướng dẫn cần thiết khi đến Nghệ An.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách này, Ban Biên tập có sử dụng một số bài viết, tư liệu, ảnh của các đồng nghiệp trong và ngoài Tỉnh và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình, có hiệu quả của lãnh đạo Tỉnh ủy Nghệ An và các cơ quan, ban, ngành, doanh nghiệp trong Tỉnh, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó và mong bạn đọc gần xa lượng thứ cho những thiếu sót khó tránh khỏi trong quá trình xuất bản.

Chúc cho năm Du lịch Nghệ An thành công tốt đẹp!

Ban Biên tập

TIỀM NĂNG DU LỊCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA DU LỊCH NGHỆ AN

HOÀNG TRUNG CHÂU
Giám đốc Sở Du lịch Nghệ An

Nghệ An là tỉnh có tiềm năng phát triển du lịch đa dạng phong phú. Với 82km bờ biển có nhiều bãi tắm đẹp, nhất là bãi tắm Cửa Lò, một trong những bãi tắm tốt và đẹp nhất vùng biển phía Bắc Việt Nam.

Nghệ An rộng 16.470 km², là tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước, trong đó có 12.000km² rừng núi, với nhiều khu rừng nguyên sinh đáp ứng nhu cầu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, leo núi và các loại hình du lịch khác. Đặc biệt vườn quốc gia Pù Mát, khu bảo tồn rừng nguyên sinh Pù Hoạt là những kho tàng bảo tồn đa dạng về sinh học rất hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế

Nói đến du lịch Nghệ An, không thể không nói đến du lịch văn hóa - lịch sử. Là tỉnh có trên 1000 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 131 di tích đã được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử Quốc gia, đặc biệt là khu Di tích Kim Liên, quê hương của Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Lãnh tụ vĩ

đại của nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh. Kim liên là Khu di tích đặc biệt của Quốc gia có giá trị lịch sử văn hóa muôn đời. Hàng năm khu di tích này đón trên 2 triệu lượt khách hành hương về thăm quê Bác.

Nghệ An không chỉ giàu sản phẩm văn hóa vật thể mà còn rất phong phú về văn hóa phi vật thể, có sức hấp dẫn khách du lịch - đó là bản sắc nhân văn, truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, chiến thắng thiên tai, nền văn hóa dân gian phong phú và đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc như hát dân ca, hát ví dặm, hát phường vải, hò, vè... với 8 dân tộc anh em cùng chung sống: như Kinh, Thái, Khơ Mú, Thổ, H'Mông, Dan Lai, Ơ Đu với nhiều thể loại văn hóa dân tộc đặc sắc khác.

Nghệ An còn là tỉnh có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch, cách Thủ đô Hà Nội gần 300km, là vùng đất nằm giữa các Trung tâm Du lịch của cả nước (Hạ Long - Hà Nội -Huế - Mĩ Sơn - Hội An - TP. Hồ Chí Minh).

Nghệ An với vị trí là trung tâm vùng Bắc Trung bộ, nằm trên tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Việt, có cảng biển quốc tế Cửa Lò, sân bay Vinh, nằm trên tuyến giao thông quốc tế xuyên Việt qua Thái Lan, Lào theo đường 7 và đường 8, là tuyến hành lang Đông Tây rất quan trọng trong phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng của 3 nước Việt Nam - Lào - Thái.

Trong quy hoạch phát triển du lịch Nghệ An 1996 - 2010 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xác định rõ:

Nghệ An có 5 vùng trọng điểm phát triển du lịch: ***Du lịch Cửa Lò; Du lịch thành phố Vinh; Du lịch Nam Đàn; du lịch Vườn Quốc gia Pù Mát và Du lịch sinh thái văn hóa lịch sử Quỳ Châu - Quế Phong.***

Trong những năm qua, Nghệ An đã tập trung đầu tư khai thác Trung tâm du lịch biển Cửa Lò. Nếu như những năm đầu thập niên 90 Cửa Lò mới là những làng chài bé nhỏ, nguồn sống chủ yếu là đánh bắt hải sản ven bờ, chưa có khái niệm phát triển du lịch, thì năm 2003, Cửa Lò đã có một

Công viên Hồ Cửa Nam *Ảnh: Sỹ Minh*

hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển du lịch hiện đại. Với gần 200 cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, trên 2000 phòng ngủ đạt tiêu chuẩn quốc tế với tổng vốn đầu tư trên 1000 tỷ đồng. Năm 2003 đón 574.000 lượt khách lưu trú, với doanh thu gần 100 tỷ đồng.

Để phát triển nhanh du lịch Cửa Lò có hiệu quả, bền vững, thu hút được nhiều nhà đầu tư, Nghệ An xác định: tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho toàn bộ bãi biển Cửa Lò (trên 8km), bao gồm hệ thống điện, đường, đảm bảo cho thị xã du lịch Cửa Lò là một thị xã xanh - sạch - đẹp, có môi trường sinh thái bền vững. Xúc tiến quy hoạch và lập dự án đầu tư khu du lịch bãi biển Nghi Thiết, nhằm đ a dạng hóa sản phẩm du lịch.

Khu du lịch Nam Đàn, trọng tâm là khu Di tích lịch sử văn hóa Kim Liên, là khu Di tích được Nhà nước xếp hạng di tích đặc biệt quốc gia "Quê hương Anh hùng dân tộc - Danh nhân văn hóa thế giới, vị lãnh tụ vĩ đại của Nhân dân Việt Nam - Chủ tịch Hồ Chí Minh", hàng năm có trên 2 triệu lượt khách về thắp hương cho Người, thăm viếng mộ cụ Hà Thị Hy, bà nội của Bác Hồ và thăm viếng mộ bà Hoàng Thị Loan, thân mẫu Bác Hồ. Việc đầu tư tôn tạo Khu Di tích này được Phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm nêu rõ ý kiến trong kết luận tại cuộc họp bàn kế hoạch năm 2002 về đầu tư hạ tầng và Chương trình du lịch của Tổng cục Du lịch ngày 07/09/2001: "*Bộ Văn hóa Thông tin phối hợp với Tổng cục Du lịch và UBND tỉnh Nghệ An nghiên cứu đầu tư Khu Di tích Chủ tịch*

Hồ Chí Minh tại Nam Đàn - Nghệ An. Tỉnh Nghệ An phải khẩn trương hoàn thành quy hoạch khu di tích này, có chỗ trang trọng cho khách đến tham quan, thắp hương tưởng niệm, xây dựng và trưng bày bảo tàng để khi khách đến thăm hiểu rõ thêm về cuộc đời và sự nghiệp vĩ đại của Bác..." (Thông báo số 117/TB- VPCP ngày 18/9/2001 của Văn phòng Chính phủ). Ngày 25/12/2001 Chính phủ đã có công văn số 6298/VPCP đồng ý cho tỉnh Nghệ An lập dự án khả thi "Tôn tạo Khu di tích Kim Liên, gắn với phát triển du lịch Nam Đàn" trình Chính phủ phê duyệt. Dự án này nhằm tôn tạo quê nội, quê ngoại của Bác Hồ và tôn tạo khu mộ cụ Hà Thị Hy, khu mộ bà Hoàng Thị Loan đồng thời xây dựng mới hệ thống bảo tàng ngoài trời với chủ đề "Theo dấu chân Bác" tại Núi Chung. Dự án đang được khẩn trương triển khai xây dựng, dự kiến đến năm 2007 về cơ bản hoàn thành. Sau khi dự án hoàn thành các hạng mục của Khu Di tích lịch sử, văn hóa và cơ sở hạ tầng sẽ được nâng cấp xứng đáng với tầm vóc của nó và ý nguyện của nhân dân cả nước, đồng thời sẽ là cơ sở dịch vụ du lịch có hiệu quả, với phương châm bảo tồn tôn tạo Di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch, nhằm tạo ra động lực phát triển kinh tế gắn với phát huy truyền thống cách mạng, truyền thống văn hóa dân tộc. Song song với thực hiện dự án tôn tạo

Ngày hội sông nước Cửa Lò - Ảnh: Sỹ Minh

khu di tích. Lễ hội làng Sen đang được tổ chức hàng năm, góp phần tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại mới, phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn của nhân dân ta đối với Bác Hồ kính yêu.

Để thu hút nhanh và nhiều khách du lịch quốc tế đến Nghệ An - hướng chiến lược của du lịch Nghệ An là xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa lịch sử, du lịch sinh thái. Trong những năm trước mắt, Tỉnh sẽ tập trung quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển du lịch vườn quốc gia Pù Mát, nơi nghỉ ngơi, giải trí, nghiên cứu khoa học hết sức lý tưởng của khách du lịch, với cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái đặc biệt hấp dẫn, lại còn vị trí địa lý thuận lợi (Cách thành phố Vinh 120km, cách đường mòn Hồ Chí Minh 30km). Vườn quốc gia Pù Mát là một tiềm năng du lịch lớn có sức thu hút khách trong nước và khách quốc tế đến với Nghệ An. Dự án bảo tồn rừng nguyên sinh Vườn Quốc gia Pù Mát gắn với phát triển du lịch đã được Chính phủ phê duyệt đang được tổ chức thực hiện. Trước hết là ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng vào các điểm du lịch trong vườn quốc gia và các cơ sở dịch vụ phục vụ khách du lịch.

Ngành Du lịch Nghệ An đang tiến hành quy hoạch phát triển du lịch vùng Quỳ Châu - Quế Phong là vùng có nhiều sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử nhằm bảo tồn các làng văn hóa dân tộc Thái cổ, phát triển du lịch hang động, du lịch sinh thái, du lịch lễ hội các dân tộc, nơi cách đây 66 năm, trong dịp đầu xuân, vua Bảo Đại đã đến ở trong Hang Bua tổ chức hội thi người đẹp, thi dệt thổ cẩm và săn bắn, từ đó hình thành lễ hội Hang Bua hàng năm của đồng bào các dân tộc 6 huyện trong vùng, đến nay có nhiều tour du lịch của khách quốc tế đến vùng này.

Nếu những năm 1990 - 1993, Du lịch Nghệ An mới chỉ đón xấp xỉ 100 ngàn khách lưu trú với doanh thu 15 tỷ đồng/năm, thì năm 2004, du lịch Nghệ An đã đón hơn 1 triệu lượt khách lưu trú với doanh

thu trên 250 tỉ đồng, hoạt động kinh doanh du lịch đã đa dạng phong phú gồm: kinh doanh lữ hành, kinh doanh lưu trú, kinh doanh vận tải du lịch và kinh doanh các dịch vụ phục vụ du lịch. Cho đến nay, Nghệ An có trên 170 đơn vị kinh doanh du lịch với 2 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế, với gần 3500 phòng nghỉ trong đó có trên 2000 phòng đạt chuẩn quốc tế, đã hình thành được nhiều tour, tuyến du lịch. Các thị trường du lịch quốc tế kinh doanh có hiệu quả như: thị trường Đông Bắc Thái Lan - Lào qua đường 8, thị trường khách Trung Quốc. Du lịch qua đường 8 là những tour du lịch có lợi thế nhất với du lịch Nghệ An. Đường số 8 là con đường ngắn nhất và tốt nhất nối Vinh với Thủ đô Viêng Chăng nước CHDNCD Lào (Vinh - Viêng Chăn 460km), con đường số 8 cũng là con đường ngắn nhất nối Vinh với Nakhon Fanôm, Udon Thani thành phố lớn thứ ba của Vương quốc Thái Lan (Vinh - Nakhon Fanôm 338km). Nhờ vậy, nhiều tour du lịch Đông Bắc Thái Lan - Vinh - Hà Nội - Hạ Long và ngược lại. Tour: Viêng Chăn - Vinh - Hà Nội - Hạ Long và ngược lại đang được các công ty du lịch trong tỉnh và ngoài tỉnh tổ chức thực hiện khá tốt và có hiệu quả. Năm 2003 đã có trên 20 ngàn lượt khách Thái Lan xuất phát từ U đon Thani, Nakhon Fanôm, Noọng Khai theo đường 8 đến Nghệ An,

Khu nhà quê ngoại Bác Hồ ở Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Ảnh: Sỹ Minh

từ đây đi các trung tâm du lịch của cả nước. Các tour oubour đi theo đường số 8 cũng ngày càng phát triển: các tỉnh phía Bắc đến Vinh đi Viêng Chăn - Luông Prabăng; Viêng Chăn - Cánh Đồng Chum... hoặc Vinh - Nakhon Fanôm - Udon Thani- Băng Kôc. Lượng khách du lịch nước thứ 3, thứ 4 đi theo các tour này cũng ngày càng đông.

Trong những năm qua, tốc độ phát triển du lịch hàng năm trên 18%. Năm 2004 dự kiến tăng 24% so với năm 2003. Với tiềm năng lợi thế về du lịch của tỉnh Nghệ An; với tốc độ phát triển du lịch tăng cao hàng năm, đặc biệt năm 2005, với cả nước, tại Nghệ An có nhiều sự kiện lịch sử trọng đại: Kỷ niệm 75 năm Xô Viết Nghệ Tĩnh, kỷ niệm 115 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất tổ quốc, 75 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam... Tại Kết luận số 20 KL/TW ngày 02/6/2003 Bộ Chính trị đồng ý lấy năm 2005 làm năm Du lịch Nghệ An. Đây là sự kiện du lịch quốc gia với nhiều sự kiện du lịch lớn được tổ chức tại Nghệ An. Tỉnh Nghệ An đang tập trung 45 hạng mục công trình để đưa vào phục vụ Năm Du lịch, 13 nhà đầu tư trong và ngoài nước đang đầu tư vào các dự án du lịch của Nghệ An. Cùng với việc khai thông đường bay thẳng Vinh - Tp Hồ Chí Minh (hiện nay đang bay với tần suất 1 tuần 7 chuyến), tàu hỏa Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh chạy 30 giờ (Hà Nội - Vinh 5 giờ, Vinh - TP. Hồ Chí Minh 25 giờ), hệ thống đường bộ ngày càng tốt hơn; Cửa khẩu Nậm Cắn đã trở thành cửa khẩu quốc tế, đường 7 là tuyến giao thông quốc tế ngắn nhất nối liền Vinh với Pônxavẳn - Cánh đồng Chum và các tỉnh Đông Bắc Lào; Cửa khẩu Thanh Thủy sẽ được hoàn thành nối liền Vinh - Nam Đàn, Pacxan (Bôly Khămxay) - Viêng Chăn sẽ rút ngắn quãng đường Vinh - Viêng Chăn chỉ còn 400km. Các dự án đầu tư phát triển Du lịch của Nghệ An sớm được thực hiện, chắc chắn trong những năm tới, Du lịch Nghệ An sẽ có bước phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả.

Văn hóa Nghệ An

HƯỚNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN: TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

HỒ HỮU THỚI
Giám đốc Sở VHTT Nghệ An

1. Nghệ An là một địa danh nổi tiếng của Việt Nam trên nhiều phương diện: địa lý, lịch sử, văn hóa, quân sự... đã có đóng góp quan trọng và có vị trí xứng đáng trong tiến trình lịch sử - văn hóa dân tộc. Địa danh Nghệ An còn gọi là xứ Nghệ, trước năm 1831, bao gồm cả hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay. Đó là về diên cách địa lý hành chính, còn trước sau, xứ Nghệ vẫn là một vùng văn hóa thống nhất. Vùng địa linh nhân kiệt này tuy hai mà một, một mẫu số chung, một hệ giá trị chung. Dành rằng vẫn có, không nhiều, dại đồng tiểu dị. Đó chỉ là sự khác nhau không đáng kể về tử số còn vẫn chung mẫu số. Sự không đồng nhất tuyệt đối này là do các yếu tố tự nhiên địa hình, dân cư, xã hội và lịch sử đem lại. Địa danh Nghệ An ở đây chúng tôi đang nói là: Nghệ An xưa/ xứ Nghệ. Nói vậy là để có một cái nhìn toàn thể và khách quan khi tìm hiểu văn hóa Nghệ An và tiến trình phát triển của nó trong giai đoạn hiện nay.

Lễ tế đền Ông Hoàng Mười *Ảnh: Sỹ Minh*

2. Căn cứ kết quả nghiên cứu của các ngành khoa học thì trên vùng đất xứ Nghệ đã từng có người nguyên thủy cư trú. Trên mảnh đất này, hàng vạn năm trước đã bắt

đầu một quá trình sáng tạo văn hóa. Tư liệu của các ngành khoa học khẳng định rằng, trên mảnh đất này đã từng tồn tại các nền văn hóa kéo dài liên tục từ thời đại đồ đá đến thời đại kim khí. Hàng loạt các di chỉ khảo cổ học như Thẩm Ồm đến Quỳnh Văn, Đồng Mõm, Rú Ta, Phôi Phối, Rú Dầu, làng Vạc... đã chứng minh điều đó.

Trong suốt tiến trình phát triển, từ buổi bình minh của lịch sử cho đến nay, văn hóa Nghệ An/ xứ Nghệ đã sáng tạo nên một hệ giá trị vô cùng phong phú, đảm bảo cho sự trường tồn và phát triển của cộng đồng trong lịch sử. Trong các tầng trầm tích văn hóa đó, theo chiều lịch đại, có rất nhiều giá trị có tính ổn định cao, được duy trì, phát triển liên tục và xuyên suốt tiến trình lịch sử - văn hóa. Đó chính là các truyền thống văn hóa. Có truyền thống hiện rõ, lại có truyền thống ẩn mình, thấp thoáng, có cái độc đáo (chỉ riêng của Nghệ An - Xứ Nghệ), lại có cái trùng giống với các cộng đồng, vùng - miền khác. Tất cả những truyền thống đó đan cài, hòa quyện vào nhau, tạo nên cốt cách và bản sắc của văn hóa Nghệ An, văn hóa xứ Nghệ.

3. Văn hóa xứ Nghệ/ Nghệ An là một văn hóa mở, giao lưu, khoan dung, hợp nguyên để thống nhất hài hòa trong một giá trị chung, tạo nên truyền thống/ bản sắc riêng. Đây là hệ quả tất yếu của các quá trình lịch sử xã hội. Trong lịch sử, tạm lấy từ thời kỳ kim khí trở về sau, vùng đất xứ Nghệ là miền biên viễn của Văn Lang - Âu Lạc và các Nhà nước tiếp theo. Về nhiều phương diện, đều phát triển muộn hơn so với vùng châu thổ sông

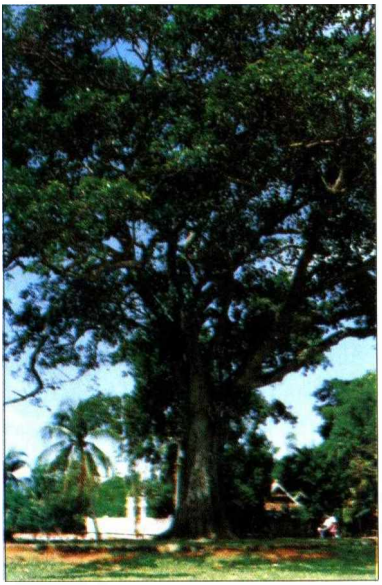

Cây đa làng Sen, Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Ảnh: Sỹ Minh

Hồng, sông Mã. Thế nhưng chỉ một, hai trăm năm sau khi đất nước giành được quyền độc lập tự chủ, Nghệ An - xứ Nghệ đã vươn lên để có sự phát triển đồng đều với "tứ trấn" trên nhiều phương diện, nhất là lĩnh vực văn hóa - văn hiến. Hơn nữa, diện mạo văn hóa xứ Nghệ lại phong phú, không chỉ là hình thức biểu hiện, mà nằm ở tầng sâu bản chất, điều đó có nguyên nhân từ tính chất mở, từ quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa. Có thể nói, vùng đất xứ Nghệ xưa là một cửa mở của đất nước. Phía Nam là đất Chiêm Thành - một quốc gia có nền văn hóa phát triển rực rỡ, đặc biệt từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIII. Phía Tây tiếp giáp với Lào. Các dân tộc thiểu số ở Nghệ An hiện nay chủ yếu đi vào từ con đường này đã một phần chứng minh hướng mở phía tây của xứ Nghệ. Và nữa, phía Đông là một cửa mở lớn với các bộ lạc - quốc gia Nam Đảo. Con đường giao lưu Đông - Tây trên biển đã đi qua biển xứ Nghệ. Đây là một lối mở rộng rãi với Đông Nam Á và về sau, là cả thế giới rộng lớn hơn nhiều.

Nhìn lại lịch sử, ta thấy, chỉ nói về văn hóa của người Việt, xứ Nghệ là ga cuối của không gian văn hóa Việt trong thời kỳ cổ trung đại. Trong cuộc xô đẩy của lịch sử, những đại diện văn hóa của các vùng - miền trong cả nước đã tụ họp về đây để "không cố ý" thực hiện cuộc giao lưu văn hóa trường kỳ và văn hóa xứ Nghệ đã thực hiện tiếp biến và hợp nguyên các yếu tố văn hóa, các yếu tố ngoài Việt, tạo thành một giá trị. Trên địa bàn Nghệ An / xứ Nghệ đã lần lượt cùng tồn tại nhiều nguồn gốc văn hóa khác nhau của các tộc người, tạo nên một không gian văn hóa mở, hòa đồng các nguồn gốc/ yếu tố để xây dựng nên một truyền thống, một cốt cách bản sắc riêng của văn hóa Nghệ An/ xứ Nghệ.

4. Mọi truyền thống văn hóa đều được ẩn chứa và thể hiện trong môi trường nhân văn. Các thế hệ người nối tiếp nhận sự trao đổi truyền thống để duy trì, phát huy và phát triển trong môi trường mới, điều kiện mới. Con người là tấm gương phản chiếu các truyền thống văn hóa. Nghiên cứu truyền thống văn hóa Nghệ An, chủ yếu

và đích thực là nghiên cứu con người Nghệ An, sau đó mới là kho tàng di sản văn hóa.

4.1. Tính tự trọng, tinh thần trách nhiệm cao, tình yêu quê hương, đất nước nồng nàn, tha thiết là một truyền thống nổi bật của văn hóa xứ Nghệ và người xứ Nghệ /Nghệ An. Người Nghệ, bất luận trong hoàn cảnh nào cũng lấy danh dự của bản thân, gia đình, dòng họ, quê hương và trên hết là Tổ quốc làm trọng. Người Nghệ thường đặt lợi ích của cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân, sẵn sàng hy sinh quyền lợi của cá nhân hoặc cộng đồng nhỏ vì lợi ích của cộng đồng lớn. Trải bao đời nay, người Nghệ luôn tỏ rõ ý chí quật cường, dám xả thân vì đất nước, vì nghĩa lớn và ở họ, sự trung thành là một chuẩn mực. Mai Thúc Loan và cuộc khởi nghĩa năm 772: Trần Tấn - Đặng Như Mai và cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất 1847; Lê Ninh - Phan Đình Phùng - Cao Thắng - Nguyễn Xuân Ôn với phong trào Cần Vương đánh Pháp những năm cuối thế kỷ XIX: Phan Bội Châu và Hội Duy Tân, phong trào Đông Du hồi đầu thế kỷ XX và cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931... là những ví dụ về nhân cách, ý chí, tinh thần yêu nước của người Nghệ. Đặc tính này xuất phát từ sự tự ý thức về nhân cách của cá nhân và danh dự phẩm giá của cộng đồng, của Tổ quốc. Điều này có nguồn gốc của nó. ở vào "ga cuối" không con đường nào khác là phải quý, phải yêu, phải gìn giữ lấy tổ ấm quê hương, cộng đồng, lấy mảnh đất của mình để mà sinh tồn. ở vùng đất hẻo lánh và hiểm trở phải đương đầu với biết bao nguy cơ thử thách đã rèn luyện cho con người nơi đây trách nhiệm cao cả hơn, ý thức cộng đồng, tình yêu quê hương đất nước và được hình thành từ đó.

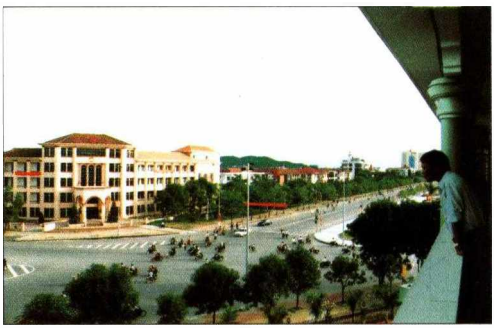

Một góc thành phố Vinh *Ảnh: Sỹ Minh*

Thi kéo co trong lễ hội Đền Ông Hoàng Mười
Ảnh: Sỹ Minh

4.2. Một truyền thống nổi bật của văn hóa xứ Nghệ, người xứ Nghệ là bản lĩnh can trường, trọng nghĩa, thủy chung. Đây là phẩm chất chung của dân tộc Việt Nam. Thế nhưng, nếu điểm lại, ta thấy đặc điểm này nổi trội ở người xứ Nghệ. Sử sách nước nhà đã ghi nhiều những gương sáng về bản lĩnh, khí phách của người Nghệ.

Song cùng với bản lĩnh - một tình cảm thủy chung với bản ngã của chính mình - người Nghệ luôn thủy chung trong mọi mối quan hệ gia đình, xã hội. Có thể lấy chuyện bà Tú Ngôn làm một tấm gương. Chồng bà (tú tài Phạm Văn Ngôn), hoạt động cách mạng, bị giặc Pháp bắt đầy ra Côn Đảo, bà theo ra Côn Đảo ở tù cùng chồng và sinh con để bảo tồn nòi giống cho gia tộc. Và có rất nhiều tấm gương chung thủy với bạn bè, người thân khác...

Có bản lĩnh kiên cường mới làm nên nghiệp lớn. Thế nhưng, nếu không tỉnh táo và sáng tạo sẽ dẫn tới cực đoan, giáo điều dễ hình thành một tập quán tâm lý là mình duy nhất đúng, gây nên sự trì trệ không chịu đổi mới để phù hợp với hoàn cảnh mới. Đây chính là nguyên nhân gây nên không ít va vấp, thậm chí thất bại. Điều này là đã từng có ở Nghệ An/ xứ Nghệ.

4.3. Tính nhân văn sâu sắc là một truyền thống của văn hóa xứ Nghệ. Cốt lõi của tính nhân văn là sự tôn trọng và nâng đỡ, bảo vệ các giá trị của các cá thể và cộng đồng, của thế giới tự nhiên khắc nghiệt, cùng với người bản địa, các dòng người dịch cư từ vùng châu thổ trung tâm về đây nên phải dựa vào nhau mà sống, mà chống chọi với nắng - mưa - lụt - bão, với thú rừng và với những cuộc cướp phá, những cuộc chiến tranh. Từ chỗ là điều bắt buộc, dần dần theo năm tháng, đây là một cách ứng xử tự giác và hình thành nên một truyền

thống văn hóa.

Người Nghệ kiên định bản ngã, nhưng chấp nhận và tôn trọng các tính cách khác. So với người một số vùng khác, Người Nghệ có tính cách khá cởi mở, bộc trực, không thâm trầm, uyển chuyển, như cư dân Bắc bộ, nhưng cũng không phóng túng như dân Nam Bộ. Nhìn chung người Nghệ sống độ lượng, chừng mực, bao dung. Họ có tinh thần phản kháng mạnh, nhưng lại bảo vệ người yếu. Tuy nhiên cũng phải thừa nhận rằng, có một bộ phận dân cư xứ Nghệ có tâm lí kèn cựa, không muốn ai hơn mình. Những người này chấp nhận và bảo vệ, cưu mang người yếu hơn chứ không ưa người bằng hoặc hơn mình. Đó là một tập quán tâm lí không tốt, làm ảnh hưởng đến sự gắn bó và khả năng phát huy năng lực của bộ phận dân xứ Nghệ.

Tinh thần nhân văn của người Nghệ An còn được thể hiện trong ứng xử với thế giới tự nhiên. Họ phát hiện ra, nâng cao trân trọng và bảo vệ cái đẹp, cái hữu ích của thế giới tự nhiên. Chẳng phải ngẫu nhiên mà trong một làng, một huyện, người ta cũng chọn ra, suy tôn các cảnh đẹp (Trường Lưu Bát cảnh, Nghi Xuân bát cảnh). Hoặc là, trong văn chương và các loại hình nghệ thuật khác, thế giới tự nhiên là đối tượng, là cảm hứng sáng tạo lớn nhất, nhiều nhất của người Nghệ. Họ gửi gắm tâm sự vào đó và đó chính là tình cảm của họ với thế giới tự nhiên.

4.4. Hiếu học, ham hiểu biết, khát khao vươn lên để làm chủ bản thân mình, giúp ích cho đời là truyền thống đã được hình thành sớm, ổn định, và ngày càng được phát huy của văn hóa Nghệ An/ xứ Nghệ. Ở trong một điều kiện địa lý tự nhiên hùng vĩ nhưng khắc nghiệt, đầy gian khó trong cuộc mưu sinh nên người Nghệ phải học, học bằng được, trước là cho bản thân, sau là gia đình, làng, nước. Sự học của người Nghệ là quyết liệt và có thể nói là đã trở thành đạo học. Phát triển muộn hơn các khu vực trung tâm khác, nhưng xứ Nghệ đã sớm bắt kịp sự phát triển về giáo dục khoa bảng. Bắt đầu từ thế kỷ XVII trở về sau, Nghệ An đã trở thành một trung tâm giáo dục, khoa bảng và học vấn của cả nước. Nếu trước triều Lê, số tiến sỹ của xứ Nghệ là 51 người, chiếm 5,1% so với cả nước thì sang triều Mạc và sau Lê Trung Hưng đã chiếm

tới 9,5% so với cả nước. Sang đời Nguyễn, xứ Nghệ đã có 884 cử nhân, chiếm 15,6% của cả nước, trong lúc đó Hà Nội có 11%, Thừa Thiên có 6,63%. Học trò xứ Nghệ nổi tiếng học giỏi, thầy đồ xứ Nghệ nổi tiếng tài cao, đức trọng, mẫu mực. Đã từ lâu, xứ Nghệ như là đã hình thành một xã hội học tập. Việc học hành trở thành một tiêu chí để đánh giá nhân cách của các thành viên trong gia đình và xã hội.

4.5. Văn hóa xứ Nghệ, với đội ngũ trí thức văn nghệ sỹ đam mê sáng tạo, trước tác, là lực lượng tiên phong có nhiều đóng góp quan trọng đối với nền văn hóa dân tộc. Xứ Nghệ sau thời kỳ Bắc thuộc, mãi tận đời Lý, Trần vẫn là vùng đất "Trại"xa xôi, nghèo khó. Thế nhưng ngay từ đời Trần, xứ Nghệ đã bắt đầu bừng sáng lên với những tên tuổi lớn như: Bạch Liêu, Đào Tiêu, Đoàn Xuân Lôi, Sử Hy Nhân, Sử Đức Huy, Bùi Cầm Hổ, Hồ Tông Thốc, Nguyễn Biểu... Những nhà trí thức này không chỉ đóng góp vào sự nghiệp giữ nước, nêu gương sáng về tinh yêu tổ quốc, mà còn có công lớn trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, đặt nền móng cho truyền thống sáng tạo của xứ Nghệ. Đội ngũ này càng về sau càng đông đảo hơn, sáng tạo nên những giá trị nổi bật hơn. Chúng ta không thể nêu danh hết các tác gia, tác phẩm tiêu biểu của các thế hệ các nhà sáng tạo xứ Nghệ, mà trong đó có những ngôi sao sáng mà tên tuổi và sự nghiệp còn lại mãi với thời gian. Đó là bà chúa thơ nôm Hồ Xuân Hương là Văn Phái Hồng Sơn với nòng cốt là hai dòng họ Nguyễn Huy và Nguyễn Tiên Điền với Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Huy Hổ, Nguyễn Du, là La Sơn, Phu Tử Nguyễn Thiếp, là Hải Thượng Lãn ông, là Phan Huy Ích, Phan Huy Chú, Bùi Dương Lịch, Nguyễn Công Trứ, Phạm Nguyễn Du, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh... và rất nhiều, rất nhiều các nhà sáng tạo khác trên tất cả các lĩnh vực tư tưởng, văn chương, nghệ thuật, khoa học...

5. Nền tảng của sự phát triển văn hóa của Nghệ An chính là truyền thống văn hóa dân gian phong phú và mang đậm dấu ấn, bản sắc riêng của người Nghệ. Điều này được thể hiện rất rõ ở tất cả các thành tố của văn hóa dân gian

từ tín ngưỡng, phong tục tập quán, tri thức dân gian, văn học, nghệ thuật, ẩm thực, trang phục... Tất cả đều có cái riêng, thể hiện cái đặc thù của điều kiện tự nhiên, xã hội và tính cách của con người nơi đây. Nói về văn học chẳng hạn, về thể loại hầu như có đủ từ thần thoại, truyện kể đến ca dao, tục ngữ.... Nhưng lại có những nét đặc sắc như vè chẳng hạn. Có lẽ không ở đâu có kho tàng vè phong phú và phản ánh đời sống một cách sinh động như vè xứ Nghệ. Hoặc như về âm nhạc dân gian, từ ngàn xưa, cha ông đã sáng tạo nên một thứ âm nhạc riêng cho mình, không lẫn vào đâu được, đó là hát ví và hát dặm. Dân ca của người Nghệ, từ điệu thức, làn điệu đến nội dung đều toát lên tính cách người Nghệ, thể hiện rất rõ không gian sinh tồn và không gian văn hóa xứ Nghệ. Và từ cái ăn, cái ở, cái mặc cũng đều ưa chắc chắn, bền chặt, không chú ý nhiều đến kiểu cách diêm dúa, thể hiện cái thô phác, chân chất lấy hiệu quả mục tiêu làm trọng của người xứ Nghệ. Từ trong kho tàng văn hóa dân gian đã cho ta thấy một di sản tri thức dân gian vô cùng phong phú, sâu sắc và có thể nói có những lĩnh vực đạt đến tầm cao trí tuệ của những người ở từng thời đại lịch sử cụ thể như về thiên văn, về y học... Đó là kết tinh sự chiêm nghiệm, kinh nghiệm và những hiểu biết, tìm tòi khám phá của tiền nhân trong lịch sử.

6. Các truyền thống văn hóa nói trên đã làm nên diện mạo văn hóa và là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển của Nghệ An trong lịch sử và hiện tại.

Để cho văn hóa, truyền thống văn hóa và di sản văn hóa trở thành nguồn lực nội sinh của phát triển, trong những năm qua, Nghệ An đã có sự ưu tiên nhằm hướng tới những nhận thức đầy đủ, đúng đắn và khách quan về văn hóa, đặc biệt là vị trí của các truyền thống văn hóa mà cốt lõi là kho tàng di sản văn hóa trong công cuộc phát triển kinh tế và xã hội. Sự tự nhận thức này là bắt đầu một quá trình phục hưng các truyền thống văn hóa trong đời sống đương đại. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học về văn hóa Nghệ An được triển khai thực hiện đạt kết quả cao. Các di sản văn hóa truyền thống

với những đặc trưng bản sắc xứ Nghệ được phục hồi và trở thành sức sống của cộng đồng. Truyền thống văn hóa, tâm thức văn hóa được phát huy đã và sẽ là hệ điều chỉnh đảm bảo sự cân bằng tâm lý - văn hóa của toàn xã hội trong điều kiện mở cửa hội nhập

Các truyền thống văn hóa chỉ có thể bảo tồn và phát huy được trong phát triển, nó là điểm tựa, là năng lượng cho phát triển. Từ nhận thức này, Nghệ An đã và đang tổ chức nhiều mô thức văn hóa mới, làm cho sự vận động của đời sống văn hóa năng động hơn, phong phú hơn, tạo ra và tích hợp nhiều "năng lượng" để tạo nên những giá trị mới trên cơ sở tiếp thu và phát huy các giá trị truyền thống. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở Nghệ An là một cú hích mạnh để cộng đồng giác ngộ về văn hóa theo tầm tư duy và tư tưởng đổi mới của Đảng. Văn hóa đã thực sự là sản phẩm của cộng đồng, không còn là một thứ sản phẩm thô thiển, không vừa cỡ, được chuyển giao ngoài ý muốn cộng đồng, không đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân. Nhờ đó mà từ trong vận động thực tiễn, các truyền thống văn hóa đã được trỗi dậy để cho tâm thế cộng đồng ổn định và vững vàng vì đã có sự cân bằng, không có sự hẫng hụt, đứt gãy của truyền thống văn hóa. Và từ nền móng đó, các giá trị mới đã và đang được xác lập với các "chỉ số" phù hợp với những yêu cầu mới của cộng đồng trong xu thế phát triển của thời đại mới.

Văn hóa là sáng tạo, không thể dẫm chân tại chỗ; trong thời đại toàn cầu hóa, việc giao lưu, chọn lọc và tiếp thu các giá trị bên ngoài là quy luật. Mặt khác, nhằm hướng tới sự phát triển ổn định, bền vững, phải giữ gìn bản sắc của các cộng đồng, các tộc người, các dân tộc, nếu không sẽ đi đến sự diệt vong của các nền văn hóa. Bảo vệ và phát triển các giá trị, các truyền thống là điểm tựa, đồng thời là "bộ lọc" cho quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa. Càng muốn phát triển, muốn giao lưu tiếp biến, càng phải khơi dậy sức sống của truyền thống văn hóa. Đó là nhận thức và cách ứng xử của Nghệ An trong chiến lược phát triển văn hóa hiện nay...

Một số thông tin cần biết về

THÀNH PHỐ VINH

Năm thành lập:	*10.10.1963*
Diện tích:	*63,99km²*
Dân số:	*230.196 người*
Đơn vị hành chính:	*15 phường và 5 xã*

CÁC ĐIỂM DU LỊCH CHÍNH CỦA THÀNH PHỐ VINH

40 Tượng đài và Quảng trường Hồ Chí Minh

42 Bảo tàng Tổng hợp Nghệ An

50 Thành cổ Nghệ An

54 Đền Ông Hoàng Mười

THÀNH VINH

RẤT XƯA VÀ RẤT TRẺ

PHẠM XUÂN CẦN
Phó BTTT Thành ủy Vinh

Ngay từ thời sơ khai của đất nước, Vinh đã là địa bàn thích hợp cho sự dùng binh và tụ cư của con người. Trải qua biến thiên của lịch sử, Vinh càng quan trọng hơn vì nó nằm trên đường thiên lý xuyên Việt trong quá trình mở mang bờ cõi của tổ tiên ta. Rồi đến một ngày cuối năm 1788, dưới con mắt của thiên tài quân sự, hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ, Vinh, một vùng đất được ông cảm biết : "Hình thế rộng rãi, khí tượng tươi sáng, có thể chọn để xây kinh đô mới. Thật là chỗ đẹp để đóng đô vậy". (thư Nguyễn Huệ gửi Nguyễn Thiếp). Và Vinh đã trở thành Phượng Hoàng Trung Đô. Dù rằng chưa được xây dựng hoàn tất, do sự nghiệp nhà Tây Sơn quá ngắn ngủi, nhưng Phượng Hoàng Trung Đô là một dấu son trên chặng đường phát triển của đô thị Vinh. Dưới thời thuộc Pháp, người Pháp đã sớm nhận ra vị trí đắc địa của Vinh và cho xây dựng Vinh trở thành một trong những đô thị công nghiệp và thương mại vào loại lớn trong cả nước. Vinh đã được mô tả trong Tạp chí Tổng quát An Nam xuất bản 1901, như sau: "Cách đây hai năm (1899), Vinh đã trở

thành một thành phố thực sự có những con đường rải đá thẳng xinh đẹp, những đường phố có nhiều hiệu buôn của người Trung Hoa và người Việt Nam và những hiệu làm nghề thủ công như đồ sắt, đồ thêu, làm lọng, làm đồ mã, buôn gỗ nứa... Khu vực người Hoa ở có nhiều nhà gác cao đẹp, sân xây bằng đá san sát đều nhau...". Và, người ta cũng không quên nhận định có thể xây dựng ở đây một thành phố lớn nhất Trung kỳ. Cuối những năm 20, đầu những năm 30 của thế kỷ trước, Vinh được biết đến như một đô thị kỹ nghệ và thương mại, với những nhà máy, xí nghiệp, bến cảng, hãng buôn, nhà băng nổi tiếng của người Pháp, Hoa kiều, Ấn kiều và tư sản dân tộc người Việt. Vinh cũng là thành phố thợ thuyền với hàng vạn công nhân. Đó cũng là cái nôi của phong trào yêu nước và cách mạng. "Kìa Bến Thuỷ đứng đầu dậy trước", cao trào cách mạng 1930 - 1931, với Xô Viết Nghệ Tĩnh đã được châm ngòi từ đây. Không chỉ nổi tiếng là thành phố giàu truyền thống lịch sử và

Núi Hồng, sông Lam *Ảnh: Sỹ Minh*

cách mạng. Vinh còn là nơi hội tụ, kết tinh văn hoá xứ Nghệ, đồng thời sớm hình thành những nền tảng đầu tiên của văn hoá đô thị. Thế nhưng, thành phố mơ mộng, thành phố có núi, bên bờ sông Lam này đã hai lần bị san phẳng. Lần thứ nhất là tiêu thổ kháng chiến khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, lần thứ hai là chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1964 - 1972). Nhưng trong hoang tàn đổ nát của chiến tranh, vẫn thấy "sắc hồng cười trong gạch vụn" (Thơ Thạch Quỳ). Đó là bản lĩnh, là cốt cách của Vinh.

Với bản lĩnh và cốt cách đó, ra khỏi chiến tranh từ hố bom và gạch vụn, Vinh đã hồi sinh nhanh chóng và mạnh mẽ. Với sự giúp đỡ của các chuyên gia đến từ Cộng hoà Dân chủ Đức, Vinh đã sớm được quy hoạch lại. Đồng thời, quy hoạch của Vinh cũng không ngừng được tiếp tục bổ sung, điều chỉnh, mặt khác được quản lý khá tốt. Nhờ vậy, tuy còn ngổn ngang như một công trường lớn, nhưng Vinh đã bước đầu có một dáng vẻ hiện đại, với những đường phố và vỉa hè rộng rãi, thoáng đãng, với nhiều cây xanh và hồ nước, với tượng đài và quảng trường hoành tráng, uy nghi... Sau gần hai mươi năm đổi mới, Vinh đã thay da đổi thịt, đời sống mọi mặt của nhân dân cũng không ngừng được nâng cao. Cơ cấu kinh tế của Thành phố đã có sự chuyển dịch nhanh chóng và đúng hướng. Nông nghiệp đang giảm tỷ trọng một cách hợp lý, chuyển dần theo hướng xây dựng một nền công

Chợ Vinh xưa *Ảnh: Tư liệu*

nghiệp đô thị bền vững và thân thiện với môi trường. Nuôi trồng thuỷ sản, trồng hoa, cây cảnh, rau an toàn được ưu tiên, thế chỗ cho việc trồng lúa, hoặc hoa màu kém hiệu quả, hoặc chăn nuôi gia súc gây ô nhiễm môi trường. Thành phố cũng đang dồn sức phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, không giấu tham vọng khôi phục lại vị thế, ảnh hưởng của Vinh về công nghiệp đối với khu vực như nó đã từng có trong lịch sử. Đặc biệt, Thành phố hết sức quan tâm đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sử dụng nhiều lao động và ít gây ô nhiễm môi trường. Theo hướng đó, ngoài các khu công nghiệp lớn như Bắc Vinh, Nam Cấm, Thành phố đã và đang mở thêm các khu công nghiệp nhỏ khác như: Đông Vĩnh, Nghi Phú, Hưng Lộc, Hưng Đông... Đây là những khu công nghiệp thích hợp với quy mô, tính chất của các doanh nghiệp nhỏ, sản xuất các sản phẩm mà Thành phố có lợi thế, hoặc phục vụ dân sinh và xuất khẩu, như chế biến gỗ, giấy, bao bì, tôn sắt thép.... Hy vọng trong một tương lai gần, sẽ không còn tình trạng các cơ sở sản xuất xen kẽ trong các khu dân cư. Ngoài ra, nhằm triệt để khai thác thế mạnh của mình về

Khách sạn Phương Đông - TP. Vinh - Nghệ An
Ảnh: Hồ Xuân Thanh

nguồn nguyên liệu và lao động. Thành phố rất chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp, theo cả hai hướng: Khôi phục, phát huy nghề truyền thống và du nhập nghề mới. Mấy năm gần đây, một số nghề truyền thống như dệt chiếu cói, mây tre đan, thêu may, chế tác vàng bạc, đá quý, chế biến thực phẩm đã được khôi phục, mang lại việc làm và thu nhập khá ổn định cho hàng vạn lao động. Nghề mộc mỹ nghệ cao cấp tuy mới du nhập, nhưng đang phát triển khá nhanh với hàng chục doanh nghiệp sản xuất và buôn bán mặt hàng này. Có thể nói, một thương hiệu hàng mộc mỹ nghệ Vinh đang hình thành và củng cố uy tín trên thị trường.

M ộ t
thế hệ
các nhà
doanh nghiệp mới
năng động và sáng
tạo, thích ứng cao với
kinh tế thị trường đang xuất
hiện. Đây là một sự đảm bảo
chắc chắn cho việc Vinh có thể
phát huy được truyền thống phát
triển công nghiệp, tiểu thủ công
nghiệp đa dạng và năng động
như nó đã từng có trong lịch sử.
Tuy nhiên, Vinh chưa và không
bao giờ chỉ là đô thị công nghiệp.
Với vị trí của mình, trước hết, Vinh
được biết đến là một trung tâm
thương mại và dịch vụ lớn của cả
vùng. Chợ Vinh trên bến dưới
thuyền từ lâu đã là một biểu
tượng du lịch
cho điều này.
Thật ít có một
đô thị nào mà
điều kiện giao
thông đi lại các
nơi thuận tiện
như ở Vinh.
Người ta có thể
đến đây bằng
đường bộ,
đường thuỷ,

Ga Vinh. *Ảnh: Hồ Xuân Thanh*

đường sắt, đường không. Trong ngày có thể từ Vinh đến Hà Nội, Huế, sang Lào hoặc vùng đông bắc Thái Lan.... bằng đường bộ. Vì vậy, trong định hướng phát triển của mình, Vinh luôn dành cho dịch vụ thương mại một sự quan tâm đặc biệt và trên thực tế, đây cũng là lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao nhất trong thu nhập của Thành phố. Thế nhưng, ngay cả lĩnh vực này Vinh cũng không thể ỷ lại lợi thế về vị trí "trời cho", mà đã và đang tập trung đầu tư về nhiều mặt để biến lợi thế đó thành tiền bạc. Chợ Vinh, trung tâm thương mại lớn nhất và lâu đời nhất của Vinh cũng như của cả vùng đang được đầu tư lớn để xây dựng lại, để nó mãi mãi xứng đáng là biểu tượng cho sự phồn vinh và năng động của Thành Vinh. Bên cạnh đó, hàng loạt các siêu thị và trung tâm thương mại hiện đại khác gắn với các khu đô thị mới cũng đang được triển khai xây dựng đáp ứng nhu cầu phát triển của Thành phố trong tương lai. Một cách tự nhiên và có sự tác động của Nhà nước, các khu phố, đường phố chuyên doanh đang xuất hiện, như phố điện máy Quang Trung, phố điện thoại và vi tính Minh Khai, phố cơ khí sắt thép Phan Bội Châu, phố mộc - mỹ nghệ Trần Phú, phố hoa Trần Hưng Đạo... Đó là một tín hiệu vui cho nền thương mại của Thành phố, cho thấy tính chuyên nghiệp và văn minh thương mại đang được quan tâm của cả kẻ mua và người bán. Ngoài ra, Thành phố cũng không quên các chợ nhỏ, không phải chỉ vì muốn lưu giữ những ký ức thân thương về các phiên chợ quê đầy chất văn hoá, mà trước hết là đáp ứng nhu cầu mua sắm và tiêu thụ hàng hoá của nhân dân, nhất là bà con nông dân ở khu vực ngoại thành. Hệ thống chợ khu vực đang được quy hoạch lại và nâng cấp. Không chỉ quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thành phố Vinh đang rất quan tâm lo lắng xây dựng văn minh thương mại nói chung, văn hoá ứng xử xủa người mua, kẻ bán nói riêng. Sao cho qua

mua bán, người ta không chỉ cảm nhận được sự thuần hậu chất phác của con người Xứ Nghệ, mà cũng cảm nhận được sự tinh tế, lịch lãm của cư dân một đô thị mấy trăm năm tuổi, rất giàu truyền thống văn hoá, rất hiện đại và trẻ trung. Có một lĩnh vực mà cho đến nay, Vinh vẫn chưa thể bằng lòng với mình và đang trăn trở tìm lời giải, ấy là du lịch. Thiên nhiên và lịch sử đã ưu đãi cho Vinh nhiều lợi thế, nhưng những lợi thế đó chưa thực sự được phát huy. Thị trường du lịch chưa được mở mang, sản phẩm du lịch hãy còn nghèo nàn, trong lúc tiềm năng thì hãy còn đó, mời mọc và thách thức. Trong những năm tới, định hướng phát triển du lịch của Vinh là đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các dịch vụ, các sản phẩm du lịch, phát huy thế mạnh về du lịch văn hoá, kết hợp với du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và mua sắm. Trước hết, phát huy lợi thế về vị trí của Vinh, là trung tâm nối đến các điểm du lịch nổi tiếng trong vùng như Kim Liên, quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh, Khu du lịch biển Cửa Lò, Khu lưu niệm đại thi hào Nguyễn Du...để phát triển các cơ sở lưu trú, khách sạn nhà hàng, thu hút khách nghỉ lại. Ngoài các khách sạn lớn, được xếp hạng cao như Phương Đông, Sài Gòn, Kim Liên, Hữu Nghị, Giao Tế.... hàng loạt các khách sạn, nhà nghỉ khác của các thành phần kinh tế cũng đã, đang được xây dựng và đưa vào hoạt động. Thế nhưng, Vinh không chỉ là điểm quá giang của du khách, Vinh còn có thể hấp dẫn du khách bằng các sản phẩm đặc sắc của mình. Quảng trường Hồ Chí Minh và tượng đài của Người đã sớm trở thành một địa chỉ của lòng yêu nước, của niềm tự hào và thành kính đối với vị lãnh tụ kính yêu. Gắn với quảng trường là công viên Trung tâm của thành phố, một trung tâm vui chơi giải trí, thư giãn hiện đại đang hình thành, bên cạnh công viên Nguyễn Tất Thành, công viên Hồ Cửa Nam.... Địa danh Vinh từ ngàn xưa cũng đã gắn liền với ngọn núi thiêng

Dũng Quyết. Đây là khu vực mà Hoàng đế Quang Trung đã chọn để xây Phượng Hoàng Trung đô. Từ vọng đài trên đỉnh núi Quyết, ta có thể bao quát hết Thành phố và phóng tầm nhìn ra xa tới biển. Đền thờ vị hoàng đế Quang Trung đang được xây dựng là một thiết chế quan trọng trong Lâm viên núi Quyết. Từ mảnh đất thiêng này, theo đường thuỷ xuôi dòng sông Lam vài ki lô mét, một bất ngờ sẽ đến với bạn, đó chính là rừng bần và vườn chim Hưng Hoà. Không ai nghĩ rằng lại có một xứ sở như vậy ngay trong lòng đô thị. Cũng dọc tuyến sông này, từ Bến Thuỷ đến tận Nam Đàn, cảnh sắc sơn thuỷ hữu tình cùng các công trình văn hoá tâm linh nổi tiếng dọc theo đôi bờ sẽ là những điểm dừng chân giàu ý nghĩa nhân văn. Những con thuyền neo đậu bến bờ quê, hay lững lờ trên dòng sông thơ mộng cũng là một môi trường tuyệt vời cho diễn xướng ca dân ca xứ Nghệ, đậm đà và sâu lắng như tình người nơi đây. Con đường du lịch từ Cửa Lò, theo bờ sông Lam, qua Bến Thuỷ, Lam Thành Hưng Nguyên lên Nam Đàn cùng với các đầu tư lớn khác, đang là một cố gắng biến tiềm năng của tuyến du lịch kỳ thú và giàu bản sắc văn hoá này thành hiện thực. Bên cạnh đó, là một đô thị lâu đời, Vinh đã từng có một mạng lưới các công trình văn hoá vật thể có giá trị cao như Chùa Diệc, chùa Tập Phúc, Trường thi hương, Văn miếu, chùa Cần Linh, đền Hống Sơn, nhà thờ Cầu Rầm, Thành cổ Nghệ An... Đó là chưa kể hàng loạt di tích lịch sử gắn liền với các thời kỳ cách mạng như Xô viết Nghệ Tĩnh, kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ... Trùng tu tôn tạo những di tích hiện còn, nghiên cứu chọn lọc để phục dựng lại một số công trình cổ có giá trị văn hoá, lịch sử, có tác dụng giáo dục, kết hợp khai thác du lịch đang là một mối quan tâm lớn của Thành phố.

Bằng tiềm năng và lợi thế, bằng truyền thống và kinh nghiệm, bằng sự giúp đỡ của các đối tác gần xa, Vinh hoàn toàn có thể trở thành một đô thị công nghiệp, thương mại và dịch vụ, khôi phục lại vị thế trung tâm vùng như nó đã từng trong lịch sử. Thế nhưng, điều

quý nhất của Xứ Nghệ nói chung, thành Vinh nói riêng chính là tiềm năng con người. Con người Thành Vinh đã kết tinh được những giá trị tinh tuý nhất của con người Xứ Nghệ như tri thông minh, lòng quả cảm, hiếu học, cần cù, nghĩa hiệp, rộng lượng với người, nhưng nghiêm cẩn với mình.... Đồng thời, con người Vinh hôm nay cũng phải là con người của một đô thị văn minh, vừa thuần hậu chất phác, vừa tinh tế lịch lãm, vừa làm tròn bổn phận công dân, vừa có trách nhiệm cao với cộng đồng, vừa kiên định, lại vừa nhạy cảm và thích ứng nhanh với môi trường... Mọi sự lại bắt đầu từ giáo dục. Truyền thống ông Đồ và học trò xứ Nghệ đã và đang được tiếp nối với một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh từ mầm non đến sau đại học, mà những cái tên nhắc đến là đã nhắc đến một chất lượng đã được thử thách qua thời gian: Đại học Vinh, Trường chuyên Phan Bội Châu, Trường phổ thông trung học Huỳnh Thúc Kháng, Trường trung học cơ sở Đặng Thai Mai.... Đây chính là những cam kết chắc chắn cho thành phố Vinh khi bước vào thời kỳ mới, thời kỳ kinh tế tri thức và hội nhập. Cả nước đang chuẩn bị cất cánh, Vinh quyết không để lỡ chuyến bay lịch sử này.

Vừa qua, trong công trình nghiên cứu "Những trung tâm an cư lạc nghiệp nhất" do Đại học Luvon (Bỉ) thực hiện, các nhà khoa học đã xếp Vinh là một trong số những đô thị nhỏ có tiềm năng và triển vọng nhất trên thế giới. Đó không chỉ là cái nhìn khoa học, mà còn là trái tim, là mong mỏi của bạn bè dành cho Vinh.

Với lợi thế và tiềm năng, với chiều dày lịch sử văn hoá, với lòng mong mỏi của bạn bè gần xa.... Vinh còn rất nhiều món nợ phải trả. Nhưng, hơn cả một lời chào, Vinh luôn là lời mời gọi; không chỉ là điểm dừng chân, Vinh còn là nơi lập nghiệp; là người bạn thuỷ chung, Vinh còn là đối tác tin cậy.... Thành phố rất xưa và rất trẻ này luôn lộng gió và ánh sáng, luôn hướng mọi người vịn vào quá khứ, nghĩ tới tương lai.

Vinh, tháng 10/2004

Dấu ấn Thành Vinh

BÁ DŨNG
Nhà văn

Còn nhớ một lần ra Hà Nội gặp các bác Lão thành cách mạng tham gia hội thảo: lịch sử Thành phố Vinh, tôi buột miệng nói: Vinh tuy đã có hàng trăm năm tuổi, nhưng qua nhiều lần bị tàn phá, nay mới xây dựng lại được vài mươi năm nên bản sắc Vinh chưa hiện rõ... Một người dự hội thảo bất ngờ đứng bật dậy:

Bản sắc của Vinh là gì à? Là dám hy sinh, xả thân vì nghĩa lớn để bảo vệ đất nước, quê hương. Trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Vinh là nơi nhân dân sẵn sàng dỡ hết mọi thứ đi sơ tán, đào hầm hào... Với tinh thần tiêu thổ để kháng chiến. Con người Vinh cũng thế. Nguyễn Thị Nghĩa khi bị địch bắt, đã tự cắn đứt lưỡi, hóa thành câm để giữ tròn khí tiết, không khai báo đồng chí mình. Lê Viết Thuật nướng sắt đỏ tự nung vào mặt mình thành những vết sẹo sần sùi, làm biến dạng cả khuôn mặt đẹp trai để kẻ thù không nhận ra mà tiếp tục hoạt động cách mạng. Những ngày đầu đánh Mỹ, khi bị trọng thương, Phan Đăng Cát đã tự chặt đứt cánh tay dập nát của mình để khỏi vướng víu mà tiếp tục chỉ huy chiến đấu... Đất và Người thành Vinh là như thế... Tôi nhắc lại: Vinh tự chém vào mình, tự hủy

hoại thân thể mình chứ không phải tự huỷ diệt. Lúc ở vào thế đối đầu, gay gắt nhất, Vinh tự làm biến dạng thân thể mình để che mắt quân thù mà chiến đấu mà chiến thắng. Điều này thật khó khăn và đòi hỏi phải thật dũng cảm, phải có chí lớn mới làm được, không dễ đâu...

Bác Võ Thúc Đồng vừa ngồi xuống thì Thiếu tướng Lê Nam Thắng, người đã từng chỉ huy trung đoàn 57 từ những năm đầu Cách mạng Tháng Tám ở Vinh, vừa đứng dậy vừa lật từng trang bản thảo lịch sử và cất giọng nhỏ nhẹ:

- Qua những cứ liệu lịch sử của các nhà khoa học đã tập hợp trong cuốn sách này, ta thấy rõ thêm một điều, cũng có thể là một nét làm nên bản sắc Thành Vinh. Trong suốt hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, từ thuở các vua Hùng cho đến các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, hậu Lê, Trịnh, Quang Trung... rất nhiều vị anh hùng, nhiều bậc đế vương nuôi chí lớn chống ngoại xâm đều đã đến Vinh và chọn đất Vinh nói riêng, Nghệ Tĩnh nói chung làm chỗ đứng chân, làm nơi dựng nghiệp. Và thật hạnh phúc, đã hai lần Vinh và vùng phụ cận được chọn làm đế đô của đất nước. Đó là thời Kinh Dương

Thành Vinh xưa và nay *Ảnh: Bùi Xuân Lương*

Vương ở Thứu Lĩnh (Ngàn Hống) và Quang Trung ở chân núi Phượng Hoàng (tức Dũng Quyết). Phải chăng ở đây luôn có đủ ba yếu tố: Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa. Mà Nhân hòa ở đây được hiểu là luôn có những con người dám đi đầu dậy trước, dám khai phá, dám xả thân vì nghĩa lớn, xả thân bảo vệ đất nước, bảo vệ cách mạng đến cùng...

Từ dòng suy nghĩ của tướng Lê Nam Thắng, tôi có thể bổ sung thêm là đến thời đại chúng ta, chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu rồi Chủ tịch Hồ Chí Minh trước khi ra đi tìm đường cứu nước, cũng đã từng đặt chân đến Vinh. Và thật hạnh phúc biết bao trong những ngày hoạt động bí mật chống Pháp, nhiều đồng chí Tổng bí thư của Đảng như Trần Phú, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Lê Duẩn Nguyễn Văn Linh... đều đã đến Vinh, lấy Vinh làm địa bàn chiến lược để xây dựng phong trào. nhiều năm lăn lộn ở Vinh, họ đã được các tầng lớp nhân dân Vinh chở che, nuôi giấu, bảo vệ đến cùng... Điều này cũng đáng tự hào lắm chứ?

Khách sạn Sài Gòn Kim Liên.
Ảnh: Sỹ Minh

Có một người chính gốc ở Vinh, ông sinh ra ở Hưng Hòa, vùng đất chua phèn lầy lội và đói khổ nhất thành Vinh. Đó là Đại tướng Chu Huy Mân. Nay đến giờ, ông vẫn ngồi im với cặp mắt dăm chiêu nghe bạn bè phát biểu. Mãi đến gần trưa, khi có người nhắc đến tên mình, ông mới từ từ đứng dậy, đưa mắt lướt qua từng khuôn mặt bạn bè rồi cười cười:

- Tôi là người chính gốc ở Vinh, nhưng tiếc rằng chẳng được

sống ở quê bao nhiêu. Nãy đến giờ nghe các anh phát biểu về Vinh, tôi giật mình vỡ lẽ ra nhiều điều mới lạ quá. Dã từ lâu, tôi cứ trăn trở một điều: Không có nơi nào phải chịu nhiều dang dở như Vinh. Đầu thế kỷ XV Trần Trùng Quang đã dang dở sự nghiệp ở Vinh, cho đến lúc chết cũng chết ở Vinh. Hiện lăng mộ của Người còn ở Lộc Da (Hưng Lộc), cách nhà tôi không xa, gần cuối thế kỷ XVIII, Quang Trung cũng dang dở sự nghiệp ở Vinh. Đánh Nguyễn, dẹp Trịnh rồi đại phá giặc Thanh xong, giang sơn thu về một mối là ông nghĩ ngay đến việc đời đô về Vinh để độ đường vừa cân, vừa có thể khống chế được trong nam ngoài bắc, làm cho người tứ phương tiện việc đi lại kêu kiện. Tiếc rằng Phượng Hoàng Trung đô mới bắt tay xây dựng được hơn ba năm, Quang Trung mới chỉ ngự ở đây một lần thì đã vội băng hà khi chưa đầy bốn mươi tuổi, để lại bao nhiêu tiếc nuối. Đầu thế kỷ XX lại đến Đội Cung dở đang sự nghiệp ở Vinh. Ông mang quân từ đồn Rạng về đột nhập Thành Vinh, mưu nghiệp lớn nhưng không thành, rồi bị giặc Pháp bắt và xử bắn ngay dưới chân Thành cổ. Tiếp nữa là Đội Quyên, Đội Phấn, Trần Tấn, Đặng Như Mai... cũng đều dở dang sự nghiệp đánh Tây và dành yên nghỉ ở Vinh. Đó là chưa kể gần nửa thế kỷ vừa qua, đương đầu với hai cuộc chiến tranh xâm lược lớn, Vinh đã nhiều lần dang dở, xây rồi bị phá, thậm chí có lúc cả thành phố, không còn một đường phố một ngôi nhà... Nhưng điều đáng nói là cho dù phải chịu bao nhiêu dang dở, bao lần tàn phá, Vinh luôn luôn tồn tại và phát triển, lần sau xây dựng to lớn hơn lần trước, luôn luôn là một chấm son rực rỡ trên bản đồ đất nước. Phải chăng, đó cũng là một nét làm nên bản sắc riêng của Vinh như câu ca xứ Nghệ: "Còn da lông mọc, còn chồi nẩy hoa"...

Đầu năm 1974, thực hiện Hiệp định được ký kết giữa hai chính phủ Việt Nam và Cộng hòa Dân

chủ Đức về việc nước Đức giúp xây dựng lại Thành phố Vinh từ đống tro tàn hủy diệt của đế quốc Mỹ, một đoàn chuyên gia gồm hơn năm chục người, trong đó có con trai Thủ tướng Grôttôvôn đã đến Vinh. Trong quá trình tìm tư liệu nghiên cứu để xây dựng quy hoạch thành phố Vinh, một chuyên gia Đức đã nói một câu rất dí dỏm mà sâu sắc: Vinh là thành phố duy nhất ở Việt Nam (và có thể là duy nhất cả thế giới) có thành mà không có phố (năm 1974, Vinh vẫn gọi là thành phố nhưng không có một ngôi nhà nào trong nội thành còn nguyên, chứ đừng nói một đường phố). Sau này, có người bổ sung thêm: Vinh có Thành cổ mà không có phố cổ, nghĩa là không có nền dân cư gốc. Qua bao lần tản cư, bao lần chạy giặc, không những nhà cửa, của cải bị mất, mà cả phong tục tập quán, lối sống đô thành cũng mất, họ buộc phải nông thôn hóa lối sống của mình để tồn tại. Một số cư dân gốc Vinh sau bao lần phiêu bạt, hết chiến tranh được trở về thành phố, nhưng không mấy ai được trở lại mảnh vườn xưa, đường phố cũ, càng không có ai được ở trong ngôi nhà cũ của mình. Họ phải bắt tay làm lại mọi thứ từ đầu...

Không phải một, mà có đến hai ba thế hệ người Vinh không phải sinh ra trong nhà tầng, dưới ánh đèn điện, tắm nước máy, mà đẻ rơi đẻ rớt dưới các lùm tre, đầu bờ ruộng hay trong những căn hầm chữ A tránh bom đạn giặc. Họ được tắm gội bằng nước ao nước giếng, có khi là nước đục trong hố bom. Họ giỏi trèo cây bắt chim, mò tôm nơm cá dưới ruộng hơn là bật công tắc điện... Vì vậy, đừng trách chi một bộ phận nhỏ cư dân Vinh, nhất là lớp thanh niên vài ba mươi tuổi, đi đứng, ăn nói trên đường phố hoặc nói công cộng, cứ tự nhiên và hồn nhiên như người Vinh.

Cách đây hơn một trăm năm, ngày 12 tháng 7 năm 1899, vua Thành Thái đã ra Chỉ dụ về việc thành lập Thị xã Vinh, có đoạn viết rất tỉ mỉ: "Nguồn chi ngân sách của thị xã Vinh bao gồm

các khoản chi như thắp sáng đèn đường, an ninh trật tự, lục lộ giao thông, vệ sinh đô thị, giáo dục cộng đồng, cứu tế xã hội, bảo quản các bãi rác, và tất cả những công việc hữu ích của thị xã như bảo quản các công sở, đền miếu... cũng đo ngân sách thị xã gánh vác... Trong trường hợp nguồn thu không đủ thì Khâm sứ Trung Kỳ cân nhắc bổ trợ".

Cuối bản chỉ dụ là một lời mong ước khá thống thiết của nhà vua: "Trẩm hi vọng rằng, các biện pháp mới này sẽ tạo nên cho người dân thói quen về mặt trật tự và sự sạch sẽ, mà thiếu những điều này thì không thể có những thành phố thật sự phồn thịnh".

Hơn một trăm năm trước, Vinh đã có đèn đường, đã có những người đi gom quét rác, thông cống rãnh và gìn giữ trật tự trên đường phố... Hơn một trăm năm trước, một ông vua cũng đã từng biết không có nếp sống văn minh đô thị, không có trật tự và sạch sẽ ở các thành phố thì sẽ không có sự phồn thịnh. Không có phố cổ, không có nền cư dân gốc lâu đời là một thiệt thòi lớn cho Vinh trong quá trình xây dựng bản sắc văn hóa.

Thật may mắn cho Vinh, sau mấy chục năm cật lực vật lộn trong công cuộc đổi mới, được sự quan tâm và ưu ái đặc biệt của Tỉnh, của Trung ương và bè bạn quốc tế, Thành phố đã có một vóc dáng bề thế. Vinh đã tạo được những dấu ấn riêng để ai một lần đến đây đều rất dễ nhớ: Chưa ở đâu

Công viên hồ Cửa Nam *Ảnh: Sỹ Minh*

thành phố có một không gian đa chiều và rộng mở như ở Vinh. Chưa ở đâu có nhiều đường phố và vỉa hè rộng, thoáng và thẳng tắp như ở Vinh. Chưa ở đâu có một nơi ban đêm quần tụ đông người đến tản bộ, dạo chơi một cách thanh thản như ở Quảng trường Hồ Chí Minh ở Vinh. Cũng chưa ở đâu có một không gian thanh thản, đa dạng và hấp dẫn để nhân dân bày tỏ lòng thành kính và sự trìu mến, gần gũi, gắn bó một cách máu thịt mà lại rất tự nhiên với lãnh tụ của mình như ở quảng trường này. Có thể khẳng định Tượng đài Hồ Chí Minh và Quảng trường mang tên Bác ở Vinh là nơi giáo dục đạo đức, lý tưởng tốt nhất cho mọi tầng lớp nhân dân. Dã mấy năm nay, trong bất cứ gia đình nào ở Vinh cũng đã hình thành một tập quán mới: Buổi tối, cơm nước xong, cả gia đình quần tụ trước tivi xem bản tin thời sự. Hết bản tin là cả nhà, từ cháu bé vài ba tuổi đến ông bà già bảy tám mươi tuổi lại rộn rã dắt díu nhau ra khỏi nhà, ở gần vài ba cây số thì tản bộ, xa hơn một chút thì lên xe đạp xe máy đến quảng trường Hồ Chí Minh... Đêm nào ở đây cũng có hàng vạn người tụ tập, nhưng có điều rất lạ là chưa bao giờ xảy ra một vụ cãi lộn, ẩu đả hoặc to tiếng với nhau... Người ta đến đây với một tấm lòng thành kính như bước chân vào một thánh đường. Mà trên thế giới cũng rất hiếm có những thánh đường rộng lớn có thể chứa được hàng vạn người một lúc như ở Quảng trường này...

Chẳng bao lâu nữa, công viên Trung tâm sẽ được hoàn thành với tổng diện tích trên bốn mươi bảy vạn mét vuông, vừa có núi vừa có hồ, có bể bơi, sân bóng, vừa có nhà biểu diễn, nhà chiếu hình vũ trụ, và rất nhiều cây xanh, cây ăn quả, đặc sản, rất nhiều khu vui chơi giải trí cho mọi lứa tuổi, đặc biệt hơn cả, trong công viên này có tượng đài Hồ Chí Minh và Quảng trường mang tên Bác, thì lúc đó suốt cả ngày đêm, không khi nào vắng bóng người bên tượng đài của Bác. Và nơi này sẽ là điểm hẹn đầu tiên của bất cứ ai khi đặt chân đến thành Vinh trong chuyến du lịch của mình.

Tượng đài Bác Hồ và Quảng trường Hồ Chí Minh

NƠI NIỀM TIN SÁNG MÃI

Mong ước có một tượng đài Bác Hồ để khắc sâu ân tình của Người trong lòng nhân dân Nghệ An, năm 2000, công trình tượng đài Bác Hồ và Quảng trường Hồ Chí Minh đã được khởi công xây dựng vào đúng dịp kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Bác. Sau 3 năm khẩn trương xây dựng, công trình tượng đài Bác do nhà điêu khắc Đỗ Như Cẩn và Trường đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh tư vấn và thiết kế đã khánh thành vào ngày 19/5/2003. Đây thực sự là công trình văn hóa tầm cỡ quốc gia, là một tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thể hiện tấm lòng kính yêu của nhân dân Nghệ An và nhân dân cả nước đối với vị lãnh tụ của dân tộc.

Tượng đài Bác Hồ được đặt ở vị trí trang trọng và hài hoà trên Quảng trường Hồ Chí Minh mang chủ đề *"Bác Hồ với quê hương"*. Tượng cao 18m, bằng chất liệu đá granite Bình Định. Tượng đài Bác được bố trí ngoảnh mặt về hướng Đông-Bắc, thuận theo hướng ánh

sáng tự nhiên để tôn thêm vẻ đẹp hoành tráng của tượng, thể hiện hình ảnh Bác Hồ về thăm quê trong bộ áo đại cán, chân đi dép cao su với bước đi ung dung, gần gũi. Dưới chân Bác là những khối đá được tạo thành hình ảnh những bó lúa, tượng trưng cho tấm lòng quê hương luôn quây quần bên Bác. Trong không gian ấy, Bác đứng đó lộng lẫy giữa mảnh đất quê hương yêu dấu, giữa tình người ấp áp của nhân dân Nghệ An và nhân dân cả nước.

Tượng đài Bác Hồ tại TP. Vinh
Ảnh: Sỹ Minh

Nơi đặt tượng đài Bác Hồ là quảng trường rộng gần 11 ha, với tên gọi Quảng trường Hồ Chí Minh với nhiều hạng mục như: Lễ đài, Cột cờ, đường điểu hành, sân hành lễ, hệ thống đèn chiếu sáng, cây xanh, hệ thống đài phun nước tạo cảnh... Trong khi thiết kế xây dựng Quảng trường, các kiến trúc sư Việt Nam đã đưa vào công trình Núi Chung mô phỏng theo Núi Chung ở Làng Sen quê Bác, vừa tạo khung cảnh hoành tráng của Quảng trường, vừa thể hiện sự gần gũi của Bác Hồ với quê hương. Trên đó, nhiều loại cây tiêu biểu của mọi miền đất nước đã được đem về trồng, trên đỉnh núi có vườn cây lưu niệm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và bạn bè quốc tế trồng trong những dịp đến thăm.

Ngoài lễ đài chính đặt tượng Bác Hồ, hai bên có lễ đài với sức chứa 300 chỗ ngồi. Mỗi khán đài phụ có 11 cột cờ để treo Quốc kỳ, Đảng kỳ, Hồng kỳ. Sân hành lễ được trang trí công phu, trên đó trồng 99 ô cỏ được mô phỏng theo Quảng trường Ba Đình lịch sử. Phía trước sân hành lễ là sân bán nguyệt,

ở đó có đài phun nước với 16 chương trình phun nước nghệ thuật khác nhau, với sự phối hợp hài hoà giữa âm thanh, ánh sáng tạo sự rực rỡ và vui tươi.

Hệ thống chiếu sáng là một hạng mục quan trọng trong Quảng trường Hồ Chí Minh với 4 cột đèn pha cao 25 m, có 46 cột bầu sen cao 5m, 107 bộ đèn nấm và các hệ thống đèn pha chiếu tượng, đã tạo nên sự rực rỡ, hoành tráng lung linh của tượng đài

Ngay sau khi được khánh thành, Tượng đài Bác Hồ và Quảng trường Hồ Chí Minh đã trở thành một địa điểm văn hoá không thể thiếu trong đời sống vui chơi du lịch của thành phố Vinh, là điểm dừng chân không thể thiếu đối với các du khách từ miền Nam ra, từ miền Bắc vào. Hàng ngày, có hàng ngàn người dân và khách du lịch đến đây tham quan, chiêm ngưỡng và tỏ lòng thành kính với Bác Hồ kính yêu. Bên cạnh đó, dâng hoa báo công dưới Tượng đài Bác Hồ đã trở thành một nét đẹp văn hoá của nhân dân Nghệ An cũng như đối với khách tham quan khi đến đây.

Để mỗi khi ai đó trở về, đều thấy lòng mình nhẹ nhàng, hạnh phúc.

LÊ HẢO *(biên soạn)*

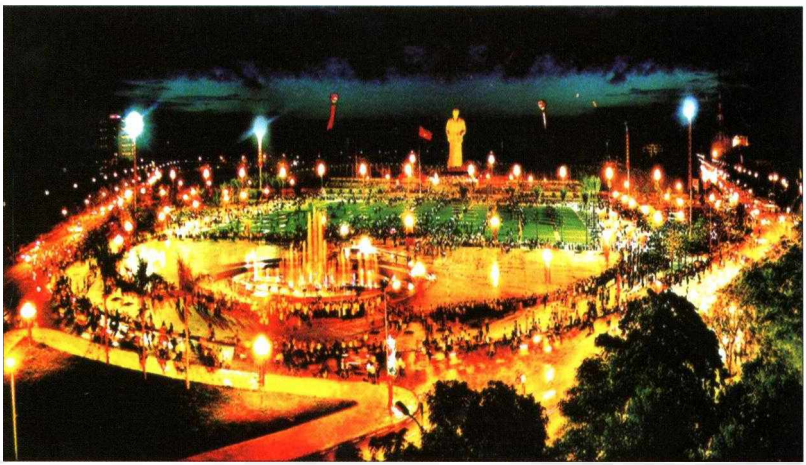

Quảng trường Hồ Chí Minh trong đêm hội. *Ảnh: Sỹ Minh*

Bảo tàng tổng hợp Nghệ An

Một địa chỉ Văn hóa đặc sắc và hấp dẫn

PHƯƠNG THẢO

Bảo tàng Tổng hợp Nghệ An tọa lạc trên một vùng đất cao của nội Thành cổ Nghệ An. Vùng đất này năm xưa, bọn đế quốc thực dân đã chọn để xây thành, đắp lũy nhằm cai trị nhân dân ta. Ngày nay, vùng đất này được chọn để xây dựng bảo tàng, một công trình kiến trúc mang tầm vóc thế kỷ có sự kết hợp giữa nhu cầu phát triển văn hoá - du lịch quả là một sự tình đời, bắt nguồn từ những trăn trở của nhiều thế hệ người Nghệ An, từ cán bộ lãnh đạo đến quần chúng nhân dân trong những năm qua.

Thành lập năm 1980, Bảo tàng Tổng hợp Nghệ An có nhiệm vụ nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày các hiện vật tư liệu về đất nước, con người, lịch sử văn hoá và các hoạt động liên tục, tiêu biểu của Nghệ An từ xưa đến nay. 20 năm qua, bằng ý chí và nghị lực phi thường, được sự yêu thương của nhân dân, của Đảng, Bảo tàng Tổng hợp Nghệ An đã sưu tầm được hơn 1,7 vạn hiện vật, tư liệu tiêu biểu từ môi trường tự nhiên, từ các giai đoạn lịch sử của dân tộc và trình bày được hơn 30 chuyên đề về lịch sử, văn hoá, phục vụ hàng triệu lượt người đến thăm quan. Hiện nay, Bảo tàng lưu giữ nhiều hiện vật được khai quật trên đất

Bộ quần áo của Bác Hồ được lưu giữ tại Bảo tàng- Ảnh: Tư liệu

Nghệ An như: Di chỉ khảo cổ Làng Vạc, di chỉ văn hoá Quỳnh Văn. Đặc biệt, Bảo tàng đã vẽ lại cả một bức tranh chi tiết về cả quá trình hình thành và phát triển của cư dân Nghệ An trong suốt thời kỳ lịch sử từ người Việt cổ còn lưu lại dấu vết ở hang Thẩm Ồm (huyện Quỳ Châu), cách ngày nay hàng chục vạn năm, đến cư dân thời văn hoá Sơn Vi và Hoà Bình từ 2 vạn năm đến 9 ngàn năm trước và liên tục cho đến nay với lịch sử phong phú của từng chặng đường.

Bảo tàng Tổng hợp Nghệ An đang được xây dựng lại to hơn, đẹp hơn xứng với tầm vóc và ý nghĩa là địa chỉ đỏ, là công trình văn hoá đẹp về kiến trúc và cực kỳ hấp dẫn về chủ đề, nghệ thuật trưng bày. Nay mai khi xây dựng xong, Bảo tàng sẽ trở thành một trung tâm văn hoá du lịch đặc sắc, lôi cuốn du khách trong nước và bạn bè thế giới tới đây nghiên cứu, thăm quan và tìm hiểu về lịch sử truyền thống văn hoá xứ Nghệ. Đến thăm Bảo tàng, du khách sẽ được thả mình trong một không gian yên tĩnh, thong thả dạo một vòng quanh Nhà trưng bày để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của công trình và cảnh quan. Nằm sau khuôn viên rộng đầy cỏ, hoa, Nhà Trưng bày Bảo tàng được xây dựng uy nghi, đồ sộ cao 3 tầng với diện tích 3.900m2. Hấp dẫn, quý giá nhất của nội thất ngôi nhà là các chủ đề trưng bày. Du khách sẽ lần lượt đến với các phòng trưng bày rộng, đẹp, nói về lịch sử Nghệ An, truyền thống Nghệ An và tinh hoa của dân tộc Việt Nam với những chủ đề về lịch sử đấu tranh và xây dựng của Nghệ An, của dân tộc Việt Nam trải qua hàng ngàn năm lịch sử đầy thử thách

và cũng rất vinh quang. Du khách sẽ được chiêm ngưỡng những hiện vật điêu khắc bằng đá có niên đại từ xa xưa như: Bia đá, tượng người, tượng voi, tượng ngựa... Các mảng phù điêu về tứ linh, tứ quý, sỹ nông, công thương được khai thác, sao chép lại từ nguyên mẫu ở các công trình kiến trúc cổ ở Nghệ An. Ngoài các chủ đề trưng bày chính, một số chủ đề mang tính triển lãm cũng không kém phần hấp dẫn như: Doanh nhân Nghệ An, ngành nghề truyền thống Nghệ An, điêu khắc - mỹ thuật - kiến trúc cổ Nghệ An... Thăm quan một vòng quanh Bảo tàng, du khách quay ra khuôn viên sân vườn phía trước là những thảm cỏ xanh bao quanh những con đường nhỏ chạy từ Nhà trưng bày ra cửa Tiền. Nơi đây, trước kia là Thành nội - nơi Cụ Đào Tấn, một vị quan yêu nước, nhà soạn Tuồng kiệt xuất đã từng sống và làm việc. Vừa vui về đạo chơi, chúng ta sẽ được nghe kể về sự kiện xây thành vào năm 1883, về hoạt động của Cụ Phan Bội Châu, Đội Cung... Thăm Bia dẫn tích, nơi cách đây 40 năm Bác Hồ đã nói chuyện với cán bộ và nhân dân thành phố Vinh. Từ cửa Tiền, dạo qua sân vận động - thánh địa của đội bóng Sông Lam Nghệ An, rồi đi về phía Tây đi qua cửa Hữu, du khách sẽ tới thăm nơi an nghỉ của ông Nguyễn Văn Cung, một nhà yêu nước, người đã mưu đánh Thành Vinh để giải phóng Nghệ An đã bị giặc Pháp hành quyết.....

Với một tổng thể không gian rộng lớn, gắn kết các sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ của người dân xứ Nghệ, Bảo tàng Tổng hợp Nghệ An - một công trình kiến trúc đẹp, một thiết chế văn hoá đặc biệt không thể thiếu của ngành của ngành văn hoá thông tin Nghệ An sẽ là một địa chỉ hấp dẫn khách thăm quan. Đây không chỉ là nơi tập hợp, lưu giữ các giá trị văn hoá tiêu biểu của xứ Nghệ góp phần khơi dậy truyền thống tốt đẹp, tinh thần yêu nước, cách mạng của nhân dân mà Bảo tàng sẽ mãi mãi trở thành một trung tâm giáo dục, vui chơi, du lịch của du khách trong nước và bạn bè quốc tế.

Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh

Bảo tàng của cao trào Cách mạng 1930 - 1931

LÊ HẢO

Nằm cách trung tâm thành phố Vinh không xa, đi dọc theo đường Quang Trung, rẽ vào phố Đào Tấn, qua cổng thành Vinh, khách tham quan sẽ thấy Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh (XVNT) hiện ra. Đây là một trong những bảo tàng ra đời sớm và thuộc loại hình bảo tàng lưu niệm sự kiện lịch sử tiêu biểu, có vị trí quan trọng trong hệ thống Bảo tàng quốc gia.

Thành lập vào ngày 15/01/1960, Bảo tàng XVNT ra đời đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, quân và dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh muốn có một nơi lưu giữ những hiện vật, tư liệu về phong trào XVNT cũng như tinh thần yêu nước và phong trào đấu tranh cách mạng trong những ngày đầu thành lập Đảng. Bảo tàng được xây dựng trong khu vực nội Thành cổ, trên nền nhà lao Vinh trước đây, nơi đã giam cầm hàng ngàn chiến sỹ cách mạng tham gia phong trào đấu tranh cách mạng trong những năm 1929 - 1931

Nhà trưng bày của Bảo tàng XVNT được xây dựng 2 tầng, với tổng diện tích hơn 1.000m^2. Các hiện vật, tư liệu được trưng bày ở 10 phòng khép kín liên hoàn, thể hiện toàn bộ diễn biến và tiến

Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh. Ảnh: Tư liệu

trình XVNT từ nguyên nhân, diễn biến, thành quả, ảnh hưởng, ý nghĩa của XVNT, trong và ngoài nước, Đảng và Bác Hồ với XVNT. Qua đây, khách tham quan có thể hình dung ra cuộc đấu tranh anh dũng và khí thế cách mạng của quần chúng công-nông trong phong trào Cách mạng 1930-1931 mà cao trào là Xô Viết Nghệ Tĩnh. _ Với hơn 11.000 hiện vật, tư liệu, trong đó đa số hiện vật trưng bày đều là hiện vật gốc, quý hiếm, kết hợp với việc thể hiện qua phương tiện nghe, nhìn, với âm thanh minh hoạ cho từng nội dung, từng chủ đề, khách tham quan có thể nắm bắt và cảm nhận được những nội dung và ý nghĩa của phong trào XVNT.

Không chỉ có những hiện vật, hình ảnh gốc, chứng minh cho phong trào từng địa phương, tại Bảo tàng XVNT còn có các bộ sưu tập hiện vật độc đáo như: Sưu tập trống đấu tranh, sưu tập ấn loát, sưu tập vũ khí, sưu tập các con triện... . Ngoài ra, khi đến với Bảo tàng XVNT, du khách còn được giới thiệu về hệ thống di tích XVNT liên quan đến quá trình hoạt động từ tổ chức tiền thân của Đảng đến giai đoạn rút lui bảo toàn lực lượng. 49 di tích XVNT đã được Bộ Văn hoá Thông tin xếp hạng Di tích lịch sử văn hoá quốc gia như Cồn Mô, Ngã ba Bến Thuỷ, Đình Trung, Đền Tria. Trong quá trình xem tư liệu lịch sử, khách tham quan còn được giới thiệu diễn biến của phong trào qua sa bàn điện, để có những hình dung cụ thể và sống động nhất.

Từ lâu, Bảo tàng XVNT đã trở thành trường học lớn về giáo dục truyền thống cách mạng và tinh thần yêu nước cho nhân dân Nghệ An, Hà Tĩnh và nhân dân cả nước. Hàng ngàn lượt khách tham quan Bảo tàng XVNT mỗi năm đã chứng tỏ, thế hệ hôm nay luôn trân trọng và phát huy tinh thần XVNT trong công cuộc xây dựng đất nước.

Đoàn Thông tấn xã Trung Quốc thăm Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh. Ảnh: Tư liệu

Bảo tàng Quân khu IV

NƠI LƯU GIỮ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VÙNG BẮC MIỀN TRUNG

Nằm ở địa chỉ 189 đường Lê Duẩn, đoạn đường Quốc lộ 1A, đối diện Đại học Vinh là Bảo tàng Quân khu IV. Đây là Bảo tàng cấp quân khu ra đời sớm nhất thuộc địa bàn 6 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Đến thăm Bảo tàng Quân khu IV, người ta có thể nhận ra những nét đặc trưng của con người và nghệ thuật đấu tranh giữ nước nơi đây.

Bảo tàng Quân khu IV ra đời ngày 22/12/1966, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra quyết liệt. Mặc dù gặp muôn vàn khó khăn, nhưng các cán bộ, chiến sĩ Bảo tàng Quân khu IV vẫn đi khảo sát, sưu tầm hàng ngàn hiện vật quý hiếm của các trận đánh xuất sắc của quân và dân 6 tỉnh Bắc miền Trung như ở Bến Thuỷ, Ngã ba Đồng Lộc, Truông Bồn, Sông Giang, Xuân Sơn, Long Đại, Hàm Rồng...

Nhà trưng bày của Bảo tàng

Quân khu IV được xây dựng trên diện tích 13.000m². Nơi đây năm 1789, vua Quang Trung đã chọn làm Phượng Hoàng Trung Đô. Từ Phú Xuân hành quân ra Bắc, Nguyễn Huệ - Quang Trung dừng chân tại Nghệ An để chiêu mộ thêm 5 vạn quân và duyệt binh ở Rú Thành, cổ vũ tướng, quân ra Bắc để quét sạch quân Thanh. Thiết kế của Phòng trưng bày đã thể hiện sự kết hợp giữa tính hiện đại với tính dân tộc, đồng thời mang sắc thái khu IV. Xuất phát từ yêu cầu đó, Bảo tàng được cấu trúc 3 tầng với diện tích mặt bằng là 2.180m². Diện tích trưng bày 2.000m², còn lại là kho bảo quản và các hoạt động văn hoá khác gần 2.500m². Gần 10.000 hiện vật lịch sử được thể hiện thông qua 6 đề mục trưng bày: Chủ tịch Hồ Chí Minh với lực lượng vũ trang Quân khu IV; Địa bàn chiến lược, truyền thống yêu nước và cách mạng; Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975); Đoàn kết Quốc tế Lào - Việt; Lực lượng vũ trang nhân dân quân khu IV trong sự nghiệp đổi mới.

Bảo tàng Quân khu IV
Ảnh: Tư liệu

Tất cả hiện vật trưng bày đều thể hiện rõ truyền thống đấu tranh của Quân khu IV với sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời khắc hoạ những nét tiêu biểu về truyền thống, hào khí bất khuất của những con người Quân khu IV để dễ phân biệt được với đặc trưng ở những vùng, miền khác. Nhiều hiện vật gốc, được trưng bày như những khẩu súng trường của dân quân xã Diễn Hùng, đội lão dân quân Hoằng Trường, đội nữ dân quân Hoa Lộc đã bắn rơi máy bay Mỹ, những vỏ đạn pháo binh (5kg) của nữ dân quân Ngư Thuỷ đã bắn cháy tàu chiến Mỹ; Chiếc mái chèo của mẹ Suốt anh hùng chở nhiều binh đoàn qua sông Nhật Lệ. Đặc biệt, là hình ảnh anh hùng Nguyễn Viết Xuân với khẩu pháo cao xạ 37mm của Đại đội 3, lá cờ chỉ huy, quyển sổ tay và con dao găm của anh đã nhờ đồng đội cắt đứt phần da thịt bắp đùi bị thương cho khỏi vướng để tiếp tục chỉ huy chiến đấu với lời hô "Nhằm thẳng quân thù mà bắn"; hay mô hình Địa đạo Vĩnh Mốc; tổ hợp trưng bày về Ngã ba Đồng Lộc...

Phần trưng bày ngoài trời có diện tích 500m², gồm những hiện vật thể khối lớn như máy bay, tên lửa, pháo của quân và dân quân khu IV đã lập nhiều chiến công xuất sắc cùng với các chiến lợi phẩm thu được của địch trong các chiến dịch như đường 9 Khe Sanh, chiến công Quảng Trị năm 1972, cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, Tổng tiến công nổi dậy mùa xuân 1975, giải phóng Thừa Thiên Huế, giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước.

Hiện nay, Bảo tàng Quân khu IV đang triển khai dự án xây dựng nhà trưng bày các di vật liệt sỹ. Đây là một công trình mang đậm ý nghĩa nhân văn, tại đây sẽ trưng bày những kỷ vật thân thuộc được tìm thấy trên chiến trường Lào của những chiến sỹ tình nguyện Việt Nam đã hi sinh: từ những chiếc khăn tay đến những bức thư nhà của mẹ.... Dự tính, công trình sẽ được hoàn thành vào tháng 8/2005.

HẢO LÊ *(biên soạn)*

ĐẾN THÀNH CỔ NGHỆ AN

Thành cổ Nghệ An được xây dựng từ năm 1804 dưới triều Gia Long, nhưng lúc ấy chỉ xây bằng đất. Đến năm Minh Mạng thứ 12 (1831) thành được xây bằng đá ong, hình lục giác, có cấu trúc theo kiểu thành phòng ngự thời cận đại được ưa chuộng ở Tây Âu. Thành có 3 cửa ra vào: Cửa Tiền hướng về phía Nam, là cửa chính để cho vua ngự giá, các vị quan trong tứ trụ, lục bộ triều đình và tổng đốc ra vào, cửa Tả hướng về phía Đông, cửa Hữu hướng về phía Tây. Muốn đi qua mỗi cửa, đều phải qua một cái cầu. Mỗi cửa có cánh cổng kiên cố để đóng mở. Công trình lớn nhất được xây dựng đẹp đẽ, nguy nga tại vị trí trung tâm thành cổ Vinh là Hành cung. Đây là nơi để cho vua ngự giá khi tuần du ra Nghệ An và cũng là nơi tổng đốc Nghệ An tiếp các vị tân khoa sau lễ xướng danh.

Để bảo vệ Thành cổ Nghệ An, Thành được trang bị 65 khẩu súng thần công, trong đó có 47 khẩu bố trí ở 6 vọng gác và trên bờ thành, phần còn lại tập trung ở Hành cung và dinh Tổng đốc.

Thành cổ Nghệ An là nơi diễn ra và chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử quan trọng. Từ năm 1804 đến năm 1945, Thành luôn luôn là mục tiêu tấn công của các lực lượng khởi nghĩa chống lại thực dân Pháp xâm lược và phong kiến Nam triều như cuộc khởi nghĩa năm Giáp Tuất (1874) dưới sự lãnh đạo của Trần Cấn và Đặng Như Mai, của phong trào

Cổng Tiền thành Vinh - Ảnh: Tư liệu

Cần Vương dưới ngọn cờ của Phan Đình Phùng và Nguyễn Xuân Ôn...Đây cũng là nơi thực dân Pháp giam cầm, tra tấn cực kỳ man rợ các chiến sỹ cộng sản trong thời kỳ Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931).

Đến ngày 13/ 1/ 1941, sau khi khởi nghĩa ở Đô Lương, Đội Cung đã hành quân cấp tốc tấn công vào thành cổ Vinh để cướp chính quyền. Sự nghiệp không thành, song đã để lại một dấu son rực rỡ trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc. Lưu giữ được một phần của Thành cổ đến ngày hôm nay luôn là niềm tự hào của người dân thành Vinh. Giữa thành phố Vinh đang công nghiệp hoá, với những ngôi nhà cao tầng và các công trình hiện đại hôm nay vẫn còn dấu tích xưa.

Hiện nay, Thành cổ Nghệ An nằm trên đất của ba phường: Cửa Nam, Đội Cung và Quang Trung và đang được khôi phục để trở thành điểm du lịch hấp dẫn. Đến đây, mọi người thấy được quá khứ cũng như hiện tại phát triển của thành phố Vinh. Nếu ở Thủ đô Hà Nội có thành cổ Hà Nội, Thanh Hoá có thành nhà Hồ, thì Nghệ An có thành cổ Nghệ An. Chắc chắn, đây sẽ là một địa chỉ du lịch không thể thiếu trong hành trình của khách tham quan khi đặt chân đến Nghệ An.

LÊ HẢO *(biên soạn)*

Đền Hồng Sơn

Trong đời sống người dân thành Vinh

VINH HÀ

Đền Hồng Sơn đã tồn tại gần 170 năm ở thành Vinh, với nhiều tên gọi khác nhau như Võ Miếu, Đền Đức ông. Năm 1984, Võ Miếu được đổi tên và có tên gọi như bây giờ.

Toạ lạc trên một mảnh đất đẹp, Đền Hồng Sơn nhìn ra sông Cửa Tiền theo hướng đông-nam, cùng với cảnh quan xung quanh tạo nên một vẻ đẹp tĩnh mịch, và rất gần gũi với cuộc sống con người.

Năm 1839, Đền Hồng Sơn được xây dựng trên khuôn viên rộng 6250 m^2, với kiến trúc đẹp và độc đáo của triều vua Minh Mạng. Tuy nhiên, năm 1968, thành phố Vinh bị máy bay Mỹ ném bom phá hoại, nhiều đền chùa cũng bị bom đạn xoá hoàn toàn, đền Hồng Sơn may mắn vẫn còn lại vài ban điện thờ. Sau đó, theo chủ trương hợp tự, nhân dân ở những nơi khác trong Thành phố đã rước đến Đền

Hồng Sơn nhiều lư hương, tượng phật ở những ngôi chùa bị tàn phá còn sót lại như tượng Vua Hùng, tượng Trưng Trắc, Trưng Nhị, tượng Tam toà thánh Mẫu, tượng và đồ khí thánh Trần Hưng Đạo, tượng Phật... tạo nên sự đa dạng theo phong cách Tam giáo Đồng nguyên.

Năm 1998, Hạ điện được trùng tu nhưng vẫn giữ được vẻ đẹp uy nghiêm, cổ kính. Trong ba gian, Hạ điện được bài trí hương án, bàn thờ, khẩm thờ sơn son thiếp vàng, tiếp đến là Trung điện, Thượng điện tập trung những đặc sắc về nghệ thuật trang trí với kiến trúc độc đáo. Đây là những nơi thờ cúng các chư vị thần thánh. Có 13 bức Đại tự được treo, bức có niên đại lâu nhất là từ năm 1896. Đền Hồng Sơn còn có 5 chiếc chuông lớn, nhỏ. Chiếc lớn nhất nặng 522 kg được đúc từ năm 1813...

Đền Hồng Sơn là một di tích qúy hiếm không chỉ ở quy mô, mà còn lưu giữ một khối lượng hiện vật khá lớn: 383 hiện vật với nhiều loại hình, chất liệu phong phú, đa dạng, trong đó có nhiều hiện vật quý có giá trị văn hoá nghệ thuật cao. Du khách đến tham quan, tỏ lòng tâm nguyện với các thánh thần, còn có thể tham dự nhiều lễ hội đặc sắc như Lễ giỗ Đức thánh Trần Hưng Đạo (28/10), giỗ tổ Hùng Vương (10/3), Lễ giỗ Đức Thánh Mẫu (3/3).

Là công trình kiến trúc độc đáo, một di tích lịch sử quý hiếm, Đền Hồng Sơn trở thành một nơi không thể thiếu trong đời sống văn hoá tâm linh của người dân thành phố Vinh.

Đền Hồng Sơn *Ảnh: Tư liệu*

Đền ÔNG HOÀNG MƯỜI

Đền ông Hoàng Mười ở xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An còn có tên gọi là "Mỏ hạc linh từ" nghĩa là ngôi đền linh thiêng tọa trên vùng đất có hình "con hạc", mà đền lại ở phía mỏ. Đền nằm cách trung tâm thành phố Vinh về phía Nam khoảng 2 km theo đường chim bay. Đền được xây dựng từ thời Lê (năm 1634) để thờ các vị phúc thần. Qua nhiều triều đại phong kiến trước đây, nhiều vị thần đã được phong sắc và thờ tại đền. Trải qua quá trình biến động của lịch sử, ngôi đền bị xuống cấp do chiến tranh, nên nay chỉ còn lại 21 đạo sắc.

Đền ông Hoàng Mười được phục hồi những năm cuối thế kỷ XX với các công trình hạ, trung, thượng điện, nghi môn, tường giắc, tắc môn, đài trung thiên, lầu cô, miếu cậu và mộ. Đền có 3 gian thờ, gian bên trái thờ Song Đồng Ngọc Nữ, gian bên phải thờ Thái Bảo Phúc Quận Công và Phụ quốc Thượng tướng quân, gian chính giữa thờ Thái uy Vĩ quốc công Khâm sai tiết chế Nghệ An, Quảng Nam, Thuận Hóa đẳng xứ kinh thủy. Mộ của ông Hoàng Mười cách đền

gần 100m về phía Đông. Trước đây là mộ đất, sau lần tôn tạo năm 2001, mộ được xây thành thượng miếu hạ mộ, phía sau có cung đặt tượng ông Hoàng Mười. Xung quanh mộ được xây tường bao, phía sau đắp thanh gươm và cây bút hướng thẳng lên trời để chứng tỏ ông Hoàng Mười là một người văn võ song toàn như thần tích mà văn chầu đã ghi lại.

Tương truyền các ông Hoàng đều có gốc tích là con trai Bát Hải đại vương ở hồ Dông Dinh, nên đều là Long Thần. Nhưng trong các văn chầu từng ông, cũng như truyền thuyết ở từng địa phương, thì phần lớn các ông là nhân thần, những danh tướng có công đánh giặc, khai phá đất đai. Trong đời thường, đức thánh ông Hoàng Mười là người tài văn võ song toàn, lại hay giao du, ăn chơi sang trọng, thích thưởng thức thơ văn, vì vậy mới có những tứ thơ truyền miệng:

"Trời Nam có đức Hoàng Mười
Phong tư nhất mực tuyệt vời không hai
Nền chí dũng, bậc anh tài
Văn thao võ lược tư trời thông minh
Tiêu dao di dưỡng tang tình
Thơ tiên một túi, phật kinh đăm tờ
Khi phong nghuyệt lúc từ bi
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên
Khi Thiếu Lĩnh, lúc non sông
Cành cây mắc võng lòng sông thả thuyền"

Ông Hoàng Mười được thờ tại đền là một danh tướng thời nhà Lê, gốc ở tỉnh Nghệ An, được nhân thế hóa, phàm tục thành Thái úy Vĩ quốc công, trở thành vị thần

Lễ hội đền Ông Hoàng Mười Ảnh: Sỹ Minh

chính ở đền ông Hoàng Mười. Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924), vua Khải Định có sắc phong "Quang ủy trung đẳng thần", trong tín ngưỡng tâm linh nhân dân tôn vinh là "Thượng đẳng thần".

Đền ông Hoàng Mười tọa lạc trên một vùng đắc địa, hài hòa với môi trường cảnh quan thiên nhiên. Phía sau là núi Dũng Quyết làm chỗ dựa vững chắc, phía trước là dòng sông Lam, sông Mộc chảy qua, khiến cho mảnh đất này có nhiều ưu thế. Đặc biệt, ngôi đền lại tọa phía đầu mỏ của con Hạc khổng lồ do sông Mộc, sông Vĩnh uốn lượn tạo thành. Ngôi đền lại rất gần với trung tâm thành phố Vinh, nằm giữa cánh đồng bao la bát ngát, đẹp như một bức tranh sơn thủy đã hội tụ được những yếu tố văn hóa tâm linh và văn hóa du lịch. Đền đã được Nhà nước xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa.

Hàng năm, cứ vào ngày Rằm tháng 3 âm lịch là lễ hội khai điểm và ngày 10/10 âm lịch là ngày kỵ giỗ ông Hoàng Mười, đền lại thu hút hàng vạn lượt khách thập phương về đây dự lễ hội. Đây là địa chỉ văn hóa, du lịch hấp dẫn. Sắp tới, ngành Văn hóa - Thông tin sẽ phối hợp cùng địa phương xây dựng quy hoạch tổng thể lại ngôi đền, từng bước tu bổ, tôn tạo di tích để phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, giáo dục và văn hóa du lịch.

Mộ Ông Hoàng Mười. *Ảnh: Sỹ Minh*

MAI PHƯƠNG
(biên soạn)

LÂM VIÊN NÚI QUYẾT VÀ PHƯỢNG HOÀNG TRUNG ĐÔ

NƠI IN DẤU TÍCH VUA QUANG TRUNG

Cách trung tâm thành phố Vinh 5km về phía Nam đang hình thành một khu du lịch sinh thái có quy mô và mang đậm nét văn hoá - lịch sử xứ Nghệ có tên là Lâm viên núi Quyết. Lâm viên núi Quyết được xây dựng trên cơ sở bảo tồn một di sản văn hoá - lịch sử đã có từ trên 200 năm nay, đó là Phượng Hoàng - Trung Đô, nơi xưa kia Nguyễn Huệ - Quang Trung đã chọn nơi này để đóng đô.

Núi Dũng Quyết có 4 chi: Long Thủ (đầu rồng), Phượng Dực (cánh Phượng), Kỳ Lân (con mèo) và Quy Bối (con Rùa). Người xưa gọi địa thế nơi đây là đất tứ linh, bởi có đủ Long, Ly, Quy, Phượng. Đỉnh cao nhất 101,5m, đỉnh thấp nhất 53,5 m. Ngay dưới chân Núi Quyết về phía Nam là dòng sông Lam trong xanh uốn lượn, tạo nên một khung cảnh thiên nhiên độc đáo. Đứng trên đỉnh núi Quyết, về phía Nam du khách có thể phóng tầm mắt ra bốn hướng: Nhìn về hướng Tây có Kim Liên - Nam Đàn - Quê Bác; Nhìn về hướng Đông có Cửa Lò - Khu du lịch biển; Hướng Đông Nam có Nhà thờ Đại thi hào Nguyễn Du và núi Hồng - sông Lam. Và đặc biệt, phía Bắc là toàn cảnh thành phố Vinh đang được đô thị hoá với nhiều ngôi nhà

cao tầng hiện đại mọc lên. Đỉnh núi Dũng Quyết cũng là nơi ghi dấu vị anh hùng Nguyễn Xí trong hành trình tiêu diệt quân xâm lược nhà Minh, hay việc xây thành đắp luỹ khi Trịnh - Nguyễn phân tranh và những kỳ tích của triều đại Tây Sơn.

Ngày 03 tháng 9 năm Mậu Thân (1/10/1788) Nguyễn Huệ - Quang Trung đã xuống chiếu giao cho Trần Thủ Thận và La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp tổ chức xây dựng Phượng Hoàng Trung Đô ở vùng đất giữa núi Dũng Quyết và núi Kỳ Lân.

Phượng Hoàng Trung Đô có thành ngoài được xây dựng bằng đất, đá ong hình tứ giác, bao quanh phía ngoài thành có hào sâu, núi hiểm trở. Thành nội có toà lầu rộng 3 tầng là nơi dành cho vua Quang Trung thiết triều. Chỉ sau một năm, Phượng Hoàng Trung Đô đã được xây dựng xong. Đã có ít nhất hai lần vua Quang Trung đã làm việc ở đây. Phượng Hoàng Trung Đô là một chứng tích hào hùng thể hiện tầm nhìn văn hoá của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong quá trình đấu tranh thống nhất đất nước

Theo quy hoạch, khu du lịch

Núi Quyết - Sông Lam (Phượng Hoàng - Trung Đô - Vinh) Ảnh: Sỹ Minh

Lâm viên - Núi Quyết có tổng diện tích hơn 155 ha sẽ bao gồm nhiều công trình, hạng mục như khu công viên rừng, các khu vui chơi giải trí, khôi phục lại những di tích, hình tượng tiêu biểu từ thời xưa và qua hai cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ. Mục đích tôn tạo lại theo đúng quy mô giá trị của nó, nhằm góp phần giữ gìn di sản quý giá và truyền thống, chứng tích lịch sử hào hùng của ông cha để lại, phục vụ các nhu cầu về tham quan, nghiên cứu, vui chơi giải trí.

Toàn bộ núi Dũng Quyết được xây dựng thành một Lâm viên với địa hình địa mạo đa dạng, phong phú để du khách có thể đến bất kỳ nơi nào trên núi để thư giãn, hít thở khí trời trong lành trong một không gian yên tĩnh và nên thơ. Tại đỉnh núi cao nhất sẽ xây dựng thành khu vực cột cờ, có lầu ngắm cảnh, có sa bàn Phượng Hoàng Trung đô của Vua Quang Trung ...

Dưới chân núi Quyết, nơi có dòng sông Lam thơ mộng sẽ được bố trí thành nơi vui chơi với nhiều trò chơi mang đậm màu sắc dân tộc và nhiều trò chơi điều khiển bằng kỹ thuật hiện đại khác.

Đến nay, Thành phố Vinh đã đầu tư xây dựng một số công trình như Bia dẫn tích Phượng Hoàng Trung Đô trên nền toà lầu Rồng cũ giữa kinh đô Phượng Hoàng, Vọng đài trên đỉnh núi Quyết - nơi Lý Nhật Quang từng dựng Vọng Hải Đài, đường rải nhựa lên tận đỉnh núi, đền thờ Quang Trung cùng nhiều công trình du lịch khác. Ngoài ra, còn có thêm một tuyến đường hơn 400 bậc từ sườn núi phía Đông phục vụ cho khách đi bộ. Dự kiến, khu vực Lâm viên sẽ có một tuyến cáp treo dài gần 2.000 mét trên độ cao hơn 100 mét bắt đầu từ Vọng đài trên đỉnh núi, vượt qua sông Lam sang tận Nghi Xuân (Hà Tĩnh).

TRẦN NAM *(biên soạn)*

Đôi nét về ẩm thực THÀNH VINH

PHƯƠNG MAI

Món hến

Về Thành Vinh vào mùa hè, khi thưởng thức bữa cơm, không thể thiếu món canh hến. Hến được nấu cùng với các loại rau như: rau bầu, rau lang, mồng tơi, rau dền, rau muống sẽ được món canh hến có vị ngọt đậm đà, giàu chất vitamin và khoáng chất, đặc biệt là rất mát.

Những dịp bạn bè gặp nhau, ngồi lai rai có vài ly rượu hay vài cốc bia với món hến xúc bánh tráng- một món nhậu quen thuộc của người dân thành Vinh thì thật tuyệt. Hến loại to bằng ngón tay đưa từ Nam Đàn về, chỉ cần xào qua với hành mỡ, tỏi, dưa chuột, rắc thêm rau thơm, lạc rang giã dập cùng với vài lát ớt cắt mỏng, ăn kèm với bánh tráng Đô Lương là có một món nhậu lý tưởng.

Mùa hè, ở tất cả các quán bia ở thành Vinh đều có món ăn này.

Cháo lươn

Không biết tự bao giờ, cháo lươn đã trở thành món ăn ngon, bổ dưỡng không chỉ được người dân thành phố Vinh nói riêng và người dân Nghệ An nói chung yêu thích, mà du khách từ Hà Nội và các tỉnh khác đến Vinh nếu chưa một lần thưởng thức bát cháo lươn ở Vinh sẽ chưa an tâm ra về.

Tìm hàng cháo lươn không khó, đi dọc hầu hết các con phố, các chợ, đến các dãy hàng ăn sẽ gặp các bà, các cô bán cháo lươn đon đả mời chào khách vào quán ăn. Nhưng nổi tiếng ngon và đông khách hơn cả là quán của bà Liễu ở Quán Bàu, bà Lan ở Cổng chốt và dãy quán cháo cạnh khách sạn Giao Tế.

Lươn được gom về từ các huyện Yên Thành, Đô Lương, Diễn Châu, Thanh Chương, Nam Đàn, Hưng

Nguyên và một số huyện phía nam Thanh Hoá. Lươn mua rồi không làm thịt ngay mà phải đem nuôi khoảng 7 ngày trong chum, vại, và phải thay nước liên tục thì lươn mới sạch thức ăn trong bụng. Sau 7 ngày, lươn được vớt ra, bỏ vào một cái thùng, cứ 5 kg lươn đổ 0,5 kg muối rồi đậy nắp lại, lắc đều khoảng 15 phút rồi đổ vào rổ rửa sạch dưới vòi nước. Khi làm thịt, đầu lươn được ngoắc vào đầu một chiếc đinh đóng trên mảnh ván, đặt ngửa bụng lươn ra rồi dùng dao rạch bụng lấy ruột ra nếu là lươn to, lươn nhỏ thì phải tước. Thịt lươn luộc lấy nước, sau đó ướp, xào với các gia vị gồm: hạt tiêu, hành khô thái nhỏ, ớt bột, bột canh, bột điều cho nổi màu. Tiếp đó phi hành, rồi đổ thịt lươn đã ướp kỹ vào đảo đều cho tái chín. Nước cháo được hầm với xương lợn, xương bò, bỏ vào ít gạo quê có pha thêm gạo tám xoan. Cháo nhừ, đặt nồi cháo trên lò than, để lửa nhỏ, sao cho nồi cháo luôn sôi lăn tăn. Cháo lươn nấu loãng chứ không đặc, nhưng nhiều lươn. Khi ăn, múc cháo, thịt lươn ra bát, rồi rắc mùi tàu, hành hoa, rau răm thái nhỏ, ớt thái lát lên trên, vắt thêm một chút chanh là có được một bát cháo ngon đầy hương vị. Khách có thể ăn kèm với bánh mỳ rán giòn, bánh mướt.

Ngoài món cháo còn có món xúp lươn. Cũng là lươn ướp xào như trên, nhưng có thêm nồi nước ninh xương lợn, xương bò đang sôi bên cạnh, lươn xào được múc cho vào nồi này. Sau đó múc ra bát, gia thêm chút mùi tàu, hành hoa, rau răm thái nhỏ, thêm chanh ớt thành món súp lươn.

Ăn cháo lươn và súp lươn, người ăn sẽ không có cảm giác no nê, chỉ vừa đủ no mà lại bổ dưỡng. Mùa hè có bát cháo lươn, súp lươn ăn thì mát ruột vô cùng.

Chả ruơi

Theo lệ, cứ vào khoảng tháng 9, đầu tháng 10 hàng năm là những ngày cữ nước rơi (theo lịch âm) thì có ruơi. Nếu theo con nước thì xê dịch năm, bảy ngày. Ruơi có nhiều ở các vùng nước lợ, nhiều nhất là ở thành phố Vinh và các vùng phụ cận ở Hưng Hòa (Vinh), Hưng Châu (Hưng Nguyên). Gặp dịp chiều cường của con sông Lam, ruơi chui lên cuồn cuộn, chỉ việc lấy rổ hớt lên. Mùa ruơi, chờ nước triều lên ngập bờ, triều rút mang rổ ra hớt phải được vài ba thúng ruơi.

Rươi là thức ăn nhiều đạm. Có thể chế biến thành nhiều món ăn ngon như: mắm rươi hay còn gọi là muối rươi, chả rươi, canh rươi - Ở các vùng nông thôn, rươi còn được phơi khô để ăn dần.

Trước khi chế biến rươi, yêu cầu phải làm thật sạch rươi, đun nước sôi cho rươi vào chần. Chần xong, để ráo nước mới lấy đũa đánh xáo rươi thật nhuyễn. Làm món chả rươi cần khoảng 3 quả trứng, 200 gam thịt lợn nạc, 200 gam rươi, lá gừng, hành hoa, thì là, vỏ quýt. Trộn rươi với trứng, vỏ quýt thái chỉ, thì là thái nhỏ, thịt nạc băm nhuyễn, nước mắm, hạt tiêu. Tất cả đánh nhuyễn, đổ vào dầu nóng già, đun nhỏ lửa. Khi chả chín, mang ra đĩa, dùng dao cắt thành từng miếng đều nhau.

Chả rươi có vị ngọt đậm đà, béo ngậy quyện với mùi thơm của vỏ quýt, tạo nên một món ăn ấm thực mang hương vị quê hương đặc trưng của xứ Nghệ.

Cháo óc lợn

Bán vào lúc chập tối, cho tới quá nửa đêm. Cháo óc có hai loại: cháo óc tươi và cháo óc chín.

Cháo óc tươi: bộ óc lợn mua về bảo quản sạch sẽ. Nấu cháo thật nhừ, bỏ óc lợn vào đun thêm cho chín. Bắc nồi ra chế nước mắm hoặc bột canh vừa miệng. Múc cháo ra bát, có thể đánh tan bộ óc trước khi múc, hoặc để nguyên như vậy, rắc một ít hành, mùi tầu thái nhỏ, với chút mì chính, sẽ có ngay bát cháo nóng, ngon và đặc biệt rất bổ dưỡng.

Cháo óc chín: sọ lợn mua về cho vào luộc lấy nước nấu cháo. Khách ăn cháo này có 2 cách. Nếu chỉ ăn cháo óc không, chỉ việc múc cháo ra bát bỏ óc đã luộc chín vào. Cháo bưng ra đã có đủ gia vị cần thiết như hành, mùi, lộc thơm...ăn kèm với các loại rau sống. Còn nếu gọi cả bộ sọ lợn, sọ lợn được đặt ra đĩa, khách ăn kèm với rau thơm. Thông thường khách gọi món này nhắm với rượu hoặc bia. Khi ăn cháo, chỉ cần gọi nhà hàng đem bát cháo lên, lấy bộ óc đã luộc chín cho vào bát cháo là đã thưởng thức được.

Cháo óc lợn không chỉ là món ăn ưa thích của người dân Thành Vinh, mà còn hấp dẫn cả khách từ nơi khác về công tác hay đi du lịch.

Cháo cá tràu

Ngoài cháo lươn, súp lươn là những món ăn điểm tâm buổi sáng được người Thành Vinh ưa dùng, thì cháo cá tràu cũng rất được nhiều người thích ăn.

Cá tràu có nhiều tên gọi khác

nhau tùy theo vùng, miền. Trong Nam gọi là cá lóc, ngoài Bắc gọi là cá chuối, ngoài ra nó còn tên gọi khác là cá tràu đô.

Muốn nấu được bát cháo cá tràu ngon, phải mua được những con cá sống tươi nặng chừng 2 đến 3 lạng. Khi làm thịt, cá tràu phải để cả con, chặt vây, rửa sạch, bổ vào nồi nước sôi có nghệ và muối. Tùy số lượng cá nhiều hay ít mà cho nghệ và muối vào, để khử chất tanh của cá. Luộc cá đến khi nào bóp mang thấy mềm thì vớt ra. Cá vớt ra, bóc lớp da mỏng có màu đen bọc ngoài rồi luộc lấy thịt, bỏ xương, đầu. Gạo nấu cháo phải là thứ gạo quê có pha gạo tám xoan vo sạch. Tương tự như nấu cháo lươn, thịt cá tràu cũng được ướp với các gia vị gồm hành khô thái nhỏ, bột ớt cay, bột tiêu bắc, bột điều, sau đó phi hành khô cho thơm rồi đổ thịt cá đã ướp vào đảo cho đều, nhẹ tay, thịt cá tràu sẽ có màu đẹp và hấp dẫn. Khi cháo đã đạt đến độ chín nhừ, để lửa nhỏ, liu riu cho nồi cháo luôn luôn sôi lăn tăn. Lúc ăn, múc cháo ra bát, với một muôi cá. Các gia vị và rau thơm ăn cùng là hành tươi, ớt cắt lát, hạt tiêu, rau răm, thì là thái nhỏ. Ai thích ăn bộ lòng của cá tràu thì gọi thêm.

Cháo cá tràu được bán nhiều ở Vinh. Ăn cháo cá tràu vừa ngon, vừa lành, vừa bổ nên nhiều người rất thích. Cháo cá tràu phải ăn nóng và có đủ gia vị mới ngon.

Nộm chợ Vinh

Có tên nộm chợ Vinh, bởi các món nộm được bán ở các chợ tại thành phố Vinh. Nói tới nộm thì có rất nhiều loại như nộm đu đủ, nộm hoa chuối, nộm khế, nộm cà, nộm mướp đắng, tại thành phố Vinh còn có nộm măng, nộm dưa chuột, nộm rau muống, nộm xu hào, nộm củ chuối, nộm thập cẩm..., nhưng nộm thập cẩm được nhiều người ưa thích nhất.

Nộm thập cẩm gồm những nguyên liệu: đu đủ, hoa chuối, giá đỗ, khế xanh. Du đủ xanh gọt vỏ, được nạo thành từng sợi nhỏ, hoa chuối cũng thái thành sợi nhỏ, trộn lẫn hai thứ với nhau rồi mang ngâm với nước muối loãng. Sau đó vớt ra, vẩy cho khô nước tiếp tục trộn với khế xanh, giá đỗ cùng với một ít đấm, đường, ớt, lá chanh thái nhỏ, lá húng quế, lạc rang giã rập, bột canh, mì chính là đã thưởng thức được món nộm thập cẩm. Tùy từng

khẩu vị của mỗi người, có thể cho thêm bì lợn hoặc tai lợn đã luộc chín thái nhỏ trộn lẫn với nộm. Món nộm sẽ có vị bùi bùi, chua chua, cay cay, mằn mặn, ngọt ngọt và những màu sắc hấp dẫn bởi mầu đỏ của ớt; màu xanh của lá chanh, húng quế; màu trắng của đu đủ, giá; mầu vàng của hoa chuối.

Nộm thập cẩm không chỉ khiến cho các em, các cô, các bà "mê mẩn", mà trong những bữa nhậu của đấng mày râu, nộm thập cẩm cũng rất được ưa thích. Nộm chợ Vinh - một món ăn dân dã, dễ làm, lại ngon miệng sẽ làm siêu lòng cả những du khách khó tính nhất.

Kẹo cu đơ

Về thành Vinh, thưởng thức các món ngon của Vinh rồi, ra về mà không mua kẹo cu -đơ để làm quà cho gia đình và bạn bè thì quả là thiếu sót. Kẹo cu -đơ, cái tên nghe ngô ngộ, tưởng như có xuất xứ ở một đất nước xa xôi nào, nhưng lại bắt nguồn từ câu chuyện khá thú vị ở mảnh đất xứ Nghệ- nơi đã sản sinh ra bao nhân tài hào kiệt cho đất nước cũng như những truyền thống văn hóa, lịch sử mang những nét đặc sắc riêng.

Theo người xưa kể, Cu -đơ là một nhân vật vốn có tên là cu Hai. Vì số 2 tiếng Pháp gọi là "đơ" (deus), do đó người ta gọi đùa ông là ông Cu đơ, để đối chọi một cách nghịch ngợm với cái tên Đờ -cu (Decoux) một viên toàn quyền bại trận ở Đông Dương thời Đại chiến thế giới thứ hai.

Ông Cu -đơ quê ở Hương Sơn, sống bằng nghề nấu kẹo lạc và bán nước chè xanh. Ngày đó, kẹo lạc còn có một miếng giấy lót phía dưới, mỗi lần ăn phải bóc giấy ra, vừa mất công lại không vệ sinh. Ông Cu đơ đã nảy ra sáng kiến tuy đơn giản nhưng rất tiện lợi, đó là thay miếng giấy bằng bánh tráng. Khách hàng ăn thử, ai cũng tấm tắc khen ngon. Từ đó, loại kẹo này có mặt ở khắp xứ Nghệ và cái tên Cu -đơ vô hình đã trở thành một cái tên, một nhãn hiệu riêng kẹo Cu- đơ

Ăn kẹo Cu - đơ phải uống với nước chè xanh mới thấy hết vị ngọt của kẹo, vị thơm và đượm chát của chè xanh, vị bùi của hạt lạc, tạo nên hương vị đặc trưng rất riêng của Thành Vinh - xứ Nghệ.

ĐẠI HỌC VINH:

"Đứng giữa miền gió cát"

BÙI XUÂN VINH

Trường Đại học Sư phạm Vinh đã "nâng lên" thành Đại học Vinh mang tính đa ngành nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH đất nước. Trường tọa lạc bên đại lộ Lê Duẩn, dưới chân núi Quyết, đối diện với di tích Phượng hoàng Trung đô, tạo nên một quần thể du lịch văn hóa - lịch sử của thành phố Vinh. Xin giới thiệu địa chỉ du lịch văn hóa: Đại học Vinh, niềm tự hào của người dân xứ Nghệ.

Chiều nay tôi cùng TS. Lê Minh Truyên - một cựu sinh viên khoa Văn - khóa 9 (1968 - 1972) leo lên núi Quyết. Thứ nhất là được ngắm thành phố và ngắm trường Đại học Sư phạm Vinh từ chiều cao. Thứ hai là thăm lại trận địa phòng không đã một thời đỏ đạn dăng lửa bủa vây máy bay Mỹ trong thời kỳ chiến tranh phá hoại (1964 - 1972). Vậy mà đã thấm thoắt 45 năm với Trường Đại học Sư phạm Vinh (1959 - 2004) và 40 năm với chiến công vang dội bắn rơi chiếc máy bay Mỹ đầu tiên trên miền Bắc (5-8-1964) của quân dân Nghệ An.

Núi Quyết bây giờ đã có bóng cây, chứ thời ấy cả một dải đất dài kéo từ phà Bến Thủy (Bến Phà được tuyên dương đơn vị Anh hùng) sang bờ nam mảnh đất Nghi Xuân (quê hương thi hào Nguyễn Du) rồi ngược lên trung tâm thành phố, chỉ toàn là hố bom, cây cối trọc lóc, phơi ra một màu cát trắng. Đứng ở trận địa phòng không núi Quyết, nhìn rõ những cơn lốc gió Lào vào giữa mùa tháng 6 nắng gay gắt, xoáy ngược như vòi rồng, cuốn cát bay mù trời thành phố hoang địa (Thành phố Vinh đã bị bom đạn Mỹ san phẳng trong cuộc chiến tranh phá hoại). Cánh lính chúng tôi cứ phải lấy khăn mùi xoa che kính ngắm cẩn thận, để lúc vào trận đường ngắm chính xác hơn. Rồi tháng 10-1971, đơn vị tôi tạm biệt thành Vinh, kéo quân vào chiến trường B2 (miền Đông Nam Bộ) với khí thế "Quân xanh màu lá dữ oai hùm" (Quang Dũng) mà không hẹn được ngày về. Tôi nhớ chiều xuất quân hôm ấy là ngày 31-10-1971, mấy anh lính sinh viên khóa 9 Đại học Sư phạm Vinh, đã chỉ cho tôi khu trường sư phạm gồm 5 ngôi nhà bốn tầng, đứng trên đất phường Hưng Bình, chỉ còn cái khung nhà toang hoác, và nói với tôi rằng "Trường chúng mình đấy" với một tình cảm thiết tha và niềm tin cháy bỏng. Tiểu đoàn 5 thuộc Trung đoàn 271 Quân khu Bốn mang phiên hiệu "đoàn 2005C" đã vào đến chiến trường B2 sau 4 tháng vượt Trường Sơn. Một số anh đã yên nghỉ ở dọc đường hành quân, còn một nửa quân số thì ngã xuống chiến trường miền Đông Nam Bộ, trong đó có những người lính sinh viên.

Tôi nhớ lại câu chuyện chiều hôm qua trao đổi với PTS Đoàn Minh Duệ - anh vốn là "lính sinh viên". Năm 1976, anh Duệ trở về trường học tập tiếp chương trình, nay trên cương vị giảng dạy triết học kiêm Trưởng phòng công tác chính trị của nhà trường. Tôi hỏi Đoàn Minh Duệ: "Trường Vinh đã có bao nhiêu liệt sĩ ngã xuống?" Anh Duệ xúc động trả lời: "54 cán bộ và sinh viên đã hi sinh, trong đó có cô giáo Lê Thị Bạch Cát - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân". Rồi anh Duệ kể:

"Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và chiến đấu bảo vệ biên giới, Trường đại học Sư phạm Vinh đã có 1147 cán bộ và sinh viên nhập ngũ lên đường chiến đấu mà ở bất cứ vị trí nào, chiến trường nào thì thầy và trò trường Vinh đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Những tấm tương tiêu biểu như thầy giáo dạy văn Nguyễn Trọng Bình trận đầu tiêu diệt tại chỗ 4 tên địch. Sinh viên Trương Khắc Vành, năm thứ ba khoa Lý, một mình một súng, bằng 11 viên đạn đã bắn rơi 1 máy bay AD6 của giặc Mỹ... cô giáo Lê Thị Bạch cát, đội trưởng đội biệt động, kiêm bí thư Quận đoàn quận 11, lập công xuất sắc trong tổng tiến công Mậu Thân 1968. Chị đã hy sinh để lại tiếc thương vô hạn cho nhà trường. Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã lấy tên chị đặt tên cho một đường phố để ghi nhận công ơn một cô giáo Trường đại học Sư phạm Vinh..."

Trường Đại học Vinh *Ảnh: Hồ Xuân Thanh*

Tôi có cái may mắn như Doãn Minh Duệ, Lê Văn Thảo, Lê Phi Minh... là những người lính sống sót từ chiến trường trở về nên không thể không nhắc tới kỷ niệm xưa cho sinh viên khóa 40 năm nay vào trường ghi nhớ.

*

Thành Vinh bây giờ trải rộng dưới tầm mắt với những đường phố rộng rãi, những tòa nhà khang trang, với lối kiến trúc tân kỳ "chóp",

"kính", "vòm"... Sự tân kỳ ấy đối lập với khu cao tầng Quang Trung vừa xuống cấp vừa đơn điệu - ghi nhận một thời gian khó nhất đã được nước bạn CHDC Đức giúp ta xây dựng. Trong bức tranh tương phản nhiều mảng màu ấy, Trường đại học Sư phạm Vinh vẫn có nét riêng, nổi bật lên không phải ở sự khoe mẽ mà vì sự kính nể khiêm nhường cái "nôi" đào tạo nhân tài cho cả nước nói chung và cho các tỉnh khu Bốn nói riêng, mà chủ yếu là đội ngũ giáo viên trung học phổ thông trong sự nghiệp cao cả "trồng người".

Trường Đại học Vinh tọa lạc bên phía trái của đại lộ Lê Duẩn, trên một khuôn viên có diện tích rộng gần 11 hécta thuộc phường Bến Thủy. Từ cổng trường lên tới cầu Bến Thủy chỉ non mấy trăm mét. Khu giảng đường trung tâm là tòa nhà 5 tầng có sức chứa 3000 sinh viên học tập. Hai ngôi nhà 5 tầng khác vừa mới xây dựng xong khang trang sạch sẽ, làm ký túc xá cho sinh viên với "giá bao cấp" chủ yếu con em hưởng chính sách xã hội. Trường vừa đưa vào sử dụng một nhà thi đấu thể thao khá đồng bộ và rộng rãi, 37 phòng thí nghiệm, 4 phòng máy tính, 1 bảo tàng sinh học, 14 khoa chuyên ngành, 7 trung tâm triển khai, 388 cán bộ giảng dạy trong đó có 21 giáo sư - phó giáo sư, 71 tiến sĩ - phó tiến sĩ, 14 cán bộ được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân và Nhà giáo ưu tú, 155 giảng viên chính, 138 thạc sĩ... Một vài con số nêu ra để chứng minh chặng đường 40 năm rất đáng tự hào của trường Đại học Sư phạm Vinh - một ngôi trường đứng vững và tự tin giữ vùng đất quanh năm gió Lào và cát trắng.

Sáng hôm sau, tôi dự "Lễ bế giảng khóa 36" gồm 946 sinh viên ra trường cùng với sự có mặt đông đủ của các thầy cô giáo trong Ban giám hiệu. Tôi được "sống lại" cái thời sinh viên của mình đã 20 năm về trước: Bịn rịn chia tay, cờ hoa chúc tụng, phấp phỏng lo âu cho việc làm khi ra trường... Tại giảng đường chính, trong không khí lưu luyến chia tay thầy cô, tôi hỏi PGS. PTS Nguyễn

Đình Huân - Hiệu trưởng.

- Thưa anh, tính tới khóa 36 Trường đã đào tạo được 23000 cán bộ cho ngành giáo dục. Đã 45 năm đứng chân trên một vùng đất nghiệt ngã về thời tiết, nghèo về kinh tế, ác liệt về chiến tranh... Trong "làng sư phạm" thì anh có nhận xét gì về trường mình không?

- Trước đây - hiện nay - và có lẽ cả sau này nữa - Đại học Sư phạm Vinh vẫn là một "trường Trung ương đóng trên địa bàn địa phương" - PGS Nguyễn Đình Huân khẳng định như vậy.

- Có nghĩa sau trường Sư Phạm Hà Nội I thì đến Sư phạm Vinh?

- Đúng là như thế anh ạ - ở đây bao hàm cả về quy mô đào tạo lẫn cả về chiều dài lịch sử thành lập. Tôi lấy ví dụ, đội ngũ cán bộ giảng dạy đầu tiên của trường Vinh thì hầu hết là từ "lò" Sư phạm Hà Nội và Tổng hợp Hà Nội khóa I, khóa II ra trường là về đây công tác dưới sự dìu dắt của giáo sư toán học Nguyễn Thúc Hào - vị hiệu trưởng đầu tiên của trường chúng tôi.

PTS Nguyễn Đình Huân nhớ lại: Tháng 10 năm 1959 là năm học đầu tiên của trường với 17 cán bộ và 159 sinh viên hai khoa Văn và Toán. Mấy năm sau phát triển thêm các khoa Lý, Hóa, Sinh với gần 300 cán bộ và 1700 sinh viên theo học. Nhà trường được bổ sung một loạt những trí thức nhà giáo trẻ, đầy nhiệt tình cách mạng, từ Hà Nội trở về xây dựng quê hương như các thầy: Lê Bá Hán, Lê Hoài Nam, Nguyễn Văn Chữ, Văn Như Cương, Hoàng Kỳ, Lương Duy Thứ, Nguyễn Đăng Mạnh, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Quang Hồng, Phạm Quý Tư... bây giờ đều là những nhà sư phạm nổi tiếng, là giáo sư đầu ngành và rất có uy tín trong nước và quốc tế. 5 năm đầu gây dựng (1959 - 1964) được coi là giai đoạn thứ nhất, với sự phát triển tương đối đồng đều và thuận lợi.

Ngừng một lát rồi PGS Nguyễn Đình Huân kể tiếp với sự hồi tưởng mãnh liệt về cái "thời đạn bom" và "thời hòa bình" của Trường Vinh.

- Những quả bom Mỹ ném xuống thành phố Vinh trưa ngày 5-8-1964

mở đầu giai đoạn thứ hai, giai đoạn thầy và trò "cõng trường" đi sơ tán về các huyện trung du và miền núi của hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa suốt 8 năm liền. Trong đạn bom, các khóa học của trường vẫn phát triển, mà năm ác liệt nhất như khóa 8 và khóa 9 (1967 - 1968) số lượng sinh viên vẫn lên tới 4500. Giai đoạn thứ ba là sau Hiệp định Pari 1973, Mỹ ngừng ném bom trên miền Bắc, thầy trò trường Vinh lại từ nơi sơ tán kéo nhau về lại thành Vinh, quyết tâm xây dựng lại trường trên khuôn viên gần 11 ha bây giờ, vốn trước đây là nghĩa địa và bãi bom. Giai đoạn thứ ba kéo dài hơn 1 thập kỷ (1974 - 1985) được coi là thời kỳ gay go và bi đát nhất trước nguy cơ tuyển sinh tụt xuống chỉ còn 100 đến 150 người/năm (bình quân 1 thầy dạy 1,5 sinh viên). Trong khi đó số cán bộ có trình độ tiến sĩ, phó tiến sĩ xin chuyển công tác vào 2 thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh ngày một nhiều.

Một lúc sau, PGS. Nguyễn Đình Huân về phấn khởi với nụ cười tự tin, kể tiếp:

- Giữa năm 1986 Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI mở ra vận hội mới, luồng gió "đổi mới" đã khích lệ nhà trường chuyển hướng theo xu thế chung để có được sự phát triển đồng bộ, đa dạng vững vàng như hôm nay. Đây là giai đoạn thứ tư, thời kỳ đổi mới mọi phương diện.

Tôi góp chuyện với anh Huân:

- Thưa anh - Tôi có hỏi giáo sư tiến sĩ Nguyễn Cảnh Toàn nhân lần ông tới Tòa soạn: - "Thầy có đánh giá gì về Trường Sư phạm Vinh?" Giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn nhận xét: "Trường Vinh hăng lắm" Tôi hỏi tiếp: "Hăng ở chỗ nào?". Giáo sư Toàn : "Từ những năm 89 - 90 đã định chuyển đổi tên "Sư phạm Vinh" thành "Đại học Vinh" để mang tính đa ngành, vì những năm đó sư phạm kém cỏi lắm, không có đầu ra. Thứ hai, họ nhanh chóng đào tạo cán bộ để tự thích nghi cơ chế mới với một xứ nghèo như Nghệ An. Tôi hỏi anh Huân: Anh thấy nhận xét ấy thế nào?

Đúng là một thời như thế! Nhưng Đại hội Đảng bộ nhà trường lần thứ XVIII và trí tuệ tập thể đội

ngũ trí thức trường Vinh đã rất sáng suốt lựa chọn con đường phát triển là "Lấy đào tạo sư phạm là chủ yếu, nhưng phát triển lên thành đa cấp, đa hệ, đa loại hình có trình độ cao". Bởi vậy không mất đi tính chất một trường sư phạm, nhưng lại có cả đào tạo hệ kỹ sư, kiến trúc sư, cử nhân luật và báo chí theo mô hình liên kết rất sáng tạo. Còn trong tự thích nghi, bắt buộc tự thân mỗi trí thức và tự thân nhà trường phải vận động để hội nhập. Vì vậy, công tác đào tạo sau đại học rất được coi trọng. Hiện nay trường Vinh đã có 9 mã ngành đào tạo Nghiên cứu sinh cấp bằng Tiến sỹ và 20 mã ngành đào tạo Cao học cấp bằng Thạc sĩ, học viên sau đại học đang theo học 527 người. Nhà trường còn quan hệ hợp tác đào tạo với hơn 30 trường đại học trong và ngoài nước. Phải "hăng" thì mới đáp ứng nhu cầu đào tạo hiện nay.

Tôi nhẩm tính: sau 40 năm thì số lượng sinh viên vào Trường Vinh tăng 100 lần. Lấy năm học đầu tiên (1959 - 1960) chỉ có 150 sinh viên. Đến năm học 1998 - 1999 lên tới 15000 sinh viên và toàn bộ cơ sở vật chất của trường được nâng cấp khang trang, hiện đại, xóa hẳn nhà tranh tre, cấp 4 của cái thời thầy trò cùng nhau lên rừng dẫn tre nứa về dựng lớp. Tôi đã trao đổi với PGS. PTS Phan Đức Thành - nguyên hiệu trưởng trường 1989 - 1997 - gọi là hiệu trưởng "thời kỳ đổi mới", PGS. cho biết : "Nếu không có sự nghiệp đổi mới thì Sư phạm Vinh đã tan, vì trường Vinh đã mất (ý nói là chuyển công tác) gần 100 GS - TS - PTS. Sự "ra đi" của trí thức trường Vinh vào những năm giao thời - cuối thập kỷ 80 được PGS Phan Đức Thành nhận xét: "Thấy anh em ra đi, biết mà không giữ được vì đời sống quá khó khăn không nuôi được anh em, trong khi trường lại ở tư thế "không rõ ràng", nhưng may mắn gặp vận hội đổi mới theo Nghị quyết VI của Đảng viên nên mới giữ được như hôm nay". PGS Phan Đức Thành khẳng định: "đất Nghệ hiếu học mà không có trường đại học thì gay go".

Cùng với một tâm trạng ấy, giáo

Sư Lê Bá Hán một trong số 117 cán bộ giáo dục của trường đầu tiên và hiện nay đang công tác nói với tôi rằng: "Trường Vinh có ý thức tự cường. Một trường Đại học gắn chặt với vùng đất Thanh - Nghệ - Tĩnh với bao biến đổi thăng trầm, những trí thức trường Vinh lớp đầu tiên như tôi từ "Sư phạm" và "Tổng hợp" về và sau này các lớp khóa 1, khóa 2 ra trường đều hăm hở ở lại để xây dựng quê hương. Nhưng có một tâm trạng chung mà đeo đẳng cán bộ và sinh viên trường Vinh là mình chưa sống trong một môi trường đại học đa dạng và phong phú. Một số anh em đã phân tán ra 2 đầu đất nước là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nên cái lo mình bị "nguy cơ tỉnh lẻ hóa", là cái khó tránh khỏi".

Nhìn lại bề dày lịch sử, từ những năm đầu thành lập (10 - 1959) dưới sự chỉ đạo của GS toán học, nhà giáo nhân dân - Nguyễn Thúc Hào làm Hiệu trưởng 14 năm liền (1959 - 1975). Gánh nặng trọng trách ấy lần lượt được các giáo sư kế nhiệm gánh vác như GS Lê Hoài Nam (1976 - 1981), PGS Phan Bá Nhẫn (1982 - 1988), PGS Phan Đức Thành (1989 - 1997), PGS Nguyễn Đình Huân (1997 tới nay), thày trò trường Vinh đang thực sự tiên phong trong sự nghiệp giáo dục phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*

Tạm dừng câu chuyện với các thầy giáo, tôi hòa vào dòng sinh viên gần một ngàn người của khóa 36 đang đổ về hội trường chính. Thật bịn rịn và xúc động giờ phút chia tay với thầy cô và mái trường thân yêu. Nay mai, họ sẽ đi về với mái trường thân yêu để làm tiếp sự nghiệp "Trồng người" như lớp sinh viên trước đã làm. Bỗng đưng tôi nhớ tới câu nói của đồng chí Phó Bí thư tỉnh ủy, kiêm Chủ tịch UBHC tỉnh Nghệ An, cách đây 45 năm trong buổi khai giảng khóa I (10 - 1959): "Trường sư phạm Vinh là ngọn cờ hồng cắm trên quê hương Xô Viết". Đã 45 năm, và sẽ còn tiếp tục mãi, ngọn cờ hồng ấy vẫn phấp phới bay cao giữa miền gió cát.

Thành Vinh 1999 - 2004

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VINH

Người bạn tin cậy CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

THỤC CHÍ

Ngày 1/7/ 1989 Tổng giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã ban hành Quyết định số 15/NH-QĐ về việc thành lập Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Vinh trên cơ sở Phòng Ngoại hối Nghệ Tĩnh. Khi mới thành lập Chi nhánh mới có 20 cán bộ, cơ sở vật chất chưa có gì, tổng nguồn vốn huy động mới chỉ đạt 534 triệu VND, vốn huy động ngoại tệ mới đạt đơn vị hàng trăm ngàn USD. Đến nay, tổng nguồn vốn huy động của chi nhánh đạt hơn 1.000 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn huy động ngoại tệ đạt trên 50 triệu USD. Đạt được kết quả như vậy là do bản thân từng CBCNV của Chi nhánh đã từng bước nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên theo dõi nhu cầu của thị trường chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ đưa ra nhiều dịch vụ tiện ích, tạo mọi thuận lợi cho khách hàng tự do lựa chọn, quan tâm đến yêu cầu của khách hàng...

Chi nhánh Ngân hàng ngoại thương Vinh đã tổ chức kỷ niệm 15 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương lao động hạng Ba. Ngày 1/7 hàng năm thực sự trở thành ngày hội của toàn thể CBCNV, đây là dịp để họ nhìn nhận đánh giá về những gì đã làm được, những gì còn tồn tại để từ đó hoàn thiện và phát triển hơn nữa. 15 năm qua bằng sự quyết tâm, cố gắng, Chi nhánh đã thực hiện có hiệu quả, chất lượng các mặt hoạt động, nâng cao vị thế của mình trong hệ thống các ngân hàng Việt Nam.

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Chi nhánh đã tập trung triển khai nhiều hình thức huy động vốn bằng cách đưa ra thị trường nhiều sản phẩm tiện ích về thanh toán và dịch vụ để thu hút các nguồn vốn nhàn rỗi của các tổ chức kinh tế và dân cư ở từng thời kỳ. Đồng thời, Chi nhánh còn triển khai thêm nhiều sản phẩm dựa trên nền tảng công nghệ mới nhằm thu hút hơn nữa tiền gửi của khách hàng như: Dịch vụ

Hoạt động giao dịch của Chi nhánh Ngân hàng ngoại thương Vinh
Ảnh: Tư liệu

thanh toán thẻ Tín dụng, thẻ rút tiền tự động ATM Connect 24, thanh toán trực tuyến, triển khai nghiệp vụ ngân hàng bán lẻ... Cho nên, nguồn vốn huy động tăng nhanh (bình quân từ 15-20%/ năm) đảm bảo cho hoạt động đầu tư của Chi nhánh,. Đặc biệt, 5 năm gần đây, hoạt động huy động vốn đạt mức tăng trưởng lên tới 30%. Cơ cấu nguồn vốn cũng dần dần thay đổi theo chiều hướng nguồn vốn có kỳ hạn chiếm tỷ trọng ngày càng tăng (chiếm hơn 70% tổng số vốn của Chi nhánh). Tính đến ngày 30.6.2004, tổng nguồn vốn huy động của Chi nhánh đạt 1.300 tỷ đồng, chiếm 25% thị phần vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn và là chi nhánh thứ 6 trong hệ thống Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đạt chỉ tiêu nguồn vốn huy động trên 1.000 tỷ đồng.

Công tác đầu tư tín dụng cũng luôn được chú trọng, Chi nhánh coi việc mở rộng doanh số hoạt động và quản trị vốn đầu tư đạt hiệu quả là tiêu chí hàng đầu. Nếu trước trước đây, vốn tín dụng của NHNT Vinh chủ yếu tập trung vào khai thác kinh doanh xuất nhập khẩu, đối tượng chính là các DNNN, thì nay, vốn tín dụng của Chi nhánh đã cung ứng và tiếp cận đến tất cả các loại hình doanh nghiệp hiện có trên địa bàn với tốc độ tín dụng tăng trưởng mỗi năm 20-25%. Có thể thấy, khách hàng của chi nhánh ngày càng đa dạng, phản ánh đúng tinh thần chỉ đạo của Ngân hàng Ngoại thương TW "đa dạng hoá đối tượng đầu tư và hướng vào loại hình các doanh nghiệp vừa và nhỏ". Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Vinh luôn quan tâm và đánh giá đúng khả năng tài chính của từng khách hàng . Cho nên vốn tín dụng của Chi nhánh đã tiếp cận tương đối chính xác từng loại hình

doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp khắc phục khó khăn, phát huy tốt các tiềm năng thế mạnh như các mặt hàng nông sản, lâm sản, hải sản... góp phần hoàn thành chỉ tiêu xuất khẩu của các doanh nghiệp. Hoạt động đầu tư của Chi nhánh đã giải quyết kịp thời nhu cầu nâng cấp, đổi mới, hiện đại hoá trang thiết bị, máy móc, xây dựng nhà xưởng sản xuất, phương tiện vận tải cho các doanh nghiệp... Đằng sau sự trưởng thành và phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An luôn có sự hỗ trợ đắc lực của Ngân hàng Ngoại thương Vinh.

Để nhận được sự tin tưởng hơn nữa của khách hàng, Ngân hàng Ngoại thương Vinh đã từng bước triển khai kịp thời việc áp dụng công nghệ mới vào hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực kế toán, thanh toán và cung cấp nhiều sản phẩm dịch vụ tiện ích, thuận lợi cho khách hàng khi giao dịch như: Mạng thanh toán liên ngân nội bộ, hệ thống thanh toán viễn thông liên ngân hàng toàn cầu S.W.I.F.T, hệ thống ngân hàng bán lẻ, thanh toán liên bù trừ điện tử, hệ thống máy rút tiền tự động ATM (áp dụng từ năm 1996), hệ thống ngân hàng trực tuyến (VCB-ATM).... Ngoài thế mạnh về công nghệ, Chi nhánh đã quan tâm áp dụng có hiệu quả các chính sách khách hàng qua việc áp dụng các mức lãi suất, giá, phí dịch vụ...linh hoạt, cùng với tinh thần thái độ phục vụ tốt của đội ngũ thanh toán viên đúng theo tác phong chuyên nghiệp, nên đã thực sự thu hút được khách hàng.

Cùng với việc thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chuyên môn, Chi nhánh không ngừng chăm lo công tác cán bộ, công tác đoàn thể để xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU NGHỊ

HẠT NHÂN TÍCH CỰC CỦA ngành Du lịch Nghệ An

Có truyền thống hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nhà hàng khách sạn, dịch vụ du lịch và thương mại xuất nhập khẩu... Với 5 đơn vị thành viên: Khách sạn Hữu Nghị, Khách sạn Quang Trung, Khách sạn Thái Bình Dương, Trung tâm Thương mại Hữu Nghị và Xí nghiệp giặt là dịch vụ, Công ty Cổ phần Hữu Nghị luôn là đơn vị đi đầu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ. Những năm qua, Công ty đã không ngừng phát triển, tạo uy tín lớn đối với khách hàng, doanh thu hàng năm đạt hơn 10 tỷ đồng, mỗi năm hệ thống khách sạn đón tiếp hơn 90 nghìn lượt khách trong và ngoài nước. Đặc biệt trong những năm gần đây, tình hình kinh doanh của Công ty đạt được những kết quả đáng kể. Để có được điều đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng như

toàn thể CBCNV đã nỗ lực thực hiện tốt các công tác trong hoạt động quản lý và kinh doanh, thường xuyên cải tiến công tác quản lý điều hành công ty cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ từng năm, từng thời điểm cụ thể.

Công tác quản lý lao động, được Ban lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm, chủ động rà soát lao động của tất cả các đơn vị có lao động dư dôi, năng suất lao động không cao, hiệu quả thấp. Số cán bộ cốt cán từ các đơn vị trực thuộc đến văn phòng công ty được củng cố, đổi mới nhận thức và cách làm theo hướng tinh gọn, thiết thực hiệu quả. Việc tiếp nhận lao động được thực hiện theo đúng quy chế và xuất phát từ thực tế hoạt động đòi hỏi. Do vậy, tất cả các hoạt động của Công ty được phối hợp nhịp nhàng và đồng bộ, nâng cao trách nhiệm cho từng vị trí công tác, đa số các vị trí được giao đều phát huy tác dụng tích cực hiệu quả.

Quản lý tốt lao động, được gắn liền với việc mở rộng sản xuất kinh doanh, chiếm lĩnh thị trường. Toàn Công ty luôn tập trung mọi nỗ lực, quyết tâm cao đẩy mạnh và phát triển kinh doanh theo hướng bền vững, luôn giữ được chữ tín và thương hiệu Công ty trên thương trường, tranh thủ những cơ hội thuận lợi để đột phá. Mọi hoạt động kinh doanh phải lấy hiệu quả làm thước đo chủ yếu, mọi phương án, biện pháp kinh doanh phải xuất phát từ tính hiệu quả. Bằng việc hoạch định lại các ngành nghề kinh doanh

theo khả năng chủ quan và theo nhu cầu thị trường, năm 2002, Công ty đã thay việc bán hàng tự chọn ở tầng 2 Trung tâm thương mại bằng việc cho thuê mặt bằng bán sách văn hoá phẩm mỗi năm thu về hơn 100 triệu đồng. Đồng thời sửa sang nâng cấp các gian hàng có lợi thế mặt đường để mở rộng bán hàng Dệt May và một số mặt hàng khác... Từ tháng 2/2003, Công ty đã khẩn trương triển khai dự án mở rộng Khách sạn Thái Bình Dương và đã hoàn thành vào tháng 4/2004. Việc hoàn thiện dự án này đã góp phần nâng cao năng lực kinh doanh cho Công ty. Ngoài ra, Công ty tiến hành sửa sang, nâng cấp, làm sạch thoáng đẹp mặt ngoài, nâng cấp nội thất một số tầng, phòng tại Khách sạch Hữu Nghị (đầu tư 18 điều hoà to 2 cục đảm bảo 100% số phòng đều có điều hoà). Khách sạn Quang Trung cũng được quy hoạch lại để đưa vào khai thác các kiốt bán hàng để tăng nguồn thu. Cũng năm 2003, ngoài việc tiếp tục củng cố phát triển vững chắc các loại hình, dịch vụ kinh doanh truyền thống, Công ty còn mở rộng thêm các dịch vụ thương mại và kinh doanh xe gắn máy. Chính hoạt động này đã đem lại hiệu quả kinh tế vượt mức so với kế hoạch mà Công ty đã đặt ra. Để mở rộng ngành nghề kinh doanh hơn nữa, đồng thời từng bước hội nhập với thị trường khu vực và thế giới, Công ty đã đẩy mạnh việc thâm nhập vào thị trường xuất khẩu như tham gia xuất khẩu hơn 100 tấn lạc nhân, xuất khẩu song mây, chè trà. Mặc dù, kinh doanh xuất nhập khẩu chưa phải là thế mạnh, nhưng cũng đã đem lại hiệu quả kinh tế đáng kể cho

Công ty. Bên cạnh đó, Công ty Hữu Nghị cũng luôn chú trọng đến công tác quản lý tài chính kế toán, với phương châm "Trung thực tận tâm với nghề nghiệp, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đáp ứng đầy đủ yêu cầu của công việc". Đội ngũ làm công tác quản lý tài chính kế toán đã thực sự thể hiện được năng lực chuyên môn của mình, góp phần đảm bảo an toàn, ổn định cho hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Không chỉ dừng lại ở việc làm tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty còn thường xuyên quan tâm và đến chất lượng cuộc sống của người lao động để họ có thể yên tâm và gắn bó hơn với công việc, bằng việc chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, thường xuyên quan tâm đến việc học tập, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho mỗi cán bộ và nhân viên, luôn tạo điều kiện cho họ vươn lên. Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, của Công ty hoạt động tích cực và hiệu quả tạo sự ổn định mọi mặt trong Công ty.

Với những thành quả đạt được, Công ty Cổ phần Hữu Nghị đã góp một phần không nhỏ vào sự phát triển chung của ngành du lịch Nghệ An và có những đóng góp đáng kể cho sự bền vững, phồn vinh của nền kinh tế- xã hội toàn Tỉnh.

THU THỦY

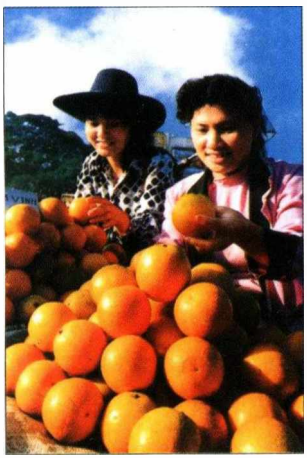

Cam Vinh. *Ảnh tư liệu*

Một số thông tin cần biết về

HUYỆN NAM ĐÀN

Năm thành lập: *10.1945*
Diện tích: *293,9km²*
Dân số: *156.946 người*
Đơn vị hành chính: *1 thị trấn và 24 xã*

CÁC ĐIỂM DU LỊCH CHÍNH CỦA HUYỆN NAM ĐÀN

92

Khu di tích Kim Liên

119 Mộ thân mẫu vua Mai

134 Đền thờ vua Mai Hắc Đế

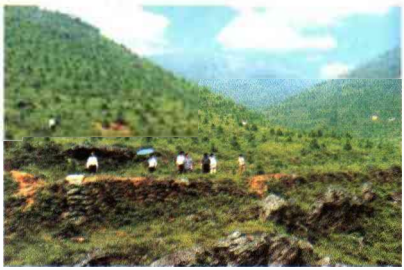

143 Núi Thiên Nhân và núi Đại Huệ

127 Khu di tích lưu niệm Phan Bội Châu

DU LỊCH NAM ĐÀN

NGUYỄN THẾ KỶ
Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy

Khi về thăm vùng đất nổi tiếng này, du khách thường nói gọn trong mấy từ "về thăm quê Bác". Nhưng quê Bác là cả huyện Nam Đàn với mấy nét phác thảo tiêu biểu: phía bắc là dãy Đại Huệ như bức trường thành che chắn mưa bão, gió mùa đông bắc; phía nam là dãy Thiên Nhẫn "như đàn ngựa ruổi chạy quanh" ; phía tây có Hùng Sơn, còn gọi là núi Đụn; ở giữa, chạy từ tây sang đông là dòng Lam thơ mộng; và tâm điểm của bức tranh tươi đẹp đó là Kim Liên quê Nội, quê Ngoại của Bác Hồ. Thăm nhà Bác, du khách không thể không tìm về các địa danh nổi tiếng quanh vùng. Đó là cách giúp du khách lý giải câu hỏi: Có mối liên hệ nào giữa Hồ Chí Minh, Phan Bội Châu, xa hơn là Mai Hắc Đế với vùng đất đã sinh thành, nuôi dưỡng các vĩ nhân này ?

1. Ba yếu tố thuận lợi

Khi nói đến sự phát triển, thăng hoa của một vùng đất, một ngành nghề hay một con người, người xưa thường đưa ra 3 yếu tố: "thiên thời, địa lợi, nhân hoà". Ở thời điểm này, huyện Nam Đàn đang hội đủ, đến mức cao, cả ba yếu tố quan

trọng đó. Sự nghiệp đổi mới gần hai chục năm qua đã tạo cho đất nước, cho Nghệ An và riêng huyện Nam Đàn những bước đi mới vững chắc. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của huyện ngày một cao hơn. Năm 2000 là 8,75%, năm 2001: 10,27%, năm 2002: 11,86%, năm 2003 lên mức 13,56% và năm 2004 lên đến 14%. Nông nghiệp được mùa toàn diện. Cả huyện có trên 42% diện tích đất nông nghiệp cho thu nhập mỗi héc ta một năm từ 30 triệu đồng trở lên. Hơn một nửa số xã trong huyện đã xây dựng thành công từ 1 đến 3, 4 cánh đồng 50 triệu. Hàng chục trang trại cho thu nhập mỗi năm trên dưới một vài trăm triệu đồng. Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp có tiến bộ rõ. Các xã Kim Liên, Xuân Lâm, Vân Diên, Thị Trấn ... đang mở thêm một số ngành nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ du khách.

Cùng với nội lực của huyện, Trung ương và tỉnh Nghệ An đã đầu tư xây dựng một số công trình, dự án quan trọng trên địa bàn Nam Đàn: dự án bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử - văn hoá Kim Liên gắn với phát triển du lịch; dự án tôn tạo, nâng cấp mộ, đền thờ Mai Hắc Đế và mộ mẹ Vua Mai; tôn tạo bước một khu lưu niệm Phan Bội Châu; nâng cấp con đường nối quê Bác với quê hương cố Tổng Bí thư Lê Hồng Phong và liệt sỹ Phạm Hồng Thái; Chính phủ Nhật Bản cũng tài trợ trên 150 tỷ đồng cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, thuỷ lợi, điện cho các xã vùng 5 Nam. Công ty đầu tư và phát triển du lịch - dịch vụ Nghi Tàm (Hà Nội) triển khai giai đoạn 1 dự án xây dựng công viên "Du lịch theo chân Bác" tại núi Chung. Một số doanh nghiệp ở Hà Tây, Thái Bình cũng đầu tư hoặc hỗ trợ đào tạo nghề cho các xã trong huyện.

Để đưa du lịch - dịch vụ thành một ngành sản xuất chính, có tỷ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế, tận dụng tối đa lợi thế về tiềm năng du lịch, các công trình kết cấu hạ tầng đã và sẽ có, giữa tháng 8 vừa qua, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nam Đàn bàn bạc, ra Nghị quyết số 19/NQ - HU về phát triển du lịch, dịch vụ từ 2004 đến

2010 có tính đến năm 2020. Huyện cũng đã xây dựng xong và công bố quy hoạch tổng thể huyện Nam Đàn, xã Kim Liên và Thị Trấn từ nay đến năm 2010, 2020. Từ cuối năm 2003 đến nay, lãnh đạo huyện đã cử nhiều đoàn cán bộ - gồm cả cấp huyện và cấp xã, xóm ra phía Bắc, vào phía Nam học các địa phương bạn làm du lịch, phát triển du lịch.

Một chiến dịch tuyên truyền, quảng bá về đất và người Nam Đàn; tiềm năng, thế mạnh của Nam Đàn, nhất là lĩnh vực văn hoá và du lịch được huyện triển khai khá bài bản và "ra tấm ra miếng". Đó là lập Website Nam Đàn với địa chỉ truy cập: http/ www.namdan.gov. Đây là trang thông tin điện tử có dung lượng lớn, động, hấp dẫn, gây thú vị và bất ngờ cho du khách. Đài Truyền hình Nam Đàn và Truyền hình Nghệ An đang khẩn trương cho ra mắt khán, thính giả các phim ca nhạc, phim tài liệu, đĩa VCD về Nam Đàn. Một số cuốn sách, bài báo, tranh ảnh, tờ gấp, pa nô, áp

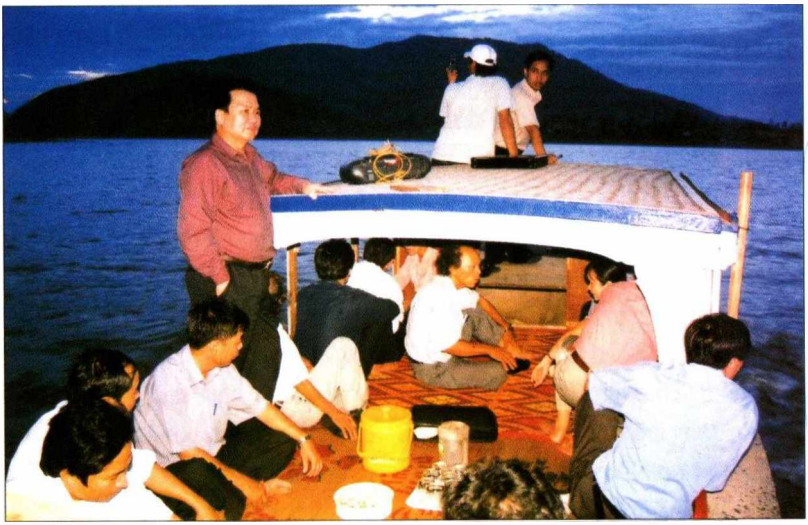

Du thuyền trên sông Lam đêm trăng *Ảnh: Thế Kỷ*

phích có chủ đề về Bác Hồ, Phan Bội Châu, Mai Hắc Đế cũng đang hối hả biên tập, xuất bản, phục vụ lễ kỷ niệm lần thứ 115 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 100 năm phong trào Đông Du, lễ hội Vua Mai rằm tháng giêng Ất Dậu và Năm Du lịch Nghệ An 2005.

2. Những nẻo đường quê Bác

Có một bài hát của nhạc sỹ Tân Huyền viết về vùng đất này mở đầu bằng những câu, từ dịu dàng, tha thiết "trở về Nam Đàn, trở về quê hương, con đường đất mẹ, nghĩa tình yêu thương. Gập ghềnh xe đi, đường dài bụi đỏ...". Bây giờ và mai sau, quê hương Nam Đàn của Bác Hồ vẫn vẹn nguyên tình cảm yêu thương, gắn bó với đồng bào, đồng chí và bạn bè quốc tế. Nhưng những con đường đất đỏ, bụi đỏ đang lùi dần vào quá khứ, nhường chỗ cho những nẻo đường êm thuận, rộng rãi đến với muôn nơi. Du khách có thể về Nam Đàn bằng đường hàng không qua sân bay Vinh; đường tàu hoả qua ga Vinh; đường thuỷ từ Cửa Lò, Cửa Hội theo sông Lam cập bến tại Sa Nam hay sát chân núi Dụn; Quốc lộ 46 nối Cửa Lò, Vinh, Nam Đàn với đường Hồ Chí Minh và cửa khẩu Thanh Thuỷ phía Tây Nam; quốc lộ 15A, phía đông nam nối quê hương Bác Hồ với quê hương Tổng Bí thư Trần Phú, quê hương lãnh tụ phong trào Cần vương Phan Đình Phùng, phía tây bắc nối với Truông Bồn, suối nước khoáng nóng Giang Sơn (Dô Lương) và con đường lên miền Tây xứ Nghệ. Tuyến xe buýt Vinh - Nam Đàn với tần suất 30 phút/chuyến, chạy liên tục từ 6 giờ sáng đến 18 giờ mỗi ngày. Một con đường khác đang chuẩn bị thi công mà chức năng, lợi thế của nó đúng như tên gọi: đường du lịch ven sông Lam, dài 55 km từ Cửa Hội, qua Vinh, lên Hưng Nguyên, đến thị trấn Nam Đàn.

Trong quy hoạch phát triển lâu dài của huyện, phần lớn diện tích đất hai bên quốc lộ 46 sẽ không bố trí các khu dân cư cũng như các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Từ trên xe, du khách tha hồ phóng tầm mắt để được thấy đồng ruộng, núi non, sông ngòi,

làng mạc, nơi Bác Hồ và nhiều danh nhân khác được sinh ra, được lớn lên trong chiếc nôi văn hoá đặc sắc, giàu chất huyền thoại.

Trong cuộc hành hương về quê Bác, quê Cụ Phan, quê Vua Mai, du khách có thể lựa chọn cho mình dăm ba phương án với các tuyến du lịch hấp dẫn.

Từ Thị tứ Nam Giang (cách thành phố Vinh 10 km), du khách rẽ phải, lên dãy Đại Huệ viếng mộ bà Hoàng Thị Loan- thân mẫu Bác Hồ. Một khoảng trời mây, sông núi kỳ vĩ, nên thơ hiện ra như tranh vẽ. Phía trước mộ là con đường lớn dẫn về làng Hoàng Trù quê Ngoại và làng Sen quê Nội của Bác. Du khách cũng không thể không lên núi Chung với rừng thông vi vu, bãi cỏ xanh mát để suy ngẫm về hai câu thơ lạ kỳ của La sơn phu tử Nguyễn Thiếp: "Chung sơn tại đỉnh hình vương tự, kế thế anh hùng vượng tử tôn" (Trên đỉnh núi Chung có hình chữ vương, con cháu nơi này tiếp bước nhau là những anh hùng). Từ Kim Liên quê Bác, theo Quốc lộ 46 đi tiếp 7,8km nữa là đến Thị trấn Sa Nam và xã Vân Diên. Ở đây có 3 di tích quan trọng, đồng thời là 3 điểm du lịch lý thú.

Dưới chân núi Đụn (Hùng Sơn) là ngôi mộ linh thiêng của Anh hùng dân tộc Mai Thúc Loan, còn gọi là Mai Hắc Đế, từ thế kỷ thứ VIII đã lãnh đạo nhân dân ta đứng lên chống quân xâm lược nhà Đường, dựng nên nước Vạn An. Đền thờ Vua Mai cách đó 1 km, nhìn ra bến Sa Nam. Lại nhớ về câu ca thuở trước: "Rú Đụn cây bày như giáo dựng, buồn xuôi Lam phố tựa cờ giăng". Cách đền Vua Mai khoảng 2 km, tại rú Dẻ (xã Nam Thái) có ngôi mộ của bà Mai Phụ - thân mẫu Vua Mai. Thị trấn Nam Đàn còn có 1 di tích quan trọng: nhà lưu niệm và nhà trưng bày về Phan Bội Châu. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng gọi cụ Phan là "đấng thiên sứ", một lãnh tụ cách mạng, một nhà văn hoá lớn của dân tộc. Từ nhà cụ Phan, theo bờ đê tả Lam về phía đông 5 km, du khách đến với Nhạn Tháp (xã Hồng Long) để chiêm ngưỡng dấu tích còn lại của kiến trúc cổ Chăm độc đáo, bất ngờ. Đầu thập niên tám mươi của thế kỷ trước, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy xá lỵ được lưu giữ

dưới lòng đất của toà tháp.

Theo con đường 15A, qua cầu Nam Đàn, quý khách đến với tuyến du lịch hữu ngạn sông Lam. Về Khánh Sơn và Nam Trung để tận mắt chiêm ngưỡng hai ngôi đình lớn với kiến trúc tài hoa, nét chạm trổ tinh xảo, được coi là hai bông hoa nghệ thuật đặc sắc của xứ Nghệ. Đó là đình Hoành Sơn và đình Trung Cần. Trải bao thế kỷ, vùng đất văn vật này đã góp cho đất nước hàng chục bậc đại khoa: Tiến sỹ Tống Tất Thắng, Tiến sỹ Nguyễn Thiện Chương, Hoàng giáp Chu Quang Trứ, bốn cha con, bác cháu đều là tiến sỹ của họ Nguyễn Trọng, Thám hoa Nguyễn Đức Đạt, Thám hoa Nguyễn Văn Giao, Hoàng giáp Nguyễn Hữu Lập, Hoàng giáp Nguyễn Đức Quý, Phó bảng Lê Bá Hoan, Phó bảng Nguyễn Xuân Thưởng, Phó bảng Nguyễn Tư Tài, Phó bảng Nguyễn Đức Vận... Đó là mấy xã hữu Lam, còn nếu tính cả huyện, con số này gấp mấy lần. Dưới chế độ mới, vùng đất phù sa màu mỡ ven sông Lam cũng nổi lên những nhà chính trị, nhà khoa học, văn nghệ sỹ xuất sắc: Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng Tạ Quang Bửu, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc, Bộ trưởng Nguyễn Sinh Hùng, Giáo sư Phạm Như Cương, Giáo sư Nguyễn Văn Trương, Giáo sư Nguyễn Văn Hường, Giáo sư Nguyễn Thúc Hào, Giáo sư Nguyễn Thạc Cát, hoạ sỹ Nguyễn Tư Nghiêm, nhà báo Quang Đạm, nhà văn Ông Văn Tùng, nhà thơ Hồ Khải Đại.

Từ Khánh Sơn hay Nam Trung, du khách tiếp tục cuộc hành trình về Nam Kim, lên núi Thiên Nhẫn thăm

Hoa sen - Ảnh: Thế Kỷ

vết cũ thành Lục Niên, thác Đá Mài, thăm mộ và di tích ngôi nhà xưa của Nguyễn Thiếp. Trước mộ cụ Nguyễn là hồ Nam Kim xanh trong soi bóng núi, rừng cây. Trở lại con đường 15A, về Nam Tân, trong điệp trùng của dãy Thiên Nhẫn, lên đỉnh Cô Sơn, để chiêm ngưỡng ngọn thác Vũ Nguyên nổi tiếng (còn gọi nôm na là khe Bò Dái), để nhớ về câu sấm ký được coi là của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm "Đụn Sơn phân giải, Bò Dái thất thanh, Nam Đàn sinh thánh".

Từ đây, nhìn sang bên kia sông Lam là mộ, miếu, đền Vua Mai, đền Trầm Một (xã Nam Thượng), xa chút nữa là cụm kiến trúc đặc sắc đền, đình, chùa Đức Sơn (xã Vân Diên). Chùa Đức Sơn hiện là ngôi chùa còn lưu giữ được nhiều chuông đồng, hoành phi, câu đối, tượng phật, hàng trăm tấm ván gỗ khắc kinh sách rất có giá trị. Từ đây, đi thêm dăm cây số nữa là đến xã Nam Thanh. Chùa Quan Viên của Nam Thanh có lịch sử hàng trăm năm, cảnh quan yên tĩnh, cây cối xum xuê, tiếng chuông chùa thảng thốt. Theo quốc lộ 15A, ngược lên phía Tây, du khách đến với vùng du lịch sinh thái của huyện với hồ Trang Đen, đập Thủng Pheo, hồ Vệ Nông. Trong khoảng không gian yên ả, trong lành, trải rộng phía trước là mặt nước, rừng cây, tiếng chim, ngọn gió, du khách tha hồ thư giãn, nghỉ ngơi, rũ hết mọi lo toan, phiền muộn. Đâu đó, câu ví phường Vải xứ Nghệ cất lên:

Ra về dặn ngọc thề vàng
Duyên càng thắm mãi, dạ càng nhớ lâu.

3. Những điều thắm mãi, nhớ lâu

Đến Nam Đàn, không nên bỏ lỡ cơ hội về Kim Liên, đến Trung tâm Văn hoá - thông tin của huyện hay lên mấy con thuyền văn hoá rẽ nước dòng Lam để được nghe các nghệ nhân, các ca sỹ thể hiện mấy điệu ví phường vải xưa và những bài hát ngợi ca Nam Đàn hôm nay.

Chuyện ngày trước kể lại: một đêm trăng thanh gió mát, đầu xứ San (tên gọi thân mật của Phan Bội Châu lúc trẻ) cùng mấy người bạn đi ví với mấy o phường vải. Mở đầu, mấy o ra câu hỏi:

Bốn chàng quê quán nơi đâu

Xin tường danh tính để sau khuyên mời

Phan hoặc ai đó trả lời:

Nam Đàn tứ hổ là đây
Song, San, Lương, Quý một bầy bốn anh

(Song, San, Lương, Quý là: Nguyễn Quý Song, người ở làng Xuân Liễu, đỗ tiến sỹ năm Mậu Tuất (1889); Phan Văn San, tức Phan Bội Châu, năm 13 tuổi đỗ đầu kỳ thi ở huyện, năm 1900, đỗ thủ khoa kỳ thi hương ở trường Nghệ; Trần Văn Lương, người xã Vân Diên, đỗ cử nhân năm Giáp Ngọ (1894); Vương Thúc Quý người làng Hoàng Trù, đỗ cử nhân năm Đinh Mão (1891), là thầy giáo khai tâm của Bác Hồ).

Trong cuộc trao đáp đầy trí tuệ nhưng cũng rất dân dã, thân tình đó, mấy o phường vải đẩy cuộc chơi lên đến cao trào:

"Đưa chàng mấy hột (hạt) ngô rang
Chàng đúc nơi mô cho mọc, thiếp theo chàng về luôn"

Thật tài tình, dí dỏm nhưng cũng thật oái ăm. "Tứ hổ Nam Đàn", dĩ nhiên là không làm hổ danh giới tu mi nam tử, đối lại:

Chỗ mô mà nắng không khô
Mà mưa không ướt, đúc vô mọc liền...

Đến nước này, mấy o cũng phải đỏ mặt chịu tài "một bầy bốn anh" quỷ sứ !

Người Nam Đàn hay kể chuyện trạng. Câu chuyện thường diễn ra bên ấm nước chè xanh bốc hơi

Toàn cảnh khu nhà cụ Hoàng Đường *Ảnh: Tư liệu*

thơm lừng, một rổ khoai lang hay ngô non, lạc non mới luộc, một bát cà muối giòn tan. Món quà mộc mạc đó, ăn một lần đủ nhớ cả đời.

Nói đến cái thú ẩm thực, người Nam Đàn thường nhắc lại câu ca xưa:

Sa Nam trên chợ dưới đò
Bánh đúc hai đầy, thịt bò mê thiên

Ngày nay, riêng thịt bò, mỗi năm huyện xuất bán ra bên ngoài từ bốn đến năm ngàn tấn bò hơi. Nhưng thực khách bây giờ mê nhất là khoản thịt me (bê). Thịt me Nam Đàn non, ngon, ngọt, thơm, bổ. Ở Nam Nghĩa, vào quán thịt me, khách thú nhất là uống chén rượu quê sủi tăm với bát xương me, bao gồm: vó me (chân con me), xương sườn me, đuôi me. Lại có thêm bát tiết me ngọt lừ bên cạnh. Rồi lòng me xào dứa hoặc cần tây. Thịt me luộc, nướng, nhúng tái. Mấy quán thịt me ở Thị trấn, Vân Diên, đặc biệt là Nam Nghĩa lúc nào cũng đông đặc thực khách, phần nhiều trong số họ là người từ Vinh và Cửa Lò lên.

Về Nam Đàn, cũng không thể bỏ qua mấy quán thịt dê đã được khách hàng cấp chứng chỉ ISO... suốt đời. Quán dê cầu Đòn là ngon hơn cả. Thịt chó Nam Đàn từ lâu lắm đã trở thành thương hiệu cuốn hút ở thành phố Vinh. Nhưng người Vinh vẫn muốn được thưởng thức món khoái khẩu này ở quán ăn gần Ba ra Nam Đàn, quán ông Bảy ở Xuân Hoà, quán ông Cảnh ở Kim Liên.

Người Nam Đàn xa quê lâu năm, ước ao được một lần trở lại để được ăn hến sông Lam xào hành kèm bánh khô vừng thơm ngậy; được ăn bánh đúc chấm tương hay bát ruốc tép đồng đỏ au, được ăn cá mòi dịp tháng 2, tháng 3; được ăn gỏi ngũ vị, cá rô Bàu Nón, bún Vân Diên, hồng trứng Đại Huệ. Và khi xa quê, không quên mang theo mấy lít tương vàng sánh, một túi chanh to mọng nước, mấy cân bột sắn dây thứ thiệt, mấy phong kẹo cu đơ... Có người mang theo mình cả chiếc quạt mo cau, vuông lụa tơ tằm, cái siêu đất nhỏ...

Nam Đàn - mỗi cuộc hành hương, mỗi lần khám phá là thêm một lần lưu luyến, xúc cảm, suy ngẫm để nhớ, để thấm suốt đời.

Khu di tích Kim Liên

Bông sen vàng giữa vùng quê văn hiến

MAI NGUYỄN

Từ thành phố Vinh đi theo quốc lộ 46, du khách sẽ đến với khu di tích Kim Liên. Khu du tích Kim Liên đã trở thành một trung tâm du lịch lớn của tỉnh Nghệ An, với những cụm di tích, những kỷ vật gắn liền với tuổi thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đến với Kim Liên, du khách sẽ được chiêm ngưỡng cảnh làng quê điển hình của Việt Nam. Sau lũy tre xanh, làng Chùa (Hoàng Trù) và làng Sen (Kim Liên) vẫn còn nguyên nếp nhà tranh giản dị, và những kỷ vật thân thương nhuốm màu thời gian gần một thế kỷ, đã đi vào lịch sử nhân loại, trở thành tài sản vô giá của dân tộc, có ý nghĩa Quốc gia và Quốc tế. Những di sản văn hóa vật chất đó đã góp phần hun đúc nên Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất thế giới, Người con ưu tú bậc nhất của xứ sở Lam Hồng của đất nước Việt Nam.

Nhà thờ chi nhánh họ Hoàng

Dòng họ Hoàng Xuân vốn phát tích từ thôn Hoàng Vân, huyện Kim Động, phủ Khoái Châu, trấn Sơn

Nam (nay là thôn Nội, xã Hồng Tiến, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên). Dây là một cự tộc quyền quý, có truyền thống hiếu học, con cháu có nhiều người có nghĩa khí và có công lao với đất nước. Trải qua các triều đại có rất nhiều người được phong tước Hầu và Quận Công. Từ đất Kim Động, vâng lệnh triều đình, nhiều người con ưu tú của họ Hoàng đã tỏa đi khắp nơi đánh giặc, giữ nước và sinh cơ lập nghiệp.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, dựng lên nhà Mạc. Con cháu dòng họ Hoàng đã phù Lê, diệt Mạc. Thế hệ thứ 6 dòng họ này có người tên là Hoàng Nghĩa Kiều (1540 - 1587) được vua Lê giao chức Tổng binh trong Đô tổng binh sứ tư xứ Nghệ An. Do lập được nhiều chiến công, Hoàng Nghĩa Kiều được phong Thái Bảo Hồng quốc công. Đây là ông Tổ xa xưa nhất của họ Hoàng ở Làng Hoàng Trù.

Cụ Hoàng Dường là hậu duệ thứ 18 của dòng họ đã dựng ngôi nhà thờ chi nhánh họ Hoàng để thờ cố nội là Hoàng Xuân Mượu (còn gọi là Hoàng Trọng Mạo), ông nội là Hoàng Xuân Lý và thân phụ là Hoàng Xuân Cẩn. Cụ Hoàng Dường qua đời năm 1893, hiệu bụt của cụ do ông Nguyễn Sinh Sắc viết cũng được bài trí thờ ở đây. Ngôi nhà được hoàn thành vào năm Tự Đức thứ 34, tức là năm Tân Tỵ (1881). Trên xà nhà vẫn còn ghi rõ năm tháng hoàn thành. Nhà thờ có một gian chính và hai gian phụ. Nhà được làm bằng gỗ lim, có cửa bàn khoa song tiện. Từ khi khởi dựng đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra và sống tuổi ấu thơ ở đây, nhà thờ còn lợp tranh. Đến năm 1930, bà con trong họ góp công, góp của xây tường, lợp ngói.

Thuở ấu thơ sống ở làng Chùa (1890 - 1895) và những năm thiếu niên sống ở làng Sen (1901 - 1906), Nguyễn Sinh Cung thường theo cha đến nhà thờ dâng hương, hoa, tưởng niệm các bậc tiên tổ họ Hoàng với tấm lòng thành kính.

Năm 1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm quê hương, sau khi thăm lại ngôi nhà tranh 3 gian, nơi sinh ra và gắn bó với quãng đời thơ ấu đầu tiên của mình, Người đã về thăm

viếng ngôi nhà thờ này. Thấy lại cảnh cũ, nhớ người xưa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vô cùng bồi hồi và xúc động.

Nhà cụ Hoàng Đường

Đến cụm di tích Hoàng Trù, thấp thoáng sau lũy tre là ngôi nhà tranh 5 gian, trước nhà là hai hàng mạn hảo được xén tỉa cẩn thận. Đó là nhà cụ Hoàng Đường và cụ Nguyễn Thị Kép - ông bà ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cụ Hoàng Đường và cụ Nguyễn Thị Kép chung sống với nhau trong ngôi nhà tranh gỗ 5 gian lợp bằng lá mía và đã sinh được hai người con gái là Hoàng Thị Loan (thân mẫu của Chủ tịch Hồ Chí Minh) và Hoàng Thị An. Gia đình cụ Đường sống bằng nghề làm ruộng là chính. Những lúc rỗi rãi, cụ Nguyễn Thị Kép làm thêm nghề dệt vải, dệt lụa để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Cụ Đường mở lớp dạy học tại nhà. Cụ là một thầy giáo giàu lòng nhân ái, hay giúp đỡ những người nghèo mà hiếu học. Học sinh quanh vùng theo học khá đông.

Tại ba gian nhà ngoài của cụ Hoàng Đường, ông Nguyễn Sinh Sắc - Thân sinh của Bác Hồ đã học tập và trưởng thành nhờ sự dạy bảo tận tình của cụ Hoàng Đường.

Cuối năm 1881, lễ hứa hôn giữa Nguyễn Sinh Sắc và Hoàng Thị Loan được tổ chức trong ngôi nhà gỗ 5 gian này. Hai năm sau (1883), mới làm lễ thành hôn. Ông bà Hoàng Đường đã xây dựng ngôi nhà tranh 3 gian đầu góc vườn phía Tây nhà mình để cho đôi vợ chồng có chỗ ở riêng. Và chính tại ngôi nhà này, ông bà đã lần lượt đặt tên cho các cháu ngoại của mình là Nguyễn

Nhà thờ chi họ Hoàng Xuân *Ảnh: Sỹ Minh*

Thị Thanh - tự là Bạch Liên sinh năm 1884, Nguyễn Sinh Khiêm - tự Tất Đạt sinh năm 1888 và Nguyễn Sinh Cung - tự Tất Thành sinh ngày 19/5/1890.

Cũng chính nơi đây, tuổi ấu thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được ông bà ngoại bồng bế, nâng niu, ru cho Người nghe những làn điệu dân ca quê nhà, điệu ví đò đưa, điệu ví phường vải... chứa đựng bao thi tứ trữ tình. Nơi đây, tuổi thơ của Người đã chứng kiến sự dạy dỗ tận tình của ông ngoại đối với học trò, sự tiếp thu những điều lành ý đẹp của cha mẹ qua những buổi đàm đạo, trao đổi với ông bà ngoại và chính Người đã cảm nhận sự dạy bảo ân cần, chứa đựng những hoài bão lớn lao, đẹp đẽ của ông bà ngoại. Ngôi nhà gỗ 5 gian tổ ấm của ông bà cụ Hoàng Đường, là nơi bà Hoàng Thị Loan sinh ra và lớn lên, là lớp học đầu tiên ươm trồng tài năng của ông Nguyễn Sinh Sắc, là nơi ông bà cụ Hoàng Đường xây dựng hạnh phúc lứa đôi cho bố mẹ Bác và cũng là nơi ghi dấu những kỷ niệm êm đẹp trong tuổi thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngôi nhà Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời

Năm 1883, để chuẩn bị cho lễ thành hôn của hai con là Nguyễn Sinh Sắc và Hoàng Thị Loan, cụ Hoàng Đường đã dựng cho họ một ngôi nhà tranh 3 gian làm chỗ ở riêng sau ngày cưới. Mái nhà tranh đơn sơ giản dị này là tổ ấm uyên ương, ghi nhận những năm tháng hạnh phúc của gia đình Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Gia đình đã để dành gian nhà ngoài làm nơi học tập và nơi nghỉ cho ông Nguyễn Sinh Sắc. Ở đó có một bộ phản, nơi ông nằm nghỉ, một chiếc án thư, 2 cái ghế kê sát cửa sổ, 2 cái giá sách, là nơi cụ Đường dạy cho ông Sắc học tập. Năm 1891, ông Nguyễn Sinh Sắc dự thi Hương lần đầu tiên, nhưng chỉ vào đến nhị trường. Sau ngày cụ Hoàng Đường qua đời (7/4/1893), ông đã quyết tâm khổ học và kết quả là kỳ thi Hương năm Giáp Ngọ (1894) ông đã đậu cử nhân ở trường Nghệ. Tất cả những kỷ vật ở gian thứ nhất trong ngôi nhà này ghi nhớ sự trưởng thành

của ông Nguyễn Sinh Sắc trên con đường học tập. Gian thứ hai là nơi nghỉ ngơi của bà Hoàng Thị Loan. Sau tấm vải nhuộm màu nâu có chiếc giường tre nhỏ đơn sơ, nơi bà đã sinh ra 3 người con ưu tú cho đất nước. Gian thứ ba để bộ khung cửi dệt vải. Nơi bà Hoàng Thị Loan, ngoài công việc đồng áng, thường thức khuya dậy sớm dệt vải, dệt lụa, giúp cho bà gia đình trang trải những khó khăn thiếu thốn. Năm 1895, bà Hoàng Thị Loan cùng chồng con vào Huế. Ngôi nhà tranh ba gian này để lại cho bà ngoại và đi An trông nom. Năm 1901, bà Hoàng Thị Loan đột ngột qua đời lúc vừa bước sang tuổi 33, để lại cho người chồng 4 người con còn thơ dại. Ông Nguyễn Sinh Sắc lúc này đang coi thi ở Thanh Hóa đã gấp rút về Huế, đưa các con trở về quê hương Hoàng Trù sống trong ngôi nhà 3 gian.

Nguyễn Sinh Sắc đậu phó Bảng, vua Thành Thái tặng ông biển "Ân tứ ninh gia" (ơn ban cho gia đình tốt) và cờ "Phó Bảng Phát Khoa". Ông cùng các con tạm biệt làng Hoàng Trù về quê nội - làng Kim Liên để "Vinh Quy Bái Tổ". Những ngày tháng ở Hoàng Trù là những ngày tháng không bao giờ phai mờ trong ký ức của cậu bé Nguyễn Sinh Cung. Từ đó, ngôi nhà này được giao cho người bà con trong họ sử dụng. Năm 1959, Ban quản lý di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Nghệ An đã đưa về dựng trên nền đất cũ làm lưu niệm.

Ngôi nhà tranh 3 gian không những đã chứng kiến giờ phút Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời, ghi lại những kỷ niệm êm đẹp, thân thương trong những năm đầu của tuổi ấu thơ, mà còn chứng kiến sự kiện Người về thăm quê năm 1961, sau bao nhiêu năm xa cách quê hương, bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước.

Nhà ông Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc

Rời Hoàng Trù, theo con đường liên hương, đi tiếp 2 km, chúng ta tới một làng quê ngát hương sen. Đó là làng Sen, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống trong thời niên thiếu (1901 - 1906).

Khoa thi Hội năm Tân Sửu (1901), ông Nguyễn Sinh Sắc đậu Phó Bảng, ông cùng các con về

sống tại làng Sen (Kim Liên) quê nội. Trước vinh dự lớn lao, lần đầu tiên làng có người đậu đại khoa, làng Sen đã góp công, góp của sang tận xã Xuân La (Xuân Lâm) mua một ngôi nhà gỗ 5 gian dựng trên mảnh đất công của làng để mừng ông Phó Bảng. Khi về ở đây, ông Nguyễn Sinh Sắc đã dùng hai gian nhà ngoài để làm nơi thờ tự và tiếp khách. Với lối sống giản dị và thanh bạch, ông làm một bàn thờ đơn giản để cúng người vợ đã sớm qua đời. Đồ thờ làm bằng gỗ mộc, không sơn son thiếp vàng. Ở gian thứ nhất, đặt một bộ phản lớn làm nơi tiếp khách. Gian thứ ba là căn buồng nơi nghỉ của cô Nguyễn Thị Thanh. Hai gian còn lại là nơi nghỉ, nơi sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Ở đó đặt hai bộ phản gỗ, là nơi ông Nguyễn Sinh Sắc nằm nghỉ. Những lúc đọc sách, ông thường ghé đầu lên bậc cửa sổ để lấy ánh sáng phía ngoài sân vào. Còn bộ phản ở gian thứ năm là nơi nghỉ của cậu Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung. Ngoài ra, còn một số đồ dùng khác như: võng bện bằng sợi đay, án thư để đọc sách và uống trà, rương gỗ đựng lương thực, tủ hai ngăn để đựng bát chén. Trên tủ có chiếc mâm gỗ sơn, gia đình dùng khi có khách quý. Trên vách, treo chiếc đèn thắp bằng dầu thực vật. Ngôi nhà ngang ba gian là nơi nấu ăn hàng ngày của gia đình.

Du khách tham quan và chụp ảnh lưu niệm tại khu Di tích Kim Liên. Ảnh: Hải Tùng

Trở về Kim Liên, ông Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc lúc này có thêm điều kiện để suy nghĩ về vận mệnh, mà bấy lâu nay ông hằng ấp ủ. Tư tưởng yêu nước của ông có bước phát triển mạnh. Ông còn chăm lo giáo dục con cái trưởng thành, nối chí của mình. Trong các buổi bàn việc nước, các sĩ phu thường phê phán lối

học chữ Hán đương thời là "Chỉ điệp, chỉ văn" (lối văn trên cành trên lá) và trao đổi ý kiến, rút ra bài học trong phong trào chống Pháp của cụ Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn..., cậu Nguyễn Sinh Cung lúc ấy đã từng nghe được và chính những điều đó đã góp phần làm cho cậu suy nghĩ nhiều về con đường cứu nước mà mình sẽ lựa chọn sau này.

Tháng 5/1906, triều đình Huế lần thứ 2 mời ông Sắc ra làm quan. Lần này không từ chối được, ông đành phải rời quê hương Kim Liên vào Kinh đô Huế nhận chức Thừa Biện Bộ Lễ. Hai anh em Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung lại theo cha vào Huế lần thứ hai. Ngôi nhà này giao cho cô Nguyễn Thị Thanh quản lý.

Ngày 16/6/1957, cả quê hương Kim Liên rạo rực, hân hoan đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm quê lần đầu tiên sau 50 năm xa cách. Sau khi thăm lại "Ngôi nhà ông Phó Bảng", thăm lại những kỷ vật gắn bó thân thiết thuở còn niên thiếu, Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi thăm giếng Cốc, lò rèn Cố Điền là những nơi Người thường ra gánh nước, thổi bễ, rèn đồ chơi thuở nhỏ. Người hỏi thăm các gia đình nghèo thuở trước trong làng. Ngày 9/12/1961, Kim Liên lại vinh dự đón Bác về thăm quê lần thứ hai. "Nhà ông Phó Bảng" từ đó cũng là nơi chứng kiến 2 lần Bác về thăm quê.

Khu mộ bà Hoàng Thị Loan

Bà Hoàng Thị Loan, thân mẫu của Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh năm 1868 tại làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, mất năm 1901 tại kinh đô Huế. Lúc đầu thi hài táng tại núi Tam Tầng, thuộc dãy núi Ngự Bình bên dòng sông Hương. Năm 1922, cô Nguyễn Thị Thanh con gái đầu lòng của bà đang bị quản thúc ở Huế đã tìm cách đưa hài cốt bà về quê hương, để trong khu vườn nhà tại làng Sen. Năm 1942, sau khi thoát khỏi nhà tù thực dân Pháp, cậu Nguyễn Sinh Khiêm trở về quê và đi khắp vùng Nam Đàn, Hưng Nguyên tìm nơi cất táng mẹ. Vị trí được chọn là núi Động Tranh trong dãy Đại Huệ thuộc địa phận xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An có độ cao gần 100 mét so với mặt biển. Năm đó, ông Nguyễn Sinh Khiêm cùng với hai người thân trong

họ đưa hài cốt bà Hoàng Thị Loan đặt tại ngọn núi có cảnh trí đẹp đẽ, hùng vĩ này. Đứng ở trên ngọn núi, ta có thể nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn gồm các huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, Thanh Chương, Vinh, Nghi Xuân, Đức thọ, Hương Sơn là những nơi có nhiều di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng.

Ngày 19/5/1984, với tình cảm thành kính và lòng biết ơn sâu sắc Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và quân dân tỉnh Nghệ Tĩnh, Bộ tư lệnh quân khu IV đã làm lễ khởi công xây dựng lại ngôi mộ. Hài cốt bà Hoàng Thị Loan được giữ nguyên tại chỗ, nơi mà cậu Nguyễn Sinh Khiêm đã chọn. Quanh mộ được ốp bằng những phiến đá hoa cương Liên Xô do Bộ tư lệnh bảo vệ lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi tặng và những phiến đá hoa cương cẩm thạch của mỏ đá Quỳ Hợp do tỉnh Nghệ Tĩnh sản xuất. Nóc mộ được phủ lên bằng những hòn đá tự nhiên tại chỗ của núi Đại Huệ. Phía trước ngôi mộ có dàn hoa che mát đồng dạng với dàn hoa tại khu vực nhà sàn của Chủ Tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội. Đặc biệt, dàn hoa được cách điệu, tượng trưng cho chiếc khung cửi dệt vải, một công cụ lao động đã gắn bó với cả cuộc đời của bà Hoàng Thị Loan. Dàn hoa che mát là 4 cụm hoa giấy do tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Bình Trị Thiên trồng trong dịp lễ khánh thành ngôi mộ. Trên nền sân thượng hình bán nguyệt trước mộ, có dựng tấm bia lớn tạc tiểu sử và công lao của bà Hoàng Thị Loan bằng đá đen núi Nhồi, Thanh Hóa. Đường đi lên xuống để khách tới viếng thăm mộ được xây dựng men theo sườn núi hai bên mộ, đứng xa trông như hai dải lụa, mỗi bên dài 500m. Thung lũng trước mộ là vườn cây, hoa và gỗ quý rộng hơn 10ha, hơn 1.000 cây đặc sản khắp các huyện, thành thị trong tỉnh được đem về đây trồng. Trải dài hai bên khu mộ là vườn thông rộng 90ha nẩy lộc, đâm chồi xanh biếc mỗi độ xuân về.

Từ ngày khánh thành (16/5/1985) đến nay, có hàng triệu lượt người đã về đây thành kính thắp nén hương tỏ lòng chân thành ngưỡng mộ và biết ơn bà Hoàng Thị Loan - người mẹ của một Vĩ nhân, một danh nhân văn hóa kiệt xuất của thế giới - Chủ tịch Hồ Chí Minh.

DỰ ÁN KIM LIÊN

TẤM LÒNG CỦA NHÂN DÂN CẢ NƯỚC, ĐỐI VỚI QUÊ HƯƠNG BÁC HỒ

THẾ NGUYỄN

Đến Kim Liên, Nam Đàn, trong cảnh sắc một vùng đất tươi đẹp, mang nhiều nét đặc trưng của một làng quê xứ Nghệ, du khách được mắt thấy, tai nghe bao điều kỳ thú, xúc động về một vùng nhân kiệt, địa linh. Còn nghe văng vẳng đâu đây câu ca thuở trước: "Nhất vui là cảnh quê mình, Kim Liên sen tốt, Ngọc Đình chuông kêu" . Tháng 5/2004, dự án Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử - văn hoá Kim Liên gắn với phát triển du lịch được khởi công xây dựng. Mục đích, nội dung, ý nghĩa của dự án là để ghi ơn sâu sắc Chủ tịch Hồ Chí Minh, gia đình và quê hương Người, là để hai câu ca trên đẹp mãi, đi mãi cùng năm tháng.

1. Hoàng trù - quê ngoại yêu thương

Giai đoạn một của dự án tổng thể Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử - văn hoá Kim Liên (sau đây gọi tắt là dự án Kim Liên)

được triển khai thực hiện từ tháng 5/2004 đến tháng 5/2005, kịp hoàn thành một số công trình quan trọng phục vụ lễ kỷ niệm ngày sinh lần thứ 115 của Bác Hồ kính yêu và năm du lịch Nghệ An 2005. Từ dự án tổng thể, chủ dự án và các đơn vị thực thi chia ra 3 dự án thành phần: Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử - văn hoá Làng Sen; Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử - văn hoá Hoàng Trù; Bảo tồn, tôn tạo khu mộ bà Hoàng Thị Loan - thân mẫu của Bác (sau đây gọi tắt là dự án Làng Sen, dự án làng Hoàng Trù và dự án khu mộ bà Hoàng Thị Loan).

Làng Hoàng Trù xưa gọi theo lối dân dã là Làng Chùa (Hoàng Trù nghĩa là chùa vàng), còn ngày nay người dân địa phương cũng như du khách gần xa quen gọi là quê Ngoại - quê Ngoại của Bác Hồ và cũng là quê ngoại của triệu triệu con cháu Việt Nam suốt từ Nam chí Bắc; từ miền xuôi lên miền ngược, của đồng bào lương, giáo; của người trong nước và kiều bào ở nước ngoài. Dân ta cũng có câu thành ngữ "cháu bà nội, tội bà ngoại". Điều này thật là đúng, thật sâu sắc khi chúng ta hiểu rõ, hiểu sâu về gia đình Bác, về những người thân yêu bên ngoại. Cụm di tích Hoàng Trù bao gồm: nhà cụ Hoàng Xuân Đường - ông ngoại của Bác; nhà thờ chi họ Hoàng Xuân; nếp nhà tranh nhỏ 3 gian của thân phụ, thân mẫu Bác, nơi 3 anh em Bác chào đời và sống những năm ấu thơ.

Việc bảo tồn, tôn tạo di tích đặc biệt quan trọng này phải giữ gìn nâng niu đến mức cao nhất các yếu tố gốc, tính khách quan, tính lịch sử của di tích, kể cả các chi tiết tưởng chừng nhỏ bé. Phải kiên quyết loại bỏ ngay từ đầu những ý tưởng, những việc làm thiếu thận trọng, làm cho di tích biến dạng, gây cảm giác mới lạ, khiên cưỡng. Nội dung chính của dự án Hoàng Trù là bảo dưỡng, tu bổ các di tích gốc trong khuôn viên khu nhà cụ Hoàng Xuân

Đường; điều chỉnh tuyến đi vào khu di tích tích bằng cách giải toả khu nhà điều hành và các quầy dịch vụ, bãi đậu xe sát phía trước ra phía ngoài làng; tái tạo một phần không gian văn hoá - lịch sử gần cạnh di tích để làm sống lại các giá trị văn hoá phi vật thể. Cụ thể là tu bổ, xử lý chống mối mọt cho hai ngôi nhà tranh và một nhà thờ (đã nói ở trên). Bổ sung các hiện vật: sách chữ Hán, nghiên bút, ấm chén trà, các đồ dùng sinh hoạt gia đình để tạo nên cảm giác gần gũi, ấm cúng. Tu bổ nền nhà, sân đường, trồng cau và các loại cây vốn có trong vườn quê Ngoại. Bố trí ánh sáng, âm thanh làm rõ hiện vật trưng bày và mô phỏng cuộc sống của một gia đình nhà nho thanh cao, giàu văn hoá, chan chứa nghĩa tình. Dựa vào sổ địa bạ của xã Kim Liên cuối thế kỷ XIX, dự án cũng tiến hành phục dựng một số ngôi nhà hàng xóm cạnh di tích quê Ngoại, tạo cho di tích và các ngôi nhà này mối quan hệ gắn bó, thân thiết "tối lửa tắt đèn" có nhau. Đó là các ngôi nhà của các ông Hoàng Trọn, Hoàng Nhiêm, Hoàng Việt.

2. Làng Sen, nhà quê Nội và khu tưởng niệm, ghi ơn Bác Hồ

Khu nhà quê Nội cách quê Ngoại chừng một cây số, bao gồm ngôi nhà chính 5 gian, do nhân dân làng Sen xuất quỹ công ích xây dựng vào năm 1901 để tặng người con của làng là Nguyễn Sinh Sắc dỗ Phó Bảng. Liền kề đó là nếp nhà bếp 3 gian do ông Nguyễn Sinh Trợ - người anh cùng cha khác mẹ với ông Sắc làm để mừng tặng em. Bác Hồ thuở thiếu thời đã sống cùng người cha, chị và anh trong ngôi nhà này từ năm 1901 đến năm 1906. Sau 56 năm xa nhà, xa quê, xa nước, bôn ba góc bể chân trời tìm đường đi cho dân tộc, Bác chỉ có 2 lần về thăm lại ngôi nhà xưa - lần thứ nhất vào ngày 16/6/1957 và lần thứ hai cũng là lần cuối cùng vào ngày 9/12/1961.

Trong ngôi nhà quê Nội, nơi đơn sơ, mộc mạc nhất lại là nơi thiêng liêng, xúc động nhất - đó là bàn thờ của gia đình Bác. Cả gia đình: cha, mẹ Bác, người chị, người anh, người em và chính Bác nữa - vị lãnh tụ tối cao, yêu kính nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân được thờ ở nơi này. Phía trước, bên phải bàn thờ là bộ phản gỗ, nơi cụ Nguyễn Sinh Sắc cùng các bậc túc nho như Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân, Vương Thúc Quý và nhiều người khác thường luận bàn về văn chương, thế sự; và trong các cuộc đàm đạo như vậy, cậu bé Nguyễn Sinh Cung lần đầu được nghe, được nhen lên trong tâm khảm những từ mới lạ mà có sức cuốn hút lạ kỳ "tự do", "bình đẳng", "bác ái".

Nội dung bảo tồn, tôn tạo khu di tích ngôi nhà quê Nội cũng giống như cách làm đối với khu di tích quê Ngoại. Tuy nhiên, ở quê Nội còn có thêm các di tích liên quan khác như lò rèn cố Điền, giếng Cốc, nhà cụ Vương Thúc Quý - thầy học khai tâm của Bác, nhà cụ Nguyễn Sinh Nhậm - ông nội Bác, nhà thờ họ Nguyễn Sinh, đình Làng Sen và cây đa của làng, sân vận động hai lần đón Bác về thăm quê. Dự án cũng nghiên cứu, phục dựng một số ngôi nhà hàng xóm cạnh nhà Bác. Đó là nhà của ông Vương Thúc Sâm, Nguyễn Danh Ước, Hoàng Xuân Liễn, Hoàng Xuân ý. Khu nhà tưởng niệm Bác, nhà trưng bày các hiện vật, tài liệu, di tích gắn liền với thân thế, gia đình, quê hương và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Bác cũng được tôn tạo, xây dựng theo hướng dân tộc, hiện đại, phục vụ tốt nhất việc hành lễ, thắp hương tưởng niệm Bác, nghiên cứu, học tập, ghi tạc công ơn trời biển của Bác với đất nước, quê hương, với mỗi con người. Cùng với quá trình cải tạo, xây dựng các ngôi nhà cho mục đích tưởng niệm, trưng bày thì nội dung và cách thức trưng bày cũng có sự thay đổi cơ bản theo

hướng bổ sung hiện vật, tài liệu; đầu tư thiết bị ánh sáng, âm thanh, điện, bảo vệ, cây xanh, cải tạo các ao, hồ, quảng trường, nhà quản lý, các quầy ốt bán hàng lưu niệm, phòng chiếu phim, quầy giải khát, bãi đỗ xe, đường giao thông...

Hơn một trăm năm sau ngày đoá sen đẹp nhất của làng Sen, làng Chùa ra đời, vùng quê này đã có rất nhiều thay đổi. Tuy nhiên, xã Kim Liên nói riêng, huyện Nam Đàn nói chung phải cố gắng bảo lưu, giữ gìn các di sản văn hoá của người xưa. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở đây là bước đi tất yếu nhưng giữ cho được những làng quê thanh bình, yên ả, ít bị bê tông hoá, có thêm nhiều cây xanh, nhiều khu vườn rộng, nhiều bờ rào bằng tre, bờ cây mạn hảo, râm bụt là điều rất cần thiết và đã trở nên cấp thiết. Rất cần bảo lưu các ngôi nhà truyền thống làm cách đây trên dưới 100 năm kiểu "tứ trụ, hạ chạn" hay "tiền trụ, hậu chạn" như nhà ông Trình, nhà bà Thuần và một ít ngôi nhà cổ khác còn sót lại.

3. Ngôi mộ hình khung cửi và núi Đại huệ kỳ vĩ, linh thiêng

Cùng với làng Chùa, làng Sen, khu mộ bà Hoàng Thị Loan thân mẫu của Bác đặt ở Động Tranh thuộc núi Đại Huệ là điểm hành hương quan trọng, nhiều bổ ích, lý thú khi về thăm nhà Bác, quê Bác. Bà Loan một đời tảo tần, lúc canh cửi, lúc cấy hái, lặn lội vào chốn kinh thành cũng vì sự nghiệp sôi kinh nấu sử của chồng. Bà mất năm 33 tuổi, được mai táng tại đồi Tam Tầng bên núi Ngự sông Hương. Năm 1922, cô Nguyễn Thị Thanh đang bị quản thúc ở Huế vì hoạt động yêu nước đã đưa hài cốt mẹ về an táng trong vườn nhà. Năm 1942 ông Cả Khiêm đưa đi hài mẹ lên yên nghỉ vĩnh hằng ở nơi đây. Việc tôn tạo lại khu mộ bà Loan được đề xuất với 3 phương án: giữ lại cơ bản hình khung cửi đã có (từ đợt tôn tạo năm 1983); thay bằng một

bông sen; thay phần mái che bằng một vầng trăng, một cánh diều. Phương án chọn cuối cùng là giữ nguyên phần mộ; có thể mở thêm chiều rộng, chiều dài, ốp thêm đá Granit tự nhiên nguyên khối của Bình Định ở bên ngoài; giữ ý tưởng khung cửi cách điệu che trùm khu mộ nhưng phải làm đẹp hơn, bề thế, vững chãi hơn. Mở rộng sân hành lễ và sân tập kết phía bên dưới. Tuyến đường lên với ngôi mộ có sự điều chỉnh khác với trước: lên phía trái, xuống phía phải (theo chiều kim đồng hồ). Ngoài lối đi bộ rộng cho người bình thường, cả tuyến lên và xuống đều có lối đi riêng cho người già cả, tàn tật (bằng xe lăn). Dọc con đường lên ngôi mộ Bà có 33 đoá sen đời được làm bằng đá trắng nguyên khối. Đi hết đoạn đường này, du khách đến sân tập kết. Đi tiếp 9 bậc đá nữa lên sân hành lễ. Từ đây, trong tầm mắt của du khách, gần là thác nguồn 9 ngọn, cầu Tứ Tượng, tháp du lịch, Uyển hồ, công viên Đại Huệ, quảng trường di tích; xa hơn chút nữa là những đồi thông, hồ Ba Chàng, các di tích Nền Vua, bãi Nhà Trò, bãi đá Lè Lại. Lên đến mộ Bà, sau khi thắp hương, dâng hoa, du khách phóng rộng tầm mắt để thấy hết sự hùng vĩ, nên thơ của non nước Hồng Lam. Phía Nam là dãy Thiên Nhẫn với dấu tích thành Lục Niên của Lê Lợi, Nguyễn Trãi, mộ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, quê của Thám hoa Nguyễn Đức Đạt, làng Tùng Ảnh quê hương Tổng Bí thư Trần Phú, làng Đông Thái quê hương Phan Đình Phùng; chếch hướng Đông Nam là làng Thông Lạng quê

Khu di tích Kim Liên Ảnh: Sỹ Minh

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cùng lãnh đạo tỉnh Nghệ An dâng hoa, dâng hương viếng Bác Hồ tại Khu di tích Kim Liên

hương Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, làng Xuân Nha quê hương Phạm Hồng Thái, làng Hưng Yên quê hương Nguyễn Trường Tộ, làng Tiên Điền quê hương đại thi hào Nguyễn Du, làng Uy Viễn quê hương Nguyễn Công Trứ; thành phố Vinh quê hương Nguyễn Thị Minh Khai; phía Tây là làng Dan Nhiệm quê hương Phan Bội Châu. Lê Hồng Sơn, xa chút nữa là núi Hùng, còn gọi là Dụn Sơn, nơi có ngôi mộ và ngôi đền linh thiêng thờ Mai Hắc Đế, vết cũ thành Vạn An, nơi ông vua Đen và nhân dân lao khổ vào thế kỷ thứ 8 đứng lên đánh đuổi quân xâm lược nhà Đường. Tầm mắt của du khách ngắm nhìn núi Hồng, sông Lam và tìm về một ngọn núi không cao nhưng đã trở thành huyền thoại ở xã Kim Liên "Chung sơn tam đỉnh hình vương tự" (ba đỉnh núi của núi Chung tạo nên chữ Vương). Câu thơ đầy chất tiên tri đến lạ lùng này là của danh sỹ Nguyễn Thiếp từ cuối thế kỷ 18.

Ba dự án làng Hoàng Trù, Làng Sen, tôn tạo khu mộ bà Hoàng Thị Loan đang cố gắng giúp du khách và các nhà nghiên cứu văn hoá, lịch sử tìm hiểu, lý giải những yếu tố nào đã góp phần làm nên Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá kiệt xuất Hồ Chí Minh và hiểu thêm về câu sấm ký của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm hay câu thơ lạ lùng kia của La Sơn Phu Tử.

NAM ĐÀN - MỘT MIỀN QUÊ DU LỊCH

Nam Đàn "trùng lai danh thắng địa, cổ lai đa hào kiệt", tất cả khí thiêng sông núi và truyền thống hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của người dân nơi đây đã tô thắm lịch sử rạng rỡ của một vùng đất.

LÊ TRỌNG HUỆ
Phó Chủ tịch
UB huyện Nam Đàn

Cách thành phố Vinh 20km về phía Tây là trung tâm huyện lỵ Nam Đàn nằm bên tả ngạn sông Lam trong xanh, giữa hai dãy núi Đại Huệ và Thiên Nhẫn. Núi sông hùng vỹ, đất trời bao la đã tạo nên vùng quê Nam Đàn thành bức tranh sơn thủy hữu tình, nguồn cảm hứng vô tận của thi ca. Cách đây 300 năm Hoàng Giáp Bùi Huy Bích (1744 - 1818) khi lên thăm chùa Đại Tuệ trên núi Đại Huệ đã tức cảnh làm thơ:

Tiểu thạch tằng loan tối thượng đầu
Càn khôn diểu diểu ý du du
Thiên tranh liệt chướng hồn phi dực
Địa chiết trường giang lược tự câu
Khứ lộ xuyên điều tằng

hiệp hồ
Qui tiên
khiêu thái mục
tuần ngưu

Dịch là:

Đá nhô xếp vòng tới đỉnh cao
Đất trời vời vợi dạ nao nao
Trời giăng rặng núi như xoè cánh
Đất nắn dòng sông giống uốn câu
Đường đi xuyên núi, sư khinh hồ
Roi tre gánh cỏ, trẻ lùa trâu

La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp khi lên núi Thiên Nhẫn đã ghi lại rằng:

Liên lạc quần phong tụ
Cao đê vạn mã hồi
Sơn đáo nam minh tận
Giang tòng bắc cách lai
Tả dương Thiên Nhẫn tự
Phi bộc lục Niên dài.
Tùng cúc kim đo tại
Phong trần thượng vị hồi

Dịch là:

Chi chít liền những núi
Trông như ngựa chạy vòng
Miền nam mở ngọn núi
Cõi bắc uốn khúc sông
Bóng chùa Thiên Nhẫn ánh

Suối vọt Lục Niên kề
Tùng cúc nay còn đó
Phong trần vẫn chưa về

Và ngày nay, sau nhiều năm đầu tư trí tuệ, sức lực kinh phí của Nhà nước và nhân dân, hai dãy Đại Huệ và Thiên Nhẫn đã được phủ kín bằng những rừng thông bạt ngàn với diện tích trên 6.000 ha. Những công trình thủy lợi đã được xây dựng với hàng loạt hồ đập nước mênh mông cạnh những rừng thông, tạo nên những khu du lịch sinh thái tuyệt vời trong những ngày nghỉ cuối tuần. Có thể kể đến hàng loạt hồ đập nước trên dãy Đại Huệ như đập Trang Đen, Thủng Pheo ở Nam Hưng, đập Cửa Ông ở Nam Nghĩa, đập Rào Băng, Đá Hàn, Hưng Cốc ở Nam Thanh, đập Vệ Nông ở Vân Diên... và các hồ đập trên dãy Thiên Nhẫn như Ba Khe ở Nam Lộc, đập Hao Hao, đập Vực Mấu ở Khánh Sơn, đập

Hồ Thành ở Nam Kim, khe Bò đái ở Nam Tân... là những vùng có phong cảnh thiên nhiên rất đẹp. Ngoài ra, phong cảnh sông nước với sông Lam trong xanh trước lúc hòa mình vào đại dương mênh mông đã gửi lại trên đất Nam Đàn 30 km ngày đêm thuyền bè xuôi ngược tấp nập, đôi bờ là những bãi phù sa quanh năm xanh mướt bãi lạc, nương ngô.

Điều đáng tự hào với mảnh đất này là khi thiêng sông núi Nam Đàn đã sinh ra và nuôi dưỡng những nhân vật kiệt xuất làm rạng rỡ truyền thống của quê hương đất nước như Mai Hắc Đế, Phan Bội Châu và biết bao bậc anh hùng hào kiệt khác. Đặc biệt, mảnh đất thiêng thiêng này đã sinh ra người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới Hồ Chí Minh. Người đã làm rạng danh non sông ta, đất nước ta. Gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của những bậc hào kiệt là những di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng. Tọa lạc dưới chân núi Dụn bên bờ dòng sông Lam trong xanh là khu lăng mộ Vua Mai. Từ thế kỷ thứ VIII Mai Thúc Loan đã dấy nghĩa, lãnh đạo nhân dân ta đứng lên đánh đuổi quân xâm lược nhà Đường. Sau khi ông mất, nhân dân lập đền thờ ông ngay tại thị trấn Sa Nam, cách mộ Ông chừng 2km. Ngược lên phía Bắc khoảng 4km là lăng mộ Thân Mẫu Vua Mai trên đỉnh núi Dẻ cây cối xanh tốt, phong cảnh rất đẹp thuộc xã Nam Thái.

Ở thị trấn Nam Đàn có di tích và nhà lưu niệm cụ Phan Bội Châu - "Bậc anh hùng - vị Thiên sứ - Dấng xả thân vì độc lập được 20 triệu con người trong vùng nô lệ tôn sùng"như lời ca ngợi của Bác Hồ năm 1925.

Đến với Nam Đàn, chắc hẳn mọi người đều nghĩ tới làng Sen quê cha và Làng Hoàng Trù quê Mẹ của Bác Hồ muôn vàn kính yêu. Về với quê Nội và quê Ngoại của Bác, chúng ta được tận mắt trông thấy những kỷ vật đơn sơ, mộc mạc nhưng vĩ đại vô cùng của gia đình Bác ngày xưa và được nghe những chuyện kể về gia đình Bác thật cảm động.

Sang Nam Giang khoảng 5km là khu mộ Thân Mẫu của Bác được xây dựng tại Động Tranh, trên

dãy Đại Huệ, chúng ta sẽ được đi trong rừng thông bạt ngàn để đến nơi an nghỉ cuối cùng của Người Mẹ Làng Sen Hoàng Thị Loan và mộ bà nội của Bác - bà Hà Thị Hy.

Theo đường Quốc lộ 15 từ Thị Trấn qua cầu Nam Đàn khoảng 25km, quý khách sẽ đến với khu mộ La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp và thành Lục Niên tọa lạc trên dãy Thiên Nhẫn, bên Hồ Thành biếc xanh thuộc xã Nam Kinh với phong cảnh sơn thủy hữu tình còn ghi lại dấu ấn của một thời đấu tranh giữ nước của dân tộc ta.

Đi về Khánh Sơn, một xã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang đầu tiên của cả huyện, chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng một ngôi đình cổ kính từ đầu thế kỷ XVIII với kiến trúc nghệ thuật đặc sắc. Đi tiếp về phía đông chừng 2-3 km nữa là đình Trung Cần thuộc xã Nam Trung, một ngôi đình có kiến trúc nghệ thuật khá độc đáo

Cánh đồng Én - núi Chung (thuở thiếu thời Bác Hồ thả diều, đánh trận giả) - Ảnh: Hồ Xuân Thanh

và là 2 trong 4 ngôi đình nổi tiếng thuộc quần thể đình Nam Hoa của vùng 5 Nam phía hữu ngạn sông Lam.

Và biết bao di tích lịch sử văn hóa khác như: Đình Đức Nậm, chùa Đức Sơn thuộc xã Vân Diên, Đền Nhạn Tháp từ đầu thế kỷ thứ VIII làm bằng đất nung hết sức độc đáo ở xã Hồng Long, miếu Thống Chinh ở xã Nam Lộc, đền Mỹ Thiện ở xã Nam Cát, chùa Đại Tuệ trên đỉnh Đại Huệ thuộc xã Nam Anh...

Nói về văn hóa truyền thống, Nam Đàn là đại diện tiêu biểu về truyền thống văn hóa của xứ Nghệ. Sinh hoạt văn nghệ dân gian của người dân Nam Đàn từ xưa đã khá phong phú về thể loại như hát ví phường vải, hát dặm đò đưa, hò đối đáp trên sông... và nhiều lễ hội dân gian đặc sắc. Hàng năm có 2 lễ hội lớn trong năm được nhân dân tham gia ngày càng đông đảo với nhiều hoạt động phong phú, thu hút lòng người. Lễ hội Mai Hắc Đế tổ chức vào dịp rằm tháng giêng âm lịch diễn ra trên địa bàn của 3 xã: Thị trấn, Vân Diên, Nam Thái gắn liền với di tích đền thờ, lăng mộ Vua và lăng mộ mẹ Vua.

Lễ hội Làng Sen được tổ chức vào dịp sinh nhật Bác 19/5 hàng năm tại xã Kim Liên. Đây là lễ hội có qui mô lớn với ý nghĩa chính trị văn hóa truyền thống đặc biệt đối với đồng bào cả nước và khách quốc tế.

Về văn hóa ẩm thực, Nam Đàn là một vùng quê có nhiều đặc sản nổi tiếng như: Bánh đa, bánh đúc, thịt cầy, thịt me, thịt dê, hến, cá mòi sông Lam, bánh ong, hồng không hạt Đại Huệ, bột sắn dây, chanh trái vụ Thiên Nhẫn... Đó là những sản phẩm ngọt ngào hương vị đồng quê, vừa ngon miệng vừa rẻ tiền và bổ dưỡng.

Có thể nói rằng: Nam Đàn - Quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh là điểm hội tụ của các loại hình du lịch, từ du lịch văn hóa lịch sử đến du lịch sinh thái sông nước, rừng núi. Đến Nam Đàn vào dịp kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Bác và năm du lịch quốc gia tại Nghệ An 2005, quí khách sẽ được thưởng thức những món ăn vật chất và tinh thần phong phú và bổ ích.

NAM ĐÀN
Di tích và danh thắng

NGUYỄN THỊ HOA

Nam Đàn là nơi có bề dày lịch sử văn hoá lâu đời với nhiều truyền thống tốt đẹp. Nhưng điều đáng nói hơn vẫn là những con người ở đây giàu nghĩa khí và trọng đạo lý. Trải qua bốn ngàn năm lịch sử, ở thời nào người dân Nam Đàn cũng sống rất vẻ vang mà đặc biệt là vào những lúc tổ quốc lâm nguy, trăm nhà điêu đứng, thì xứ sở này lại xuất hiện những bậc anh hùng hào kiệt đứng ra cứu nước giúp dân như: Mai Hắc Đế, Phan Bội Châu, Chủ tịch Hồ Chí Minh – Cũng vì vậy mà từ xưa mảnh đất này đã có tiếng là "địa linh nhân kiệt".

Nam Đàn là một địa chỉ văn hoá đặc biệt của cả nước với hệ thống di tích và danh thắng đa dạng về loại hình, phong phú về nội dung. Mỗi di tích danh thắng được gắn với một sự tích lịch sử và lễ hội truyền thống đậm đà bản sắc xứ Nghệ.

Khu mộ, miếu thờ Vua Mai tại Núi Đụn

1. Khu di tích Kim Liên.

- Địa điểm: xã Kim Liên - huyện Nam Đàn.

- Khu di tích Kim Liên bao gồm 2 cụm: Cụm di tích Hoàng Trù và cụm di tích Làng Sen. Nơi đây ghi dấu đậm nét về quê hương, gia đình, thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh và hai lần Người về thăm quê.

Sao nắng Kim Liên. Ảnh: Nguyễn Đăng Việt

a. Cụm di tích Hoàng Trù

Bao gồm các di tích:

- Nhà cụ Hoàng Xuân Dương và bà Nguyễn Thị Kép.

- Nhà tranh ba gian của ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan.

- Nhà thờ chi nhánh họ Hoàng Xuân.

Cụm di tích này có nhiều kỷ vật đã chứng kiến những tháng năm rèn luyện khổ học và từng bước trưởng thành của ông Nguyễn Sinh Sắc, là nơi sinh Bác Hồ và các anh chị của Người, là nơi Người đã sống 5 năm đầu của tuổi ấu thơ và những giây phút xúc động khi về thăm quê lần thứ 2 (1961).

b. Cụm di tích Làng Sen

Bao gồm các di tích:

- Nhà ông phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.

- Lò rèn cố Diền.

- Giếng cốc.

- Nhà cử nhân Vương Thúc Quý, người thầy khai tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Nhà ông Nguyễn Sinh Nhậm, ông nội Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Cây đa, sân vận động, đền và đình Làng Sen.

Khu di tích Kim Liên là di tích đặc biệt quan trọng về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Di tích đền thờ và mộ Mai Hắc Đế.

- Gồm đền thờ và khu lăng mộ

nằm địa điểm Thị trấn Sa Nam và xã Vân Diên.

Năm 1996 Bộ Văn hoá thông tin cấp bằng di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia.

Vua Mai tên thật là Mai Thúc Loan, gốc người làng Mai Phụ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, sinh ra và lớn lên tại thôn Ngọc Trừng, xã Đông Liệt (nay là xã Nam Thái, huyện Nam Đàn).

Ông có công đánh đuổi giặc Đường ra khỏi bờ cõi giành lại quyền tự chủ cho đất nước. Mặc dù cuộc khởi nghĩa của ông chỉ tồn tại 5 năm (722 - 726) nhưng nó có một tiếng vang rất lớn bởi lần đầu tiên chúng ta đã có một sự liên minh với các nước láng giềng để đánh lại nhà Đường.

Vùng đất xây dựng ngôi đền này xưa là trung tâm đại bản doanh của nghĩa quân vua Mai, đồng thời là kinh đô của Mai triều thuở ấy. Tại đây, đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng gắn liền với công tích sự nghiệp của vua Mai. Khu đền này có ba toà: thượng điện, trung điện, hạ điện.

- Thượng điện: là nơi dành riêng thờ gia đình vua Mai.
- Trung điện: là nơi thờ 2 vị tướng của vua Mai.
- Hạ điện: là nơi thờ cộng đồng và là nơi dành chuẩn bị hành lễ.
- Đền thờ còn lưu giữ một số tài liệu, hiện vật như: long ngai, bài vị và các hiện vật có giá trị văn hoá khác.

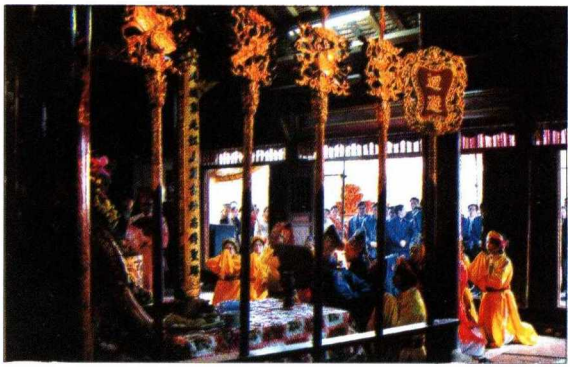

Đền vua Mai tại thị trấn Sa Nam Ảnh: Sỹ Minh

Từ đền thờ vua Mai, du khách theo đê 42 hoặc du thuyền theo tả ngạn sông Lam khoảng 2km về phía Tây sẽ đến khu mộ vua Mai. Hiện nay, khu mộ nằm giữa một thung lũng đẹp dưới chân Dun Sơn, dãy núi

có tiếng là "địa linh" xưa nay, là một danh sơn xứ Nghệ. Đến nay, trong dân gian xứ Nghệ vẫn còn lưu một bài vè nói về sự linh địa của địa danh này:

"Dụn Sơn phân giải
Bồ Đài thất thanh
Nam Đàn sinh thánh".

Đứng từ khu mộ, phóng tầm mắt nhìn xa về bốn hướng, du khách ngỡ như mình đang lạc vào một bức tường thành thiên nhiên, bởi bốn bề đều có núi non ôm ngự (3 phía Đông, Tây, Bắc đều được che chắn bởi các ngọn núi của dãy Dụn Sơn, phía trước là dòng sông Lam chảy cắt ngang qua).

Tương truyền rằng, sau khi Vua Mai bị thương nặng, nghĩa quân của ông đã lui về căn cứ này để bảo toàn lực lượng. Tại đây ông đã qua đời, các binh sĩ bí mật mai táng, về sau mới xây mộ đá. Cho đến năm Minh Mệnh thứ hai (1821) mộ được xây theo kiểu "Thượng miếu, hạ mộ". Sau mấy lần tu bổ mộ mới được xây lộ thiên như hiện nay.

Hàng năm, tại đền và mộ vua Mai có nhiều kỳ lễ trọng: hội đền rằm tháng giêng, giỗ vua Mai 16/9, giỗ Mai Hoàng hậu 15/7 (âm lịch). Trong đó, kỳ lễ hội Vua Mai vào rằm tháng giêng được tổ chức có quy mô lớn nhất: lễ rước kiệu, vật, đua thuyền, chọi gà, đánh đu, cờ người, múa hát... Mỗi kỳ lễ hội như vậy kéo dài trong 3 ngày 14, 15, 16.

3. Khu di tích lưu niệm Phan Bội Châu.

Địa điểm: Thị trấn Nam Đàn.

Phan Bội Châu là một chí sỹ yêu nước, đồng thời là một nhà văn hoá lớn của dân tộc.

Dích tích gồm 2 toà nhà tranh 6 gian và 1 nhà trưng bày về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng cuả cụ Phan Bội Châu từ năm 1867 đến 1940. Di tích đã được Nhà nước xếp hạng cấp Quốc gia năm 1992.

Hàng năm, vào các dịp: ngày sinh (26/12), ngày mất (29/10), lễ tết, Nhà nước tổ chức lễ kỷ niệm tưởng nhớ công lao của Cụ với đất nước, quê hương. (Có bài giới thiệu chi tiết hơn ở phần sau)

4. Đền Tán Sơn và mộ đồng chí Lê Hồng Sơn.

Địa điểm: xã Xuân Hoà.

a. Đền Tán Sơn

Đền Tán Sơn được xây dựng giữa thế kỷ thứ XVI thờ cụ phó Đức Vương và Mạc Đăng Lượng.

Đây là nơi hội tụ nhiều sự kiện lịch sử thời kỳ trung - cận đại ở địa phương, là nơi gắn liền với cuộc đời hoạt động của đồng chí Lê Hồng Sơn từ thời niên thiếu đến lúc ra đi tìm đường cứu nước.

Đền Tán Sơn là nơi gặp gỡ và bàn việc cứu nước của giới sĩ phu Nghệ Tĩnh trong phong trào Văn thân - Cần Vương, là nơi tập trung thanh niên đi xuất dương tìm đường cứu nước. Trước khi xuất dương, Lê Hồng Sơn đã từng lấy đền Tán Sơn làm nơi hội họp bí mật bàn việc cứu nước với đồng chí Lê Hồng Phong, Phạm Hồng Thái, Hồ Tùng Mậu, Đặng Thái Thuyến, Hữu Văn....

Đền Tán Sơn là địa điểm hội họp của các đồng chí Phủ uỷ, Tổng uỷ và cũng là nơi in ấn cất dấu tài liệu bí mật của Đảng, nơi tập trung các cuộc đấu tranh biểu tình. Đồng thời, đây là nơi thành lập Đảng của tổng Xuân Liễu, là trụ sở của chính quyền Xô Viết.

b. Mộ đồng chí Lê Hồng Sơn.

Nơi đây ngày 26/1/19933, đồng chí Lê Hồng Sơn đã hy sinh oanh liệt trước mũi súng quân thù. Thi hài đồng chí được nhân dân chôn cất tại rú Tán. Mãi đến năm 1956, mộ Lê Hồng Sơn mới được cải táng về nơi xử bắn. Qua ba lần tôn tạo tu sửa, hiện nay khu mộ Lê Hồng Sơn có một diện tích rộng, có tường bao quanh, có ao cá, hồ sen, đường đi lối lại đẹp đẽ.

Đền Tán Sơn và mộ đồng chí Lê Hồng Sơn thuộc loại hình di tích lịch sử cách mạng trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931, góp phần giáo dục lý tưởng và tinh thần yêu nước và cách mạng cho thế hệ trẻ mai sau.

Hiện nay di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia.

5. Di tích đền Nhạn Tháp

- Địa điểm: xã Hồng Long.
- Người được thờ: Lý Nhật Quang và Tam toà Thánh Mẫu.
- Kiến trúc: Đền gồm 2 toà: bái đường và hậu cung, được bố trí theo kiểu chữ "Đinh" kết cấu theo kiểu kẻ chuyền giá chiêng.
- Nhà hậu cung là nơi thờ Lý Nhật Quang và Tam toà Thánh Mẫu.
- Nhà bái đường là nơi thờ cộng đồng và là nơi chuẩn bị hành lễ.

Bên cạnh đền còn có phế tích chân móng "Tháp" đã được khai

quật. Để tưởng nhớ công ơn to lớn vị anh hùng dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ giang sơn đất nước, hàng năm vào các ngày lễ tết, sóc, vọng, đặc biệt là ngày 15/3 (lễ tế thần), nhân dân trong vùng và khách thập phương về dâng hương tưởng niệm và tham gia lễ hội rất đông.

Đền Nhạn Tháp đã được xếp hạng cấp Quốc gia vào năm 1993, là loại hình di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật.

6. Nhà thờ và mộ tiến sĩ Nguyễn Khắc Văn.

- Địa điểm : xã Hồng Long .

- Người được thờ: tiến sĩ Nguyễn Khắc Văn và tiên tổ của ông.

- Nhà thờ là công trình được con cháu dòng họ xây dựng vào cuối triều Lê và tu bổ lớn vào thời Nguyễn. Nhà thờ gồm một toà ba gian, hai hồi, kiểu nhà chuyền chụp.

Nguyễn Khắc Văn - danh nhân tài cao, học rộng, có nhiều cống hiến tích cực, góp phần ổn định chấn hưng đất nước vào thời kỳ triều Lê.

Được xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá năm 2002.

- Mộ là nơi lưu giữ hài cốt tiến sĩ Nguyễn Khắc Văn. Công trình được con cháu dòng họ xây cất c h u đáo. Tại mộ còn lưu giữ một văn bia ghi công tích của ông.

Hàng năm, vào ngày 15/2 âm lịch, con cháu đòng họ khắp mọi miền đất nước về làm lễ tế thần tổ, nước kiệu từ khu mộ về nhà thờ. Lễ hội đã phản ánh được phần nào về truyền thống trọng đạo nghĩa, uống nước nhớ nguồn, giáo dục con cháu đoàn kết, sống lành mạnh và có ý thức xây đựng quê hương đất nước.

7. Đền thờ Lê Đức Tuy.

- Địa điểm : xã Hùng Tiến.

- Lê Đức Tuy (1444 -1516) sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước. Vốn có tư chất thông minh từ nhỏ lại được sự dạy dỗ của người cha, ông ngày đêm dùi mài kinh sử, nuôi chí luyện tài, để không phụ lòng cha. Khi mới tuổi thành niên, ông thi đỗ hương cống.

Năm 1467, ông thi đỗ vào trường Quốc tử giám khi vừa tròn 23 tuổi. Ông là người có đức, có tài và được tuyển chọn, giao cho trọng trách cai quản lãnh phủ Anh Đô. Cả cuộc đời, ông đã đem hết tài năng đức độ để giúp dân, giúp

nước. Để tưởng nhớ tới công lao to lớn của ông, nhân dân và con cháu đã mai táng và lập đền thờ tại vùng bến Đá để bốn mùa hương khói phụng thờ.. Người đời sau ca ngợi ông qua 2 câu đối thờ ở đền như sau:

"Dực dực tại từ hiển dực lâm
Tuấn tuấn ư ương ngôn duy cẩn".

Nghĩa là: Vinh hiển của Người được thờ mãi ở đền

Tinh cẩn trọng của người còn lưu mãi ở quê hương.

Ngoài ra, đền còn thờ ông Lê Bá Qua và Lê Xuân Hoà.

- Kiến trúc: Đền thờ Lê Đức Tuy được bố trí theo kiểu trùng thềm điệp ốc, kiểu chữ "Tam".

- Nhà hạ điện: là nơi thờ cộng đồng và là nơi chuẩn bị hành lễ.

- Nhà trung điện: là nơi chôn cất hài cốt Lê Đức Tuy, hình thức "Thượng miếu, hạ mộ".

- Nhà thượng điện: Cung giữa là nơi thờ chính Lê Đức Tuy, cung trái và phải thờ Lê Bá Qua và Lê Xuân Hoà.

Với những hiện vật có giá trị tại đền như: gia phả, câu đối, đại tự bằng chữ Hán, kiệu long đình, biển vua ban, đồ bát bửu, long ngai bài vị ..., năm 2002 UBND tỉnh Nghệ An cấp bằng di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật.

Hàng năm, vào các ngày lễ tết, ngày sóc, vọng, và đặc biệt là vào ngày 15/1, nhân dân trong vùng và con cháu về làm lễ "tế thấn nước thần", góp phần làm đa dạng phong phú nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc.

8. Mộ thân mẫu Vua Mai.

- Địa điểm: núi Dẻ, xã Nam Thái.

- Nơi đây còn lưu giữ hài cốt của người mẹ đã có công sinh thành và dưỡng dục vị Anh hùng Mai Hắc Đế, Người có công đánh đuổi giặc Dường ra khỏi bờ cõi đất nước và lập nên nghiệp lớn đế vương ở thế kỷ VIII.

Cho tới nay, không ai còn biết đến tên thật của bà, nhân dân địa phương thường gọi đây là mộ bà Loan, theo phong tục tập quán của địa phương thường gọi tên mẹ, cha theo tên con cả.

Bà Loan vốn xuất thân trong một gia đình khá giả ở làng Muối, một làng ven biển của huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh. Không hiểu vì lý do gì bà đã phải bụng mang dạ

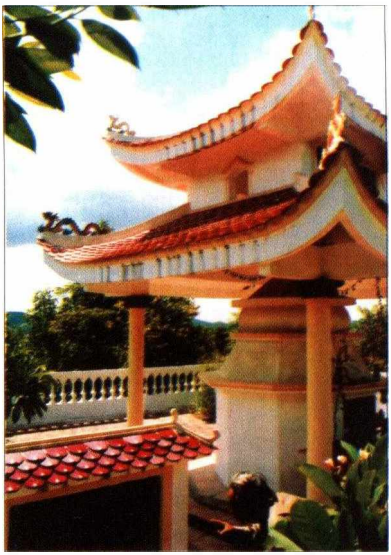

Mộ mẹ vua Mai tại núi Dẻ
Ảnh: Sỹ Minh

chữa lặn lội, lưu lạc đến tận thôn Ngọc Trừng, một vùng bán sơn địa của Huyện Nam Đàn để sinh sống.

Rồi đến tháng đến ngày, bà sinh ra một cậu con trai và đặt tên cho con là Mai Thúc Loan. Giữa lúc cậu con trai của bà chưa kịp vào tuổi trưởng thành thì bà qua đời.

Sau khi bà mất, dân làng Ngọc Trừng đã mai táng bà tại ngọn núi Dẻ này.

Hàng năm, vào các dịp lễ, tết, ngày hội đền Vua Mai rằm tháng giêng, ngày giỗ Vua Mai và ngày giỗ bà 4/7 (âm lịch), nhân dân trong vùng và khách thập phương về dự lễ rất đông. Khu mộ này xưa là mộ đất trên ghép đá. Mãi đến năm 2000 mới được xây lăng và năm 2004 được tạo khuôn viên đẹp đẽ như hiện nay.

9. Đền Nậm Sơn hay còn gọi là đền Đức Ông.

- Địa điểm: xóm Bắc Sơn xã Vân Diên.

- Người được thờ: Nậm Sơn Đại tướng.

- Đền Nậm Sơn là một công trình kiến trúc văn hoá tâm linh tưởng niệm Nậm Sơn đại tướng. Ông là một trong 4 vị tướng của Vua Mai và là người có công lớn trong công cuộc khởi nghĩa chống lại ách đô hộ nhà Đường ở thế kỷ VIII.

- Đền thờ Nậm Sơn nằm ngay trên vị trí đồn Nậm Sơn, một đồn trong hệ thống đồn luỹ của Mai Thúc Loan.

- Kiến trúc: đền có 2 toà: bái đường và hậu cung, được bố trí theo kiểu chữ "Đinh", kết cấu theo kiểu "Kẻ chuyền giá chiêng", kiểu "Tiền trụ".